

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Ngành: Ngôn Ngữ Anh**  
**Mã số: 52.22.02.01**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**Mẫu 5**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Ngành: Ngôn Ngữ Anh**  
**Mã số: 52.22.02.01**

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-ĐHSG-ĐT  
ngày tháng năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN 1 MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....</b>	<b>4</b>
1.1. Mục tiêu chung.....	4
1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra .....	4
1.2.1. Yêu cầu về kiến thức .....	4
1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng.....	4
1.2.3. Yêu cầu về thái độ.....	5
1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp .....	5
1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	5
1.5. Các chương trình đã tham khảo.....	5
1.5.1. Các chương trình trong nước .....	5
1.5.2. Các chương trình nước ngoài .....	5
<b>PHẦN 2 NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>6</b>
2.1. Khái quát chương trình đào tạo .....	6
2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo .....	6
2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo .....	6
2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp .....	6
2.2. Khung chương trình đào tạo .....	7
2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành (không có) .....	9
2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ .....	9
<b>PHẦN 3 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN.....</b>	<b>12</b>
TIẾNG TRUNG 1 .....	13
TIẾNG TRUNG 2 .....	16
TIẾNG TRUNG 3 .....	19
TIẾNG PHÁP 1 .....	22
TIẾNG PHÁP 2.....	26
TIẾNG PHÁP 3.....	30
LUYỆN ÂM .....	34
NGỮ ÂM – ÂM VỊ HỌC.....	38
NGỮ PHÁP .....	42
HÌNH THÁI – CÚ PHÁP HỌC .....	46
NGỮ NGHĨA HỌC .....	50
PHÂN TÍCH ĐIỂN NGÔN.....	54
NGÔN NGỮ XÃ HỘI HỌC .....	57
NGÔN NGỮ HỌC SO SÁNH ĐỐI CHIẾU .....	62

NGŨ DỤNG HỌC .....	65
NGŨ PHÁP CHÚC NĂNG .....	69
THƯỜNG THỨC ÂM NHẠC.....	72
ĐẤT NƯỚC HỌC ANH .....	75
ĐẤT NƯỚC HỌC MỸ.....	79
KỸ NĂNG NGHE 1 .....	83
KỸ NĂNG NGHE 2 .....	87
KỸ NĂNG NGHE 3 .....	91
KỸ NĂNG NÓI 1 .....	96
KỸ NĂNG NÓI 2 .....	100
KỸ NĂNG NÓI 3 .....	105
KỸ NĂNG ĐỌC 1 .....	108
KỸ NĂNG ĐỌC 2 .....	115
KỸ NĂNG ĐỌC 3 .....	121
KỸ NĂNG VIẾT 1 .....	125
KỸ NĂNG VIẾT 2 .....	130
KỸ NĂNG VIẾT 3 .....	133
NHẬP MÔN DỊCH THUẬT .....	136
KỸ NĂNG BIÊN DỊCH.....	139
KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH .....	142
CHUYÊN ĐỀ CÁC BÀI THI QUỐC TẾ.....	145
TỔNG QUAN DU LỊCH .....	149
ĐỊA LÝ DU LỊCH .....	152
TIẾNG ANH TRONG THUYẾT MINH DU LỊCH.....	157
QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG.....	162
THƯ TÍN THƯƠNG MẠI.....	165
THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 1 .....	171
THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 2.....	173
VĂN HỌC ANH.....	175
VĂN HỌC MỸ .....	179
MARKETING CĂN BẢN .....	182
TIẾNG ANH TRONG NHÀ HÀNG KHÁCH SẠN .....	189
LUẬT KINH DOANH .....	193
QUẢN TRỊ DU LỊCH .....	198

THỰC TẬP TỐT NGHIỆP .....	202
GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA.....	204
TIẾNG ANH VĂN PHÒNG.....	208
NGHIỆP VỤ THƯ KÍ .....	211

## PHẦN 1

### MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh có kiến thức tốt về tiếng Anh và sử dụng thành thạo tiếng Anh, có chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt, có khả năng thích ứng cao, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp thuộc lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng nhu cầu xã hội.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra

##### 1.2.1. Yêu cầu về kiến thức

###### 1.2.1.1. Kiến thức chung

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học của những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Trang bị tốt kiến thức pháp luật đại cương; nắm vững và thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục trong cả nước và tại Tp. Hồ Chí Minh.

- Hiểu biết và nắm bắt về giáo dục môi trường, dân số, an ninh quốc phòng, an toàn giao thông, quyền lợi và nghĩa vụ công dân.

- Có kiến thức về quản lý và điều hành liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.

###### 1.2.2. Kiến thức chuyên ngành

- Có trình độ nghiệp vụ và kỹ năng nghề nghiệp đủ để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ liên quan đến du lịch, khách sạn, nhà hàng, kinh doanh, kinh tế và xã hội, công tác biên – phiên dịch, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và nền kinh tế của đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Anh, văn hóa, xã hội và văn học Anh – Mỹ.

- Rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) bằng tiếng Anh ở mức độ thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn thông thường;

- Đạt chuẩn tiếng Anh theo quy định về chuẩn đầu ra của Bộ Giáo dục và đào tạo; có khả năng sử dụng ở mức độ cơ bản ít nhất một ngoại ngữ phụ: Nga, Hoa, Đức, Pháp, Hàn, Nhật, ...

- Có khả năng sử dụng máy tính và có kiến thức căn bản về tin học phục vụ cho chuyên ngành được đào tạo.

##### 1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau.

- Nắm bắt và vận dụng các kỹ năng xây dựng kế hoạch làm việc, tổ chức các hoạt động làm việc và quản lý cũng như các kiến thức về nghiên cứu ngôn ngữ để tham gia

thực hiện nghiên cứu khoa học hoặc các ứng dụng có liên quan.

- Có kỹ năng làm việc nhóm, viết báo cáo, thảo luận, thuyết trình bằng tiếng Anh.
- Có kỹ năng khai thác, xử lý thông tin và phản biện bằng tiếng Anh.
- Có kỹ năng biên và phiên dịch tiếng Anh.

### **1.2.3. Yêu cầu về thái độ**

- Có hạnh kiểm tốt, chấp hành pháp luật của nhà nước.
- Có ý thức tổ chức kỉ luật lao động cao.
- Có đạo đức nghề nghiệp, tâm huyết với nghề.
- Có tinh thần hợp tác, cầu tiến trong công việc.

## **1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các công ty du lịch, thương mại hoặc các công ty đa quốc gia và có khả năng học ở các trình độ cao hơn. Ngoài ra, có thể làm phiên dịch tiếng Anh hoặc những công việc có sử dụng tiếng Anh trong các tổ chức, doanh nghiệp, công ty thương mại.

## **1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Có thể học tiếp chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh, hoặc thạc sĩ Quản trị du lịch và Khách sạn – nhà hàng trong và ngoài nước; có khả năng tự học, tự bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học để nâng cao kiến thức và năng lực của bản thân.

## **1.5. Các chương trình đã tham khảo**

### **1.5.1. Các chương trình trong nước**

- Chương trình của Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chương trình của Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Chương trình của Đại học Sư phạm TP.HCM.
- Chương trình của Đại học Hoa Sen.
- Chương trình của Đại học Cần Thơ.

### **1.5.2. Các chương trình nước ngoài**

- Chương trình của University of Canberra (Australia).
- Chương trình của University of Sydney (Australia).

## PHẦN 2

### NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 2.1. Khái quát chương trình đào tạo

##### 2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo

- Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
- Thời gian đào tạo: 04 năm.

##### 2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ trong chương trình: **160** tín chỉ. Sinh viên phải tích lũy tối thiểu **132** tín chỉ (không kể 03 tín chỉ của môn học Giáo dục thể chất và 08 tín chỉ của môn học Giáo dục quốc phòng - An ninh), trong đó:

- Khối kiến thức chung: **19** tín chỉ (bắt buộc: 12 tín chỉ; tự chọn: 7 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở: **22** tín chỉ (bắt buộc: 21 tín chỉ; tự chọn: 2 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành: **75** tín chỉ (bắt buộc: 67 tín chỉ; tự chọn: 8 tín chỉ);
- Khối kiến thức chuyên ngành: **0** tín chỉ (bắt buộc: 0 tín chỉ; 0 tín chỉ)
- Thực tập nghề nghiệp: **06** tín chỉ.
- Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: **10** tín chỉ

##### 2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo theo quy định;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ 2 và tin học do Hiệu trưởng quy định;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và chứng chỉ Giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao;
- Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.



## 2.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
<b>I Khối kiến thức chung: 19/132 tín chỉ</b>										
<b>Bắt buộc: 12 / 19 tín chỉ</b>										
1	Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	861001	5	75				75	1	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2	30				30	1	861001
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3	45				45	1	861002
4	Pháp luật đại cương	865006	2	30				30	1	
5	Giáo dục thể chất (I)	862101	1				30	30	0.5	
6	Giáo dục thể chất (II)	862102	1				30	30	0.5	862101
7	Giáo dục thể chất (III)	862103	1				30	30	0.5	862101
8	Giáo dục Quốc phòng-An ninh (I)	862106	3	45				45	1	861003
9	Giáo dục Quốc phòng-An ninh (II)	862107	2	30				30	1	
10	Giáo dục Quốc phòng-An ninh (III)	862108	3				45	45	1	
<b>Tự chọn: 7/19 tín chỉ (SV chọn 1 trong 2 ngoại ngữ)</b>										
11	Tiếng Trung 1	813101	2	30				30	1	
12	Tiếng Trung 2	813002	2	30				30	1	813101
13	Tiếng Trung 3	813003	3	45				45	1	813002
14	Tiếng Pháp 1	813102	2	30				30	1	
15	Tiếng Pháp 2	813103	2	30				30	1	813102
16	Tiếng Pháp 3	813104	3	45				45	1	813103
<b>II Khối kiến thức cơ sở: 22/132 tín chỉ</b>										
<b>Bắt buộc: 20/22 tín chỉ</b>										
17	Luyện âm	813020	2	30				30	1	
18	Ngữ âm – âm vị học	813021	2	30				30	1	813020
19	Ngữ pháp	813106	3	45				45	1	
20	Hình thái – Cú pháp học	813301	3	45				45	1	813106
21	Ngữ nghĩa học	813026	2	30				30	1	813301
22	Tiếng Việt thực hành	865001	2	30				30	1	
23	Cơ sở văn hóa Việt Nam	865002	2	30				30	1	
24	Mĩ học	865004	2	30				30	1	
25	Phương pháp nghiên cứu khoa học	868001	2	30				30	1	
<b>Tự chọn: 2 / 22 tín chỉ</b>										
26	Phân tích điển ngôn	813075	2	30				30	1	813026
27	Ngôn ngữ xã hội học	813076	2	30				30	1	813301
28	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	813303	2	30				30	1	
29	Ngữ dụng học	813304	2	30				30	1	813026
30	Ngữ pháp chức năng	813305	2	30				30	1	813106

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
31	Thường thức âm nhạc	813302	2	30				30	1	
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức ngành: 75 / 132 tín chỉ</b>									
	<b>Bắt buộc: 67 / 75 tín chỉ</b>									
32	Đất nước học Anh	813054	2	30				30	1	813062
33	Đất nước học Mỹ	813055	2	30				30	1	813062
34	Kỹ năng Nghe 1	813051	2	30				30	1	
35	Kỹ năng Nghe 2	813056	2	30				30	1	813051
36	Kỹ năng Nghe 3	813306	2	30				30	1	813056
37	Kỹ năng Nói 1	813059	2	30				30	1	
38	Kỹ năng Nói 2	813060	2	30				30	1	813059
39	Kỹ năng Nói 3	813307	3	45				45	1	813060
40	Kỹ năng Đọc 1	813062	2	30				30	1	
41	Kỹ năng Đọc 2	813063	2	30				30	1	813062
42	Kỹ năng Đọc 3	813308	2	30				30	1	813063
43	Kỹ năng Viết 1	813064	3	45				45	1	
44	Kỹ năng Viết 2	813065	3	45				45	1	813064
45	Kỹ năng Viết 3	813066	3	45				45	1	813065
46	Nhập môn dịch thuật	813309	3	45				45	1	
47	Kỹ năng Biên dịch	813310	3	45				45	1	813309
48	Kỹ năng Phiên dịch	813078	3	45				45	1	813309
49	Chuyên đề các bài thi quốc tế	813311	3	45				45	1	
50	Tổng quan du lịch	838301	3	45				45	1	813063
51	Địa lý du lịch	838302	4	60				60	1	813060
52	Tiếng Anh trong thuyết minh du lịch	838303	3	45				45	1	813060
53	Quản trị văn phòng	838105	2	30				30	1	
54	Quản trị học	867004	4	60				60	1	
55	Thư tín thương mại	838304	3	45				45	1	813064
56	Thực tế chuyên môn 1	838305	2							
57	Thực tế chuyên môn 2	838111	2							838305
	<b>Tự chọn: 8 / 75 tín chỉ</b>									
58	Văn học Anh	813050	2	30				30	1	813054
59	Văn học Mỹ	813053	2	30				30	1	813055
60	Marketing căn bản	838306	3	45				45	1	
61	Quản trị nhân lực	867005	3	45				45	1	
62	Tiếng Anh trong nhà hàng khách sạn	838307	3	45				45	1	
63	Luật kinh doanh	838004	3	45				45	1	865006

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
64	Quản trị du lịch	838074	3	45				45	1	
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành: 0 / 132 tín chỉ</b>									
	Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành được ghi trong mục 2.3									
<b>V</b>	<b>Thực tập: 6/132 tín chỉ</b>									
65	Thực tập tốt nghiệp	838098	6							838111
<b>VI</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 10 / 132 tín chỉ</b>									
66	Khóa luận tốt nghiệp	838099	10							
	<b>Các học phần thay thế KLTN</b>		<b>10</b>							
67	Giao tiếp liên văn hóa	813077	3	45				45	1	813063
68	Nguyên lý kế toán	867002	3	45				45	1	
69	Tiếng Anh văn phòng	838308	2	30				30	1	
70	Nghiệp vụ thư ký	838112	2	30				30	1	
	<b>Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy</b>		<b>132 tín chỉ / 160 tín chỉ</b>							

### 2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành (không có)

### 2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung: 19 / 132 tín chỉ</b>											
	<b>Bắt buộc: 12 / 19 tín chỉ</b>											
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	861001	5	x								
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2		x							
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3			x						
4	Pháp luật đại cương	865006	2	x								
5	Giáo dục thể chất (I)	862101	1	x								
6	Giáo dục thể chất (II)	862102	1		x							
7	Giáo dục thể chất (III)	862103	1			x						
8	Giáo dục Quốc phòng-An ninh (I)	862106	3				x					
9	Giáo dục Quốc phòng-An ninh (II)	862107	2		x							
10	Giáo dục Quốc phòng-An ninh (III)	862108	3			x						
	<b>Tự chọn: 07 / 19 tín chỉ</b>											
11	Tiếng Trung 1	813101	2		x							
12	Tiếng Trung 2	813002	2			x						
13	Tiếng Trung 3	813003	3				x					
14	Tiếng Pháp 1	813102	2		x							
15	Tiếng Pháp 2	813103	2			x						
16	Tiếng Pháp 3	813104	3				x					
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở: 22 / 132 tín chỉ</b>											
	<b>Bắt buộc: 20/22 tín chỉ</b>											

17	Luyện âm	813020	2	x										
18	Ngữ âm – âm vị học	813021	2		x									
19	Ngữ pháp	813106	3	x										
10	Hình thái – Cú pháp học	813301	3				x							
21	Ngữ nghĩa học	813026	2							x				
22	Tiếng Việt thực hành	865001	2		x									
23	Cơ sở văn hóa Việt Nam	865002	2					x						
24	Mĩ học	865004	2				x							
25	Phương pháp nghiên cứu khoa học	868001	2							x				
<b>Tự chọn: 2/22 tín chỉ</b>														
26	Phân tích diễn ngôn	813075	2											x
27	Ngôn ngữ xã hội học	813076	2											x
28	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	813303	2									x		
29	Ngữ dụng học	813304	2									x		
30	Ngữ pháp chức năng	813305	2			x								
31	Thường thức âm nhạc	813302	2											x
<b>III Khối kiến thức ngành: 75 / 132 tín chỉ</b>														
<b>Bắt buộc: 66 / 75 tín chỉ</b>														
32	Đất nước học Anh	813054	2		x									
33	Đất nước học Mỹ	813055	2			x								
34	Kỹ năng Nghe 1	813051	2	x										
35	Kỹ năng Nghe 2	813056	2		x									
36	Kỹ năng Nghe 3	813306	2			x								
37	Kỹ năng Nói 1	813059	2	x										
38	Kỹ năng Nói 2	813060	2		x									
39	Kỹ năng Nói 3	813307	3			x								
40	Kỹ năng Đọc 1	813062	2	x										
41	Kỹ năng Đọc 2	813063	2		x									
42	Kỹ năng Đọc 3	813308	2			x								
43	Kỹ năng Viết 1	813064	3		x									
44	Kỹ năng Viết 2	813065	3			x								
45	Kỹ năng Viết 3	813066	3							x				
46	Nhập môn dịch thuật	813309	3							x				
47	Kỹ năng Biên dịch	813310	3								x			
48	Kỹ năng Phiên dịch	813078	3									x		
49	Chuyên đề các bài thi quốc tế	813311	3											x
50	Tổng quan du lịch	838301	3			x								
51	Địa lý du lịch	838302	4				x							
52	Tiếng Anh trong thuyết minh du lịch	838303	3							x				
53	Quản trị văn phòng	838105	2										x	
54	Quản trị học	867004	4								x			
55	Thư tín thương mại	838304	3							x				
56	Thực tế chuyên môn 1	838305	2			x								



**PHẦN 3**  
**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN**

**HỌC PHẦN  
 TIẾNG TRUNG 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Trung 1
- Mã học phần: 813101
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (15; 15; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

**3. Mô tả học phần**

Mục tiêu chủ yếu là giúp người học nắm vững các kỹ năng phát âm và có thể biết đọc, biết viết một số lượng nhất định chữ Hán thường dùng.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Nắm được qui tắc ngữ âm tiếng Hán, bao gồm thanh mẫu, vận mẫu, ghép thanh mẫu với vận mẫu, thanh điệu, đặc điểm và phương pháp phát âm thanh nhẹ, sự biến điệu của thanh điệu, quy tắc phát âm của âm cuốn lưỡi, ngữ điệu và trọng âm của câu.
- Nắm được qui tắc viết chữ theo thứ tự các nét.

4.2. Về kỹ năng

- Có thể đọc được phiên âm chữ Hán.
- Biết viết chữ Hán theo đúng qui tắc.

4.3. Về thái độ

- Thái độ học tập nghiêm túc và tích cực
- Có ý thức rèn luyện chữ viết và cách phát âm.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Bài 1 : Xin chào! (你好)</b>	8	Giảng lý thuyết ngữ âm kết hợp trình chiếu slide về sơ đồ bộ phận phát âm
1. Vận mẫu: a o e i u u ai ei ao ou và thanh mẫu b p m f d t n l g k h		

2. Bốn thanh điệu trong tiếng Hán		
3. Biến điệu của thanh 3		
4. Các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ		
<b>Bài 2 : Tiếng Hán không khó lắm (汉语不太难)</b>		
1. Vận mẫu: an en ang eng ong	6	Cho nghe băng rèn luyện khả năng phân biệt các âm và thanh điệu
2. Thanh nhẹ và các từ mang thanh nhẹ		
3. Cách đọc của thanh 3 khi đứng trước thanh 1,2,4.		
4. Tiến hành đối thoại theo bài khoá		
<b>Bài 3: Cảm ơn (谢谢! )</b>		
1. Thanh mẫu j q x và vận mẫu i ia ie iao iou(iu) ian in iang ing iong	4	Rèn luyện viết chữ, cách phát âm.
2. Biến điệu của “不”		
3. Đọc bài khoá		
<b>Bài 4: Bạn đi đâu? (你去哪儿? )</b>		
1. Thanh mẫu z c s và vận mẫu i er ua uo uai uei(ui) uan uen(un)	4	Rèn luyện viết chữ, tập đối thoại
2. Âm cuốn lưỡi		
3. Tên các ngày trong tuần		
4. Đối thoại theo bài khoá		
<b>Bài 5: Đây là sách gì? (这是什么书? )</b>		
1. Thanh mẫu zh ch sh r và vận mẫu -i cùng cách phối hợp âm tiết.	4	Rèn luyện viết chữ, tập đối thoại
2. Đối thoại theo bài khoá		
<b>Bài 6: Ôn tập: Đây là thầy Vương (这是王老师)</b>		
1. Ôn tập toàn bộ các thanh mẫu, vận mẫu đã học và cách phối hợp các âm tiết.	4	Ôn tập từ bài 1 đến bài 5
2. Tập viết chữ		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục (biên dịch-2004), *Giáo trình Hán ngữ*, Tập 1 - quyển 1, NXB Khoa học Xã hội.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình (2005), *Giáo trình “301 câu đàm thoại tiếng Hoa”*, NXB Tổng hợp TPHCM.

2. Lê Đình Khản (1997), *Những vấn đề cơ bản của chữ Hán*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3. Phan Kỳ Nam (1994), *Ngữ pháp tiếng Hoa đại cương*, NXB Trẻ.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 1 bài

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.



7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Phạm Thị Đoàn Trang

**HỌC PHẦN  
 TIẾNG TRUNG 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Trung 2
- Mã học phần: 813002
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (15; 15; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Tiếng Trung 1 (813101)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên**

**3. Mô tả học phần**

Tiếp tục luyện tập và củng cố ngữ âm, chú trọng luyện ngữ điệu, ngữ khí và trọng âm. Thông qua giảng luyện bài khoá và mẫu câu đơn giản để bồi dưỡng cho sinh viên những kĩ năng ngôn ngữ về nghe nói đọc viết trong giai đoạn đầu.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Nắm được nguyên tắc cơ bản về cách đọc và cách viết
- Nắm được một số điểm ngữ pháp

4.2. Về kĩ năng

Có khả năng giao tiếp những câu đơn giản hàng ngày.

4.3. Về thái độ

Cần có ý thức chuyên cần.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Bài 7: Tôi học tiếng Hán (我学习汉语)</b>	5	Tập nghe và nói theo băng
1. Biến điệu của thanh 3 và thanh nhẹ. 2. Cách hỏi họ tên và quốc tịch người khác và cách tự giới thiệu họ tên và quốc tịch của mình.		
<b>Bài 8: Bạn ăn gì? (你吃什么?)</b>	5	Tập đối thoại
1. Sự biến điệu của số từ “一”		

2.Cách dùng lượng từ “个”		
3.Cách mua thức ăn và gọi món ăn		
<b>Bài 9: Bao nhiêu tiền một cân táo (苹果多少钱一斤)</b>	5	Luyện chính tả, làm bài tập theo yêu cầu.
1. Luyện tập ngữ âm		
2. Trợ từ ngữ khí “吧”		
3. Cách mua bán, hỏi giá và mặc cả		
<b>Bài 10: Tôi đổi Nhân Dân Tệ (我换人民币)</b>	5	Luyện khẩu ngữ, viết chính tả
1.Luyện ngữ âm		
2.Tên các loại tiền bằng tiếng Hán.		
3.Cách nói đổi các loại tiền		
<b>Bài 11: Anh ấy sống ở đâu? (他住哪儿?)</b>	5	Cho xem một số video theo chủ đề đã học.
1. Luyện ngữ âm.		
2. Mối quan hệ giữa trật tự từ và ngữ pháp tiếng Hán.		
3. Kết cấu cơ bản của câu vị ngữ động từ: 主语(S) + 动词(V) + 宾语(O)		
4. Đối thoại theo bài khoá		
<b>Bài 12: Ôn tập 2: Bạn khỏe không? (你身体好吗)</b>	5	Ôn lại một số trọng điểm
1.Luyện ngữ âm.		
2.Cách hỏi thăm: “好久不见了, 你身体好吗?”		
3.Cách dùng của lượng từ: 个、本、枝		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục (biên dịch-2004), *Giáo trình Hán ngữ*, Tập 1- quyển 1, NXB Khoa học Xã hội.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình (2005), *Giáo trình “301 câu đàm thoại tiếng Hoa”*, NXB Tổng hợp TPHCM.

2. Lê Đình Khẩn (1997), *Những vấn đề cơ bản của chữ Hán*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3. Phan Kỳ Nam (1994), *Ngữ pháp tiếng Hoa đại cương*, NXB Trẻ.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Phạm Thị Đoàn Trang

**HỌC PHẦN  
 TIẾNG TRUNG 3**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Trung 3
- Mã học phần: 813003
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (20; 25; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Tiếng Trung 2 (813002)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên**

**3. Mô tả học phần**

Thông qua các đoạn hội thoại và những đoạn văn ngắn sinh động, củng cố ngữ pháp, mở rộng lượng từ vựng, nâng cao khả năng biểu đạt ngôn ngữ và khả năng giao tiếp.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Phát âm chính xác thanh điệu và phân biệt được thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu.
- Có thể dùng từ, mẫu câu để tiến hành hội thoại đơn giản trong cuộc sống thường ngày.

4.2. Về kĩ năng

Nâng cao khả năng nghe, nói, đọc, viết.

4.3. Về thái độ

Người học phải thường xuyên ôn tập, củng cố và nâng cao những kiến thức đã học.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Bài 13: Chúng tôi đều là lưu học sinh.</b> (我们都是留学生)	6	Đàm thoại theo chủ đề, kiểm tra bài cũ.
1.Cách hỏi và trả lời câu nghi vấn “.....吗?”		
2.Vị trí của trạng ngữ trong câu.		

3. Phó từ “也” và “都” làm trạng ngữ.		
4. cách giới thiệu (tên, chức danh, quốc tịch của một người ) và cách xin lỗi.		
<b>Bài 14: Bạn học ở đâu? (你在哪儿学习?)</b>		
1. Cách dùng các đại từ nghi vấn : 什么、哪儿...	6	Đàm thoại theo chủ đề, kiểm tra bài cũ.
2. Nắm được cấu trúc, vai trò, vị trí của định ngữ và trợ từ kết cấu “的”.		
3. Cách sử dụng giới từ “在”, “给” và tân ngữ của nó làm trạng ngữ của động từ.		
<b>Bài 15: Cái vali này rất nặng. (这个箱子很重)</b>		
1. Kết cấu của câu vị ngữ hình dung từ.	6	Đàm thoại theo chủ đề, luyện nghe theo băng
2. Cách hỏi dùng câu chính phủ.		
3. Nắm được cách dùng từ tổ chữ “的”.		
<b>Bài 16: Xe của bạn mới hay cũ? (你的车是新的还是旧的?)</b>		
1. Câu hỏi lựa chọn: ... 还是... ?	6	Đàm thoại theo chủ đề, luyện nghe theo băng
2. Câu hỏi tình lược dùng “呢”.		
<b>Bài 17: Công ty bạn có bao nhiêu nhân viên? (你们公司有多少职员?)</b>		
1. Câu chữ “有”: A+(没)有+B	6	Tập trả lời câu hỏi. Yêu cầu làm bài tập trước khi đến lớp.
2. Nắm được cách đếm số.		
3. Kết cấu của cụm từ chỉ số lượng: 数+量+名		
4. Nắm được cách dùng, vị trí của “多”		
5. Phân biệt cách dùng, ý nghĩa của: “二” và “两”, “都不是” và “不都是”		
6. Cách dùng của “几” và “多少”		
<b>Bài 18: Bài ôn tập: Căn phòng của tôi. (我的房间)</b>	3	Tập đọc và viết 1 đoạn văn ngắn
<b>Bài 19: Bạn có thường xuyên đến thư viện không? (你常去图书馆吗?)</b>		
1. Từ ngữ chỉ thời gian làm trạng ngữ.	6	Đàm thoại theo chủ đề, kiểm tra bài cũ.
2. Sự khác nhau giữa: “还是” và “或者”; “咱们” và “我们”; “总” và “常”; “很少” và “很多”		
3. Cách dùng của: “好吗? ” ; trợ từ ngữ khí “吧”		
<b>Bài 20: Bạn ấy đang làm gì thế? (他在做什么?)</b>		
1. Cách dùng và ý nghĩa của các từ: 在/正/正在....呢.	6	Đàm thoại theo chủ đề, kiểm tra bài cũ. Ôn lại một số ngữ pháp trọng điểm.

2.Nắm được kết cấu của câu có hai tân ngữ.		
3.Cách hỏi phương thức của hành vi động tác: 怎么+动词		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục (biên dịch -2004), *Giáo trình Hán ngữ*, Tập 1-quyển 1, quyển 2, NXB Khoa học Xã hội.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình (2005), *Giáo trình “301 câu đàm thoại tiếng Hoa”*, NXB Tổng hợp TP HCM.

2. Lê Đình Khản (1997), *Những vấn đề cơ bản của chữ Hán*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3. Phan Kỳ Nam (1994), *Ngữ pháp tiếng Hoa đại cương*, NXB Trẻ.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Phạm Thị Đoàn Trang

**HỌC PHẦN  
TIẾNG PHÁP 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Pháp 1
- Mã học phần: 813102
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết: (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học HP/MH:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần:**

Với thời lượng là 30 tiết (tương đương với 25 giờ), học phần Tiếng Pháp 1 sẽ trang bị cho sinh viên một phần kiến thức về ngôn ngữ Pháp ở trình độ A1 (thời lượng dạy và học là 100 giờ) theo Khung tham chiếu chung của Cộng đồng Châu Âu dành cho các ngôn ngữ (Cadre européen commun de référence pour les langues), kỹ năng giao tiếp, chủ yếu là nghe hiểu và nói những câu giao tiếp thông dụng và với thái độ tự tin, có thể đối đáp trong những tình huống giao tiếp đơn giản. Sau 15 tiết học và làm quen với tiếng Pháp, sinh viên sẽ được kiểm tra và đánh giá qua bài kiểm tra giữa kì. Ngoài ra, trong quá trình giảng dạy, giáo viên sẽ kết hợp thêm việc đánh giá năng lực sinh viên qua các bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức:

- Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về từ vựng và mẫu câu trong tiếng Pháp.
- Giúp sinh viên nói, nghe và hiểu các đoạn giao tiếp cơ bản trong tiếng Pháp; đọc và viết được các đoạn văn ngắn về cách tự giới thiệu và giới thiệu người khác, về mô tả và định vị các sự vật bằng tiếng Pháp.

4.2. Về kỹ năng:

Sau khi học xong, sinh viên có thể nghe, nói, đọc và viết được những mẫu câu đơn giản về giao tiếp, mô tả người, mô tả đồ vật trong tiếng Pháp.



## 4.3 Về thái độ:

Sinh viên phát huy tinh thần làm việc theo nhóm, theo tập thể để tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả hơn, đồng thời phát huy tinh thần học hỏi, tư duy trong học tập.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần**

<b>Nội dung chi tiết HP/MH</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá</b>
<b>1. Leçon 0: PREMIERS CONTACTS</b>	4	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)
1.1. Les lettres de l’alphabet		
1.2. L’alphabet phonétique		
1.3. Épellation – Les accents		
1.4. Les nombres (de 1 à 1.000.000)		
1.5. Les phrases utiles de la classe		
<b>2. Leçon 1: BIENVENUE!</b>	4	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ điểm của bài học và làm bài tập theo nhóm.
2.1. Objectifs communicatifs		
2.1.1. Saluer		
2.1.2. Demander et dire le prénom et le nom		
2.2. Objectifs linguistiques		
2.2.1. Les verbes <i>être, s’appeler</i> au présent		
2.2.2. Les pronoms personnels		
2.2.3. Masculin et féminin des noms		
2.2.4. L’interrogation avec qui		
2.3. Savoir-faire: Se présenter et présenter quelqu’un		
<b>3. Leçon 2: QUI EST-CE?</b>	4	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ điểm của bài học và làm bài tập theo nhóm.
3.1. Objectifs communicatifs		
3.1.1. Identifier une personne		
3.2. Objectifs linguistiques		
3.2.1. L’article défini au singulier		
3.2.2. Le genre des noms et des adjectifs		
3.2.3. Prépositions + noms de pays et de ville		
3.3. Savoir-faire : Faire connaissance avec quelqu’un		
<b>4. Leçon 3: ÇA VA BIEN?</b>	4	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ điểm của bài học
4.1. Objectifs communicatifs		
4.1.1 Aborder quelqu’un		
4.1.2 Demander l’âge, l’adresse, le numéro de téléphone		

4.2. Objectifs linguistiques		và làm bài tập theo nhóm.
4.2.1. Les verbes <i>aller</i> et <i>avoir</i> au présent		
4.2.2. L'adjectif possessif au singulier et au pluriel		
4.2.3. L'article indéfini		
4.2.4. L'adjectif interrogatif <i>quel</i> et <i>quelle</i>		
4.3. Savoir-faire : Demander des nouvelles d'une personne		
<b>5. Leçon 4: CORRESPONDANCE.COM</b>	3	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa) Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
5.1. Objectifs communicatifs		
5.1.1. Parler de ses goûts		
5.2. Savoir-faire		
5.2.1. Chercher un(e) correspondant(e)		
5.2.2. Lateral explosion		
<b>6. Kiểm tra giữa kì</b>	2	
<b>7. Leçon 5: TROUVEZ L'OBJET</b>	3	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
7.1. Objectifs communicatifs		
7.1.1. Nommer, montrer et situer des objets		
7.2. Objectifs linguistiques		
7.2.1. Le pluriel des articles et des noms		
7.2.2. <i>Il y a</i>		
7.2.3. L'interrogation avec <i>qu'est-ce que</i>		
7.3. Savoir-faire : Décrire et localiser des objets		
<b>8. Leçon 6: PORTRAIT – ROBOT</b>	4	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
8.1. Objectifs communicatifs		
8.1.1. Exprimer la possession		
8.1.2. Indiquer les couleurs		
8.2. Objectifs linguistiques		
8.2.1. Les pronoms toniques		
8.2.2. La négation <i>ne...pas</i>		
8.2.3. L'accord des adjectifs avec le nom		
8.3. Savoir-faire : Identifier quelqu'un		
<b>9. Ôn tập</b>	2	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1) CAPELLE G. et MENAND R., *Le nouveau Taxi 1, Méthode de français*, Hachette Livre, Paris, 2009.

2) CAPELLE G. et MENAND R., *Le nouveau Taxi 1, Cahier d'exercices*, Hachette Livre, Paris, 2009.

## 6.2. Tài liệu khác

- 1) MONNERIE–GOARIN Annie et SIREJOLS Evelyne, *Champion 1*, CLE international, Paris, 2001.
- 2) GIRARDET J. et PÉCHEUR J., *Campus 1*, CLE International, Paris, 2002.
- 3) AUGÉ H. et al, *Tout va bien 1*, CLE International, Paris, 2004.
- 4) Các trang web: [www.fle.fr](http://www.fle.fr), [www.edufle.fr](http://www.edufle.fr), [www.bonjourdefrance.com](http://www.bonjourdefrance.com)

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Huỳnh Ngọc Trang

**HỌC PHẦN**  
**TIẾNG PHÁP 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Pháp 2
- Mã học phần: 813103
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết: (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học HP/MH:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Tiếng Pháp 1 (813102)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần:**

Học phần sẽ trang bị tiếp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ Pháp ở trình độ A1 (thời lượng dạy và học là 100 giờ) theo Khung tham chiếu chung của Cộng đồng Châu Âu dành cho các ngôn ngữ (Cadre européen commun de référence pour les langues), kỹ năng giao tiếp, chủ yếu là nghe hiểu và nói những câu giao tiếp thông dụng và với thái độ tự tin, có thể đối đáp trong những tình huống giao tiếp đơn giản. Các bài học được xây dựng kết hợp phần lý thuyết và thực hành. Sau 15 tiết học, sinh viên sẽ được kiểm tra và đánh giá qua bài kiểm tra giữa kì. Ngoài ra, trong quá trình giảng dạy, giáo viên sẽ kết hợp thêm việc đánh giá năng lực sinh viên qua các bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1 Về kiến thức:**

- Trang bị cho sinh viên từ vựng và mẫu câu theo từng chủ đề: mua sắm, miêu tả căn nhà hoặc căn hộ, hỏi và chỉ đường, trình bày những thông tin về du lịch hoặc về các chuyến đi.

- Giúp sinh viên luyện tập giao tiếp bằng tiếng Pháp theo các chủ đề.

**4.2 Về kỹ năng:** Sau khi học xong, sinh viên có thể nghe, nói, đọc, và viết được các mẫu câu, đoạn văn cơ bản bằng tiếng Pháp.

**4.2 Về thái độ:** Sinh viên phát huy tinh thần làm việc theo nhóm, theo tập thể để tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả hơn, đồng thời phát huy tinh thần học hỏi, tư duy trong học tập.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Leçon 7: SHOPPING</b> 1.1. Objectifs communicatifs 1.1.1. Caractériser un objet 1.1.2. Demander et indiquer le prix Demander et indiquer le prix 1.1.3. Exprimer des goûts 1.2. Objectifs linguistiques 1.2.1. L’adjectif interrogatif <i>quels et quelles</i> 1.2.2. L’interrogation avec <i>comment, combien</i> 1.2.3. Les adjectifs démonstratifs <i>ce(s), cet(te)</i> 1.3. Savoir-faire : Faire des achats	4	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
<b>2. Leçon 9: APPARTEMENT À LOUER</b> 2.1. Objectifs communicatifs 2.1.1. Situer un lieu sur un plan 2.1.2. S’informer sur un lieu 2.1.3. Décrire un appartement 2.2. Objectifs linguistiques 2.2.2. Les pronoms toniques au pluriel 2.2.3. Les prépositions + nom 2.2.4. L’interrogation avec <i>où</i> 2.3. Savoir-faire : Comprendre une annonce immobilière	4	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
<b>3. Leçon 10: C’EST PAR OÙ?</b> 3.1. Objectifs communicatifs 3.1.2. Demander son chemin 3.1.3. Indiquer une direction 3.1.4. Indiquer un moyen de transport 3.2. Objectifs linguistiques 3.2.2. L’impératif 3.2.3. <i>Prendre</i> au présent 3.2.4. Les prépositions et articles contractés 3.2.5. L’adverbe <i>Y</i> 3.3. Savoir-faire : Demander et in diquer un chemin	5	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
<b>4. Kiểm tra giữa kì</b>	2	
<b>5. Leçon 11: BON VOYAGE!</b>	4	Giáo án điện tử: bài

5.1.	Objectifs communicatifs		học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)	
5.1.2.	Situer un lieu sur une carte			
5.1.3.	Donner un conseil			
5.2.	Objectifs linguistiques			
5.2.2.	<i>C'est</i> + lieu/+ article +nom/ + adjective			
5.2.3.	Les préposition de lieu			
5.2.4.	Le pronom sujet <i>On</i>			
5.3.	Savoir-faire: Présenter des informations touristiques			
<b>6.</b>	<b>Leçon 13: UN ALLER SIMPLE</b>	4	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)	
6.1.	Objectifs communicatifs			
6.1.2.	Demander et donner l'heure			
6.1.3.	Indiquer une date			
6.1.4.	Demander poliment			
6.2.	Objectifs linguistiques			
6.2.2.	L'interrogation avec <i>quand, quelle</i>			
6.2.3.	Le verbe <i>Partir</i> au présent			
6.3.	Savoir-faire: Réserver un billet de train	5	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)	
<b>7.</b>	<b>Leçon 14: À LONDRES</b>			
7.1.	Objectifs communicatifs			
7.1.2.	Demander la profession de quelqu'un			
7.1.3.	Situer dans le temps			
7.2.	Objectifs linguistiques			
7.2.2.	<i>Faire</i> au présent			
7.2.3.	L'interrogation avec <i>est-ce que, qu'est-ce que, quand est-ce que, où est-ce que</i>			
7.2.4.	Le genre des noms	Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ điểm của bài học và làm bài tập theo nhóm.		
7.3.	Savoir-faire: S'informer sur les activités des autres			
<b>8.</b>	<b>Ôn tập</b>		2	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1) CAPELLE G. et MENAND R., *Le nouveau Taxi 1, Méthode de français*, Hachette Livre, Paris, 2009.

2) CAPELLE G. et MENAND R., *Le nouveau Taxi 1, Cahier d'exercices*, Hachette Livre, Paris, 2009.

### 6.2. Tài liệu khác

1) MONNERIE–GOARIN Annie et SIREJOLS Evelyne, *Champion 1*, CLE international, Paris, 2001.

2) GIRARDET J. et PÉCHEUR J., *Campus 1*, CLE International, Paris, 2002.

3) AUGE H. et al, *Tout va bien 1*, CLE International, Paris, 2004.

4) Các trang web: [www.fle.fr](http://www.fle.fr), [www.edufle.fr](http://www.edufle.fr), [www.bonjourdefrance.com](http://www.bonjourdefrance.com)

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Huỳnh Ngọc Trang

**HỌC PHẦN  
TIẾNG PHÁP 3****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Pháp 3
- Mã học phần: 813104
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- Số tiết: (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học HP/MH:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Tiếng Pháp 2 (813103)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần:**

Học phần sẽ trang bị tiếp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ Pháp ở trình độ A1 (thời lượng dạy và học là 100 giờ) theo Khung tham chiếu chung của Cộng đồng Châu Âu dành cho các ngôn ngữ (Cadre européen commun de référence pour les langues), kỹ năng giao tiếp, chủ yếu là nghe hiểu và nói những câu giao tiếp thông dụng và với thái độ tự tin, có thể đối đáp trong những tình huống giao tiếp đơn giản. Các bài học được xây dựng kết hợp phần lý thuyết và thực hành. Sau 20 tiết học, sinh viên sẽ được kiểm tra và đánh giá qua bài kiểm tra giữa kì. Ngoài ra, trong quá trình giảng dạy, giáo viên sẽ kết hợp thêm việc đánh giá năng lực sinh viên qua các bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

- Trang bị cho sinh viên kiến thức về văn hóa của người Pháp trong đời sống hàng ngày và trong công việc.
- Giúp sinh viên tự trang bị vốn từ vựng và khả năng sử dụng tiếng Pháp trong giao tiếp, học tập và nghiên cứu.

**4.2. Về kỹ năng:** Sau khi học xong, sinh viên có thể tự tin hơn trong việc sử dụng tiếng Pháp.



4.3. Về thái độ: Sinh viên phát huy tinh thần làm việc theo nhóm, theo tập thể để tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả hơn, đồng thời phát huy tinh thần học hỏi, tư duy trong học tập.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Leçon 15: LE DIMANCHE MATIN</b>	5	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
1.1. Objectifs communicatifs		
1.1.1. S’informer sur une activité en cours, habituelle		
1.1.2. Dire quel sport on fait		
1.2. Objectifs linguistiques		
1.2.1. Lire et écrire au présent		
1.2.2. Les verbes pronominaux		
1.2.3. Faire (de), jouer (à) + sport		
1.3. Savoir-faire : Parler de ses habitudes	5	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
<b>2. Leçon 17: ON FAIT DES CRÊPES?</b>		
2.1. Objectifs communicatifs		
2.1.1. Demander et exprimer des besoins		
2.1.2. S’informer sur des habitudes		
2.1.3. Indiquer des quantités		
2.2. Objectifs linguistiques		
2.2.1. L’article partitif <i>du, de la, de l’, des</i>		
2.2.2. Boire, acheter et manger au présent		
2.3. Savoir-faire : Parler de ses habitudes alimentaires et faire une liste de courses	5	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
<b>3. Leçon 18: IL EST COMMENT?</b>		
3.1. Objectifs communicatifs		
3.1.1. Rappporter des événements passés		
3.1.2. Exprimer une opinion		
3.2. Objectifs linguistiques		
3.2.1. Passé composé avec avoir		
3.2.2. La formation du participe passé		
3.2.3. L’accord de l’adjectif <i>beau</i>		
3.3. Savoir-faire : Parler de sa journée	5	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)
<b>4. Leçon 19: CHÈRE LÉA...</b>		
4.1. Objectifs communicatifs		
4.1.1. Parler d’événements passés		

4.1.2. Interroger sur le moment et la durée		Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
4.2. Objectifs linguistiques		
4.2.1. Le passé composé avec <i>être</i>		
4.2.2. <i>Pour</i> et <i>dans</i> + durée future		
4.3. Savoir-faire : Écrire une carte postale		
<b>5. Kiểm tra giữa kì</b>	3	
<b>6. Leçon 22: PETITES ANNONCES</b>		Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
6.1. Objectifs communicatifs		
<b>6.1.1.</b> Exprimer la possibilité, le savoir-faire, la volonté		
6.1.2. Exprimer l'obligation		
6.2. Objectifs linguistiques		
<b>6.2.1.</b> <i>Vouloir</i> et <i>savoir</i> au présent		
<b>6.2.2.</b> <i>Il faut</i> + <i>infinitif</i>		
<b>6.2.3.</b> Le future proche		
6.3. Savoir-faire: Conseiller quelqu'un		
<b>7. Leçon 23: QU'EST-CE QU'ON LUI OFFRE?</b>	5	
7.1. Objectifs communicatifs		Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
7.1.1. Faire des propositions		
7.1.2. Accepter et refuser une proposition		
7.2. Objectifs linguistiques		
7.2.1. Connaître au présent		
7.2.2. Les pronoms COD		
7.2.3. Les pronoms COI		
7.3. Savoir-faire: Organiser une réunion ou une soirée		
<b>8. Leçon 25: Enquête</b>	5	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)
8.1. Objectifs communicatifs		Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
<b>8.1.1.</b> Exprimer des goûts et des préférences		
8.1.2. Exprimer la fréquence et l'intensité		
8.2. Objectifs linguistiques		
<b>8.2.1.</b> La fréquence et l'intensité avec <i>beaucoup</i> ( <i>de</i> ), <i>peu</i> ( <i>de</i> )		
8.2.2. La négation		
8.3. Savoir-faire: Parler de ses loisirs		
<b>9. Leçon 26: Quitter Paris</b>	5	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)
9.1. Objectifs communicatifs		Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
9.1.1. Demander et exprimer une opinion		
9.1.2. Exprimer une contestation		

9.2. Objectifs linguistiques		Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
9.2.1. La cause avec pourquoi, parce que		
9.2.2. -Trop/Assez+adjectif -Trop de/ assez de+ nom		
9.2.3. Tout(e), tous/toutes		
9.3. Savoir-faire: Parler des avantages et des inconvénients de différents styles de vie		
<b>10. Ôn tập</b>	2	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính:

- 1) CAPELLE G. et MENAND R., *Le nouveau Taxi 1, Méthode de français*, Hachette Livre, Paris, 2009.
- 2) CAPELLE G. et MENAND R., *Le nouveau Taxi 1, Cahier d'exercices*, Hachette Livre, Paris, 2009.

### 6.2 Tài liệu khác

- 1) MONNERIE–GOARIN Annie et SIREJOLS Evelyne, *Champion 1*, CLE international, Paris, 2001.
- 2) GIRARDET J. et PÉCHEUR J., *Campus 1*, CLE International, Paris, 2002.
- 3) AUGÉ H. et al, *Tout va bien 1*, CLE International, Paris, 2004.
- 4) Các trang web: [www.fle.fr](http://www.fle.fr), [www.edufle.fr](http://www.edufle.fr), [www.bonjourdefrance.com](http://www.bonjourdefrance.com)

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**HỌC PHẦN  
LUYỆN ÂM**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Luyện âm
- Mã học phần: 813020
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên**

**3. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các cơ quan phát âm, nguyên tắc và hệ thống phân loại các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh. Sinh viên có cơ hội thực tập với từng loại nguyên âm và 1 số phụ âm trong tiếng Anh được phân chia theo từng bài cụ thể. Các bài học lí thuyết được thiết kế đi kèm với phần thực hành và có thể kéo dài nhiều tuần. Bài kiểm tra giữa kỳ được bố trí vào tuần 7. Ngoài ra, giáo viên nên thiết kế phần kiểm tra thực hành phát âm (có thể cùng với bài kiểm tra giữa kỳ hoặc trong suốt học phần).

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức:

- Trang bị cho sinh viên kiến thức về các cơ quan phát âm.
- Giúp sinh viên hiểu các nguyên tắc và hệ thống phân loại các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh.
- Trang bị cho sinh viên kiến thức về các đặc điểm phát âm của các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh dựa trên hệ thống phân loại.

4.2. Về kĩ năng: Sau khi học xong, sinh viên có thể cải thiện cách phát âm, giúp cho kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh của các em hiệu quả hơn.

4.3. Về thái độ: Sinh viên dần hình thành tinh thần tự học, tự nghiên cứu, tự giác trong học tập đồng thời hình thành định hướng nghề nghiệp rõ ràng.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức /Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Lesson 1: The Organs of Speech</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng.
1.1.General		
1.2. Description		
<b>2. Lesson 2: Vowels</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng.
2.1. General		
2.2. Classification		
2.2.1. The number of English vowels		
2.2.2. The principles of classification		
2.3. Diphthongs		
<b>3. Lesson 3: Front Vowels</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
3.1. Description		
3.2. Drill		
3.2.1 Target sound / ɪ /		
3.2.2 Target sound / I /		
3.2.3 Target sound / ε /		
3.2.4 Target sound / ʊ /		
<b>4. Lesson 4: Central Vowels</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
4.1. Description		
4.2. The “Schwa”		
4.3. Drill		
4.3.1 Target sound / ø /		
4.3.2 Target sound / ɛ /		
4.3.3 Target sound / ↔ /		
<b>5. Lesson 5: Back Vowels</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
5.1 Description		
5.2. Drill		
5.2.1 Target sound / A /		
5.2.2 Target sound / ɔ /		
<b>Lesson 5: Back Vowels (cont.)</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
5.2.3. Target sound / ɔ /		
5.2.4 Target sound / Y /		
5.2.5 Target sound / ʊ /		
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	2	
<b>6. Lesson 6: Diphthongs</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
6.1. Description		
6.2. Drill		

6.2.1	Target sound / $\epsilon$ I/		
6.2.2	Target sound / $\alpha$ I/		
6.2.3	Target sound / $\square$ I/		
<b>Lesson 6: Diphthongs (cont.)</b>		2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
6.2.4.	Target sound / $\alpha$ Y/		
6.2.5.	Target sound / $\leftrightarrow$ Y /		
<b>Lesson 6: Diphthongs (finished)</b>		2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
6.2.6	Target sound / I $\leftrightarrow$ /		
6.2.6.	Target sound / $\epsilon$ $\leftrightarrow$ /		
<b>7.</b>	<b>Lesson 7: Triphthongs</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
7.1.	Description		
7.2.	Drill		
<b>8.</b>	<b>Lesson 8: The English Consonants</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
8.1.	Description		
8.2.	Classification		
8.2.1.	Principles		
8.2.2	Consonant chart		
<b>9.</b>	<b>Lesson 9: Plosive Consonants</b>	3	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
9.1.	Description		
9.2.	Listing		
9.3	Drill		
9.3.1	Bilabial plosive consonants		
9.3.2	Alveolar plosive consonants		
9.3.3	Velar plosive consonants		
<b>9.4</b>	<b>Ôn tập</b>	3	

## 6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

- 1) Giáo trình *Ngữ Âm* do Khoa biên soạn.

6.2. Tài liệu khác

- 1) Mark Hancock, *English Pronunciation in Use*, Cambridge University Press, 2003.
- 2) Peter Roach, *Phonetics and Phonology*, Cambridge University Press, 1983.
- 3) Sarah Cunningham & Bill Bowler, *New Headway Pronunciation Course \_ Intermediate*, Oxford, 2000.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

**HỌC PHẦN**  
**NGỮ ÂM – ÂM VỊ HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Ngữ âm – Âm vị học
- Mã học phần: 813021
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết: (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Luyện Âm (813020)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần:**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các cơ quan phát âm, nguyên tắc và hệ thống phân loại các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh. Sinh viên có cơ hội thực tập với từng loại nguyên âm và 1 số phụ âm trong tiếng Anh được phân chia theo từng bài cụ thể. Các bài học lí thuyết được thiết kế đi kèm với phần thực hành và có thể kéo dài nhiều tuần. Bài kiểm tra giữa kỳ được bố trí vào tuần 7. Ngoài ra, giáo viên nên thiết kế phần kiểm tra thực hành phát âm (có thể cùng với bài kiểm tra giữa kỳ hoặc trong suốt học phần).

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Trang bị cho sinh viên kiến thức về các cơ quan phát âm.
- Giúp sinh viên hiểu các nguyên tắc và hệ thống phân loại các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh.

- Trang bị cho sinh viên kiến thức về các đặc điểm phát âm của các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh dựa trên hệ thống phân loại.

4.2. Về kĩ năng

Sau khi học xong, sinh viên có thể cải thiện cách phát âm, giúp cho kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh của các em hiệu quả hơn.

4.3. Về thái độ

Sinh viên dần hình thành tinh thần tự học, tự nghiên cứu, tự giác trong học tập đồng thời hình thành định hướng nghề nghiệp rõ ràng.



#### 4 Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Lesson 10: Fricative consonants</b> 1.1. Description 1.2. Listing 1.3. Drill 1.3.1. Labio-dental fricative 1.3.2. Dental fricative consonants 1.3.3. Alveolar fricative consonants 1.3.4. Palato-alveolar fricative 1.3.5. Glottal fricative consonant	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
<b>2. Lesson 11: Affricative consonants</b> 2.1. Description 2.2. Drill 2.2.1. Palato – alveolar affricative voiceless consonant 2.2.2. Palato – alveolar affricative voiced consonant	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
<b>3. Lesson 12: Approximants</b> 3.1. Description 3.2. Drill 3.2.1. Bilabial approximant voiced consonant 3.2.2. Alveolar approximant voiced consonant 3.2.3. Palatal approximant voiced consonant	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
<b>4. Lesson 13: Nasal consonants</b> 4.1. Description 4.2. Drill 4.2.1. Bilabial nasal voiced consonant 4.2.2. Alveolar nasal voiced consonant 4.2.3. Velar nasal voiced consonant 4.2.4. Nasal plosion	3	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
<b>5. Lesson 14: Lateral consonants</b> 5.1. Description 5.2. Drill 5.2.1. Clear /l/ 5.2.2. Dark /l/	3	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.

5.2.3. Lateral explosion		
<b>6. Lesson 15: Consonant clusters</b>	3	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
6.1. Initial sequences		
6.1.1. Sequences of two consonants initially		
6.1.2. Sequences of three consonants initially		
6.2. Final sequences		
6.3. Longer consonant sequences		
<b>7. Lesson 16: Weak forms</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
7.1. General		
7.2. Rules		
7.3. Weak forms of English sounds		
7.4. Drill		
<b>8. Mid – term test</b>	2	
<b>9. Lesson 17: Assimilation</b>	3	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
9.1. Definition		
9.2. Types		
9.2.1. Assimilation affecting the active organs of speech and the point of articulation		
9.2.2. Assimilation affecting the manner or the production of the air stream		
9.2.3. Assimilation affecting the work of the vocal cords		
9.3. Degrees of assimilation		
9.3.1. Complete		
9.3.2. Partial		
9.3.3. Intermediate		
<b>10. Lesson 18: Stress</b>	3	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
10.1. Definition		
10.2. Kinds of stress		
10.3. Degree of stress		
10.3.1. In phrases or sentences		
10.3.2. In words		
10.4. Contrastive stress patterns		
10.5. Basic rules of English stress		
10.5.1. Word stress		
10.5.2. Phrase stress		
10.5.3. Sentence stress		
<b>11. Lesson 21: Pitch and intonation</b>	3	Giáo án điện tử, bài giảng của

11.1. Pitch		giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
11.2. Intonation		
11.2.1. General		
11.2.2. Terms and symbols for English intonation		
11.2.3. Types of tones		
11.2.4. Functions of tones		
<b>12. Ôn tập</b>	2	

## 6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1) Giáo trình *Ngữ Âm* do Khoa biên soạn.

6.2. Tài liệu khác

1) Mark Hancock (2003), *English Pronunciation in Use*, Cambridge University Press.

2) Peter Roach (1983), *Phonetics and Phonology*, Cambridge University Press.

3) Sarah Cunningham & Bill Bowler (2000), *New Headway Pronunciation Course \_ Intermediate*, Oxford.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Võ Thụy Thanh Thảo

**HỌC PHẦN  
NGỮ PHÁP****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Ngữ pháp
- Mã học phần: 813106
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần**

Nội dung học phần này chủ yếu là về các từ loại trong tiếng Anh: danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ...; ngoài ra các em còn được cung cấp một số kiến thức có liên quan. Những vấn đề này hầu hết các em đã được học nhiều ở phổ thông, tuy nhiên các em học theo kiểu nhồi nhét, đối phó, học để thi nên thực tế khi vào đại học, mặc dù học lại những vấn đề đã được học, nhưng các em vẫn gặp rất nhiều khó khăn nhất là về phương pháp học. Vì vậy những kiến thức được dạy ở học phần này phải được các em tiếp thu một cách có hệ thống, chủ động và sáng tạo. Các em không chỉ nắm vững được kiến thức mà còn phải biết tổng hợp và so sánh sự giống nhau và khác nhau của các dữ liệu.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức:**

Sau khi học xong học phần này, các em sẽ nắm được một khối lượng kiến thức ngữ pháp đáng kể. Các em sẽ được luyện tập khá nhiều để các em có thể vận dụng được một cách tốt nhất vào các môn học khác như môn nói, đọc, viết...

**4.2. Về kỹ năng**

Sau khi học xong học phần này, các em sẽ được rèn luyện kỹ năng hệ thống hóa kiến thức, tự đọc sách để có thể nắm vững, nhớ lâu, vận dụng tốt những kiến thức ngữ pháp vào những môn khác. Các em có thể nói, viết câu chính xác hơn, giảm thiểu lỗi ngữ pháp thường mắc phải cũng như cải thiện kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu và những kỹ năng khác.

### 4.3. Về thái độ

Giảng viên phải thường xuyên cập nhật kiến thức, thiết kế bài giảng một cách khoa học, hấp dẫn; hướng dẫn các em cách tự học, tự đọc bài trước khi lên lớp, cách thảo luận một vấn đề; Khi các em gặp khúc mắc, giảng viên nên tìm hiểu, gợi ý giúp các em tự tìm ra câu trả lời, có như vậy thì các em sẽ nhớ được bài kỹ và lâu. Đối với sinh viên, các em phải tập cho mình cách tự học, tự nghiên cứu, cách tìm tài liệu tham khảo; chủ động, tích cực tham gia bài học trên lớp bằng cách nêu ý kiến và đặt câu hỏi về những vấn đề chưa hiểu rõ. Các em được khuyến khích làm việc theo nhóm.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Unit 1: The Future</b> 1.1. <b>Will and be going to</b> 1.2. Present simple and present continuous for the future 1.3. Future continuous and future perfect (continuous) 1.4. <b>Be to + infinitive, be about to + infinitive</b> 1.5. Other ways of talking about the future 1.6. The future seen from the past	4	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng một cách hệ thống. Hướng dẫn sinh viên làm bài tập, cho đáp án. Sinh viên làm bài tập.
<b>2. Unit 2: Modals and semi-modals</b> 2.1. <b>Can, could, be able to and be allowed to</b> 2.2. <b>Will, would and used to</b> 2.3. <b>May and might</b> 2.4. <b>Must and have (got) to</b> 2.5. <b>Need(n't), don't need to and don't have to</b> 2.6. <b>Should, ought to and had better</b>	6	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng một cách hệ thống. Hướng dẫn sinh viên làm bài tập, cho đáp án. Sinh viên làm bài tập.
<b>3. Unit 3: Nouns</b> 3.1. Agreement between subject and verb 1 3.2. Agreement between subject and verb 2 3.3. Agreement between subject and verb 3 3.4. Compound nouns and noun phrases	4	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng một cách hệ thống. Hướng dẫn sinh viên làm bài tập, cho đáp án. Sinh viên làm bài tập.
<b>4. Unit 4: Articles, determiners and quantifiers</b> 4.1. <b>A/an and one</b> 4.2. <b>A/an, the and zero article 1</b> 4.3. <b>A/an, the and zero article 2</b> 4.4. <b>A/an, the and zero article 3</b>	8	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng một cách hệ thống.

4.5. <b>Some</b> and <b>any</b>		Hướng dẫn sinh viên làm bài tập, cho đáp án. Sinh viên làm bài tập.
4.6. <b>No, none (of)</b> and <b>not any</b>		
4.7. <b>Much (of), many (of), a lot of, lots (of),</b> etc.		
4.8. <b>All (of), whole, every, each</b>		
4.9. <b>Few, little, less, fewer</b>		
<b>5. Unit 5: Pronouns, substitution and leaving out words</b>	4	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng một cách hệ thống. Hướng dẫn sinh viên làm bài tập, cho đáp án. Sinh viên làm bài tập.
5.1. Reflexive pronouns: <b>herself, himself, themselves,</b> etc.		
5.2. <b>One</b> and <b>ones</b>		
5.3. <b>So</b> and <b>not</b> as substitutes for clauses, etc.		
5.4. <b>Do so; such</b>		
5.5. More on leaving out words after auxiliary verbs		
5.6. Leaving out <b>to-infinitives</b>		
<b>Review and Mid-term Test</b>	3	Sinh viên kiểm tra viết.
<b>6. Unit 6: Adjectives and adverbs</b>	8	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng một cách hệ thống. Hướng dẫn sinh viên làm bài tập, cho đáp án. Sinh viên làm bài tập.
6.1. Gradable and non-gradable adjectives 1		
6.2. Gradable and non-gradable adjectives 2		
6.3. Participle adjectives and compound adjectives		
6.4. Adjectives + <b>to-infinitive, -ing, that clause, wh-clause</b>		
6.5. Adverbs of place, direction, indefinite frequency, and time		
6.6. Comment adverbs and viewpoint adverbs		
<b>7. Unit 7: Prepositions</b>	8	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng một cách hệ thống. Hướng dẫn sinh viên làm bài tập, cho đáp án. Sinh viên làm bài tập.
7.1. Prepositions of position and movement		
7.2. Between and <b>among</b>		
7.3. Prepositions of time		
7.4. Talking about exceptions		
7.5. Prepositions after verbs		
7.6. Prepositions after nouns		
7.7. Two- and three-word verbs: word order		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) Hewings, Martin (2014), *Advanced Grammar in Use*, Third Edition, Cambridge.

### 6.2. Tài liệu khác

1) Thomson, A.J. and A.V. Martinet (1971), *A Practical English Grammar*, Oxford: Oxford University Press.

2) Alexander, L.G. (1992), *Longman English Grammar*. England: Longman.

3) Eastwood, J. (1994), *Oxford Guide To English Grammar*. Oxford: Oxford University Press.

- 4) Eastwood, J. (1999), *OxfordPractice Grammar*, Oxford: OxfordUniversity Press.
- 5) Vu ThiLan (2000-2001), *Grammar Part 1&2*, TeacherTrainingCollege – Foreign Language Department.
- 6) Swan, M. and Walter, C (2015), *Oxford English Grammar Course-Advanced*, Oxford: Oxford University Press.
- 7) Yule, G. (2015), *Oxford Practice Grammar- Advanced-SupplementaryExercises*, Oxford: Oxford University Press.

## **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Đặng Quỳnh Liên

**HỌC PHẦN**  
**HÌNH THÁI – CÚ PHÁP HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Hình thái – Cú pháp học
- Mã học phần: 813301
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Ngữ pháp (813106)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Học phần gồm 2 phần chính:

+ Hình thái học:

Đối tượng nghiên cứu của phần này là hình vị và những cách kết hợp hình vị để tạo nên từ. Ở bước tiếp theo, cấu trúc và phân loại từ theo cấu trúc; tiêu chuẩn nhận dạng và phân loại từ sẽ được đề cập qua các chủ đề sau:

- Phân tích cấu trúc từ; Hình vị và các loại hình vị
- Cách cấu tạo từ :Phụ tố; Tạo từ ngược; Ghép từ; Dạng kết hợp
- Cách cấu tạo từ : Láy từ; Xén từ; Trộn từ, Viết tắt từ
- Cách cấu tạo từ : Từ tượng âm; Tạo từ mới; Vay mượn; Đảo chức năng
- Các thay đổi về mặt hình thái-âm vị học: Thay đổi nguyên âm; thay đổi trọng âm; thay đổi nguyên âm do thay đổi trọng âm; trường hợp ngoại lệ

+ Cú pháp học:

Phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức sau:

- Các từ loại (word classes)

Trang bị cho sinh viên kiến thức về việc xếp loại từ

- Các loại ngữ, cú và câu (phrases, clauses and sentences)

Trang bị cho sinh viên kiến thức về phrases (noun, adjective, adverb, preposition); clauses (noun, adjective, adverb) ; sentences (simple, compound, complex, compound-complex)

- Các mối quan hệ ngữ pháp (grammatical relations)



Trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu trúc (endocentric, exocentric, modification, complementation, predication)

#### 4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Sinh viên biết được đơn vị nhỏ nhất tạo nên từ là hình vị (morpheme). Nắm được các cách thành lập từ khác nhau như compounding, affixation, shortening, conversion, echoism, vv... Sinh viên được trang bị một số khái niệm cơ bản về từ loại và cấu trúc của ngữ, cú và câu (phrases, clauses and sentences) để có thể kiểm tra tính chính xác của câu viết hay dịch và giải thích những câu mơ hồ (ambiguous sentences).

4.2. Về kĩ năng: Sinh viên có khả năng vận dụng thành thực kiến thức trên vào việc phân tích cấu trúc của những từ đã học và các từ mới được hình thành, giúp cho người học dễ nhớ từ hơn. Sinh viên có khả năng vẽ sơ đồ cây (tree diagram) để phân tích (analysis) ngữ, cú và câu tiếng Anh. Ngoài ra, sinh viên biết biến đổi (transformation) và kết hợp (synthesis) ngữ, cú và câu tiếng Anh một cách thuần thục.

4.3. Về thái độ: Sinh viên thấy được tầm quan trọng của việc phân tích cấu tạo từ khi học từ mới và khắc phục được thói quen học vẹt từ, không quan tâm đến việc dùng từ, đặc biệt là các phụ tố (affixes). Đồng thời sinh viên biết được sự cần thiết của việc phân tích cấu trúc ngữ, cú và câu khi đọc và dịch, tránh thói quen đọc dịch từng từ.

#### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Introduction to Morphology</b> - Subject Matter - Branches of Morphology: Inflectional & Derivational Morphology	2	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận và làm bài tập theo nhóm.
<b>Chương 2: Classification of Words: Structure &amp; Classification</b> Simple / Complex / Compound / Compound-Complex Words	4	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận và làm bài tập theo nhóm.
<b>Chương 3: Morphemes: the Smallest Units of Meaning</b> - Morphemes / Morphs / Allomorphs - Types of Morphemes - Free & Bound Morphemes - Roots / Stems / Bases / Affixes - Inflectional / Derivational Morphemes - Paradigms & Zero Allomorphs	5	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận và làm bài tập theo nhóm.
- Superfixes - Types of Conditioning: Phonological & Morphological		

<b>Chương 4: Processes of Word Formation</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Affixation / (Multiple Affixation)</li> <li>- Inflection</li> <li>- Derivation</li> <li>- Back Formation</li> <li>- Compounding</li> <li>- Combining Forms</li> <li>- Reduplication</li> <li>- Clipping</li> <li>- Blending</li> <li>- Echoism / Onomatopoeia</li> <li>- Coinage / Invention</li> <li>- Borrowing</li> <li>- Acronymy</li> <li>- Conversion</li> </ul>	5	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận và làm bài tập theo nhóm.
<b>Chương 5: Morphophonemic Changes</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Change of Syllabic Vowel or Diphthong</li> <li>- Stress Shift</li> <li>- Gradation</li> <li>- Suppletion</li> </ul>	2	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận và làm bài tập theo nhóm.
<b>Chương 6. Các từ loại (word classes)</b>	5	Giảng viên trình bày, sinh viên đọc tài liệu và làm bài tập
<b>Major classes &amp; minor classes</b>		
6.1. major classes		
By form		
By position		
6.2. minor classes		
Pronouns-numerals-determiners		
Prepositions - conjunctions		
<b>Kiểm tra giữa học phần</b>	2	
<b>Chương 7. Các loại ngữ, cú và câu (Phrases, Clauses and Sentences)</b>	15	Giảng viên trình bày, sinh viên đọc tài liệu và làm bài tập
7.1. Phrases		
7.2. Clauses		
7.3. Sentences		
<b>Chương 8. Các mối quan hệ ngữ pháp (Grammatical relations)</b>	5	Giảng viên trình bày, sinh viên đọc tài liệu và làm bài tập
8.1 endocentric & exocentric		
8.2 modification		
8.3 complementation		
8.4 predication		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- 1) Nguyễn Thị Hồng & Nguyễn Thị Anh Đào, *Giáo trình từ vựng học tiếng Anh (phần Morphology)*, biên soạn nội bộ.
- 2) Tô Minh Thanh (2008), *English Syntax*, HCMC University of Social Sciences and Humanities.

### 6.2. Tài liệu khác

- 1) Tô Minh Thanh (2009), *Giáo trình Hình thái học Tiếng Anh*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- 2) Jackson, H. (1980), *Analyzing English*, Pergamon Institute of English.
- 3) Norman C. Stageberg (1999), *An Introductory English Grammar*, University of Northern Iowa.
- 4) Roderick A. Jacobs (1995), *English Syntax*, University of Hawaii.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Trương Văn Ánh

**HỌC PHẦN  
NGŨ NGHĨA HỌC****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Ngữ nghĩa học
- Mã học phần: 813026
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Hình thái - Cú pháp học (813301)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần**

Ngữ nghĩa học, một nhánh khá quan trọng của ngành ngôn ngữ học, nghiên cứu nghĩa của ngôn ngữ có một phạm vi khá trừu tượng. Môn học này nhằm giới thiệu cho sinh viên một số khái niệm cơ bản được dùng trong ngành ngữ nghĩa học. Bên cạnh đó, các mô thức định nghĩa của một từ cũng được đề cập và phân tích. Học phần này cũng giới thiệu ngữ cảnh ngoại vi và liên nhân của một từ, logic ngữ nghĩa và ngữ nghĩa học tri nhận.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

Sau khi học xong học phần này, sinh viên được trang bị một số khái niệm cơ bản về ngành ngôn ngữ học, các lớp nghĩa và nét nghĩa của từ, phạm vi ngữ nghĩa, và một số kiến thức về ngành ngữ nghĩa học tri nhận.

**4.2. Về kỹ năng**

Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích nghĩa từ tiếng Anh bằng tam giác tính hiệu học, phân tích nghĩa tổ và bằng các phép tu từ học.

**4.3. Về thái độ**

Sinh viên có ý thức cập nhật thông tin liên quan đến môn học, luôn trau dồi học tập nghiên cứu chuyên môn, phát huy tư duy độc lập, hợp tác học tập tiến bộ trong tập thể; từ đó hình thành ý thức về định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. UNIT 1 About semantics</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Semantics linguistics</li> <li>- Sentence (word) meaning language</li> <li>- Speaker meaning components of language</li> <li>- Native speaker (informant) theory of semantics</li> <li>- ‘Knowing’ the meaning(s) of a word</li> </ul>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên thuyết trình trên lớp, sinh viên theo dõi, phát biểu ý kiến và nêu thắc mắc.</li> <li>- Giảng viên trả lời thắc mắc (nếu có)</li> <li>- Phân nhóm sinh viên (chuẩn bị nội dung thảo luận)</li> </ul>
<b>2. UNIT 2 Sentences, utterances, and propositions</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sentence</li> <li>- Utterance</li> <li>- Proposition</li> </ul>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
<b>3. UNIT 3 Reference and sense</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sense</li> <li>- Reference</li> <li>- Referent</li> <li>- Proposition</li> <li>- Dialect</li> <li>- Context</li> </ul>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và làm bài tập.</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
<b>4. UNIT 4 Referring expressions</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Referring expression</li> <li>- Opaque context</li> <li>- Indefinite noun phrase</li> <li>- Definite noun phrase</li> <li>- Equative sentence</li> </ul>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và làm bài tập</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
<b>5. UNIT 5 Predicates</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Predicator</li> <li>- Degree of a predicate</li> <li>- Predicate</li> <li>- Ellipsis (elliptical)</li> <li>- Argument</li> <li>- Identity relation</li> </ul>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và làm bài tập.</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
<b>6. UNIT 6 Predicates, referring expressions, and universe of discourse</b>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên</li> </ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Generic sentence</li> <li>- Universe of discourse</li> </ul>		<p>lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
<b>7. Mid term</b>	2	Sinh viên làm bài kiểm tra tại lớp, giảng viên đánh giá rút kinh nghiệm
<b>8. UNIT 9 Sense properties and stereotypes</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sense</li> <li>- Synthetic sentences</li> <li>- analytic sentences</li> <li>- Contradiction</li> <li>- Set of sufficient conditions</li> <li>- Necessary condition</li> <li>- Sense properties of sentences</li> <li>- Stereotype (feature)</li> </ul>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
<b>9. UNIT 10 Sense relations</b>	3	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Synonymy/synonym intension</li> <li>- Paraphrase</li> <li>- Symmetrical hyponymy</li> <li>- Hyponymy/hyponym entailment</li> <li>- Superordinate term</li> <li>- Transitive relation</li> <li>- Basic Rule of Sense</li> <li>- Inclusion co-hyponyms</li> <li>- Sense relations</li> </ul>		
<b>10. UNIT 11 Sense relations</b>	3	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Types of antonymy</li> <li>- Binary antonymy (complementarity)</li> <li>- Converses/converseness (relational opposites)</li> <li>- Systems of multiple incompatibility</li> <li>- Gradable antonyms</li> <li>- Contradictoriness (said of sentences)</li> <li>- Ambiguity (structural and lexical)</li> <li>- Homonymy</li> <li>- Polysemy</li> <li>- Referential versatility &amp; vagueness vs ambiguity</li> </ul>		
<b>11. UNIT 27 Non-literal meaning: idioms, metaphor, and metonymy</b>	5	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Literal vs non-literal language</li> <li>- Idiom (idiomatic or 'fixed' expression)</li> <li>- Compositional vs non-compositional expressions</li> <li>- Metaphor</li> <li>- Isolated metaphor</li> <li>- Structural metaphor</li> <li>- Orientational metaphor</li> <li>- Ontological metaphor</li> <li>- Entity and substance metaphors</li> </ul>		

- Container metaphors - Personification - Metonymy (and its various subtypes)		
<b>12. Review</b>	2	Giảng viên tóm tắt những nội dung chính cần ghi nhớ của môn học, sinh viên nêu thắc mắc (nếu có)

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1) James R. Hurford, Brendan Heasley, Micheal Smith (2007), *Semantics – A Coursebook*, 2<sup>nd</sup> edition, CUP.

### 6.2. Tài liệu khác:

1) To Minh Thanh (2007), *English Semantics*, NXB Đại học Quốc gia TP HCM, HCMC.

2) Nick Riemer (2010), *Introducing Semantics*, CUP.

3) Heidi Harley (2006), *English Words, A Linguistic Introduction*, Blackwell, Britain.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

TS. Trần Thế Phi

**HỌC PHẦN**  
**PHÂN TÍCH ĐIỂN NGÔN**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Phân tích diễn ngôn
- Mã học phần: 813075
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Ngữ nghĩa học (813026)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Học phần này nhằm giới thiệu cho sinh viên những khái niệm cơ bản của môn phân tích diễn ngôn và tạo điều kiện cho người học vận dụng những khái niệm này vào việc phân tích văn nói và viết. Nội dung môn học gồm những phần sau đây:

Phần 1: Những khái niệm cơ bản: discourse versus text – text-forming devices – types of discourse – linguistic elements in discourse – genre

Phần 2: Phân tích diễn ngôn : coherence – cohesion – speech acts – background knowledge

Phần 3: Những bài tập thực hành (activities and projects)

Những phần này được lồng ghép với nhau trong từng tiết học. Qua đó người học sẽ có một cái nhìn rõ hơn về cấu tạo của một bài văn nói và viết

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Sinh viên có một số kiến thức cơ bản về phương pháp phân tích những bài văn và các mẫu đối thoại.

4.2 Về kỹ năng: Phân tích thuận thực sự kết dính (cohesion) và mạch lạc (coherence) của các câu trong một văn bản (written text) hay ngôn bản (spoken text)

4.3 Về thái độ: Kiến thức về phân tích diễn ngôn sẽ giúp cho sinh viên cẩn thận hơn khi viết vì ý thức được một văn bản không chỉ là một tập hợp các câu một cách tự do theo ngẫu hứng, mà là một sự sắp xếp có quy luật. Kiến thức này cũng giúp sinh viên thận trọng hơn khi phân tích ngôn bản vì ngôn bản thường chứa những hành động



ngôn ngữ (speech acts), nếu không cẩn thận sẽ hiểu theo nghĩa đen (locution) thay vì theo nghĩa sở chỉ (illocution) của chúng.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Introduction – What is discourse analysis?</b> 1.1- What is discourse? 1.2- Discourse versus text 1.3- Spoken versus written language 1.4- Types of discourse	5	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<b>Chương 2: Linguistic Elements in Discourse</b> 2.1- Cohesion 2.2- Given & New Information 2.3- Theme and rheme	9	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<b>KIỂM TRA GIỮA HỌC PHẦN</b>	2	
<b>Chương 3: Making Sense of Discourse</b> 3.1- Discourse coherence 3.2- Speech acts 3.3- Using background knowledge: propositional level 3.4- Using background knowledge: functional level	9	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<b>Chương 4: Conversation Analysis</b> 4.1- Introduction 4.2- Discourse structure of conversation	5	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập

### 6. Tài liệu học tập

6.1 Tài liệu chính :

1) Halliday M. A. K. (1994), *Discourse Analysis*, London, Equinox.

6.2 Tài liệu khác:

1) Guy Cook (1989), *Discourse*, Oxford University Press.

2) McCarthy Michael (1991), *Discourse analysis for language teachers*, Cambridge University Press.

3) Nunan David (1998), *Introducing Discourse Analysis*, Penguin English.

### 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

**7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng**

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

**7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT****TRƯỞNG NGÀNH****TRƯỞNG BỘ MÔN****NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Trương Văn Ánh

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
 NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

## HỌC PHẦN NGÔN NGỮ XÃ HỘI HỌC

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Ngôn ngữ xã hội học
- Mã học phần: 813076
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên

### 3. Mô tả học phần

Trước hết, sinh viên cần hiểu rõ chức năng của Ngôn ngữ Xã hội học (Sociolinguistics). Ngoài ra, nói đến Ngôn ngữ Xã hội học là nói đến sự thay đổi của ngôn ngữ trong từng xã hội và những khác biệt nào trong xã hội tạo nên các ngôn ngữ không giống nhau. Quan trọng hơn nữa là ngôn ngữ được sử dụng như thế nào trong xã hội. Nghiên cứu vấn đề này, sinh viên sẽ được làm quen với những khái niệm như: Speech Communities, Speech Acts and Speech Events. Cuối cùng, các em sẽ được giới thiệu một số ngôn ngữ khác nhau trong xã hội ; trước tiên phải kể đến tiếng Anh chuẩn, sau đó là tiếng lóng, biệt ngữ, v.v.

### 4. Mục tiêu học phần

#### 4.1. Về kiến thức

- + Giới thiệu cho sinh viên những khái niệm cơ bản về Ngôn ngữ Xã hội học (Chương 1)
- + Giúp sinh viên làm quen với việc sử dụng ngôn ngữ trong xã hội (Chương 2)
- + Nhấn mạnh sự đa dạng của ngôn ngữ trong những hoàn cảnh xã hội khác nhau (Chương 3)

**4.2. Về kĩ năng:** Rèn cho sinh viên kĩ năng vận dụng ngôn ngữ vào xã hội một cách thích hợp ở mức độ cơ bản nhất.

**4.3. Về thái độ:** Xây dựng cho sinh viên thái độ tự giác thay đổi ngôn ngữ sao cho phù hợp với xã hội nơi mà các em đang giao tiếp.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Basic concepts in sociolinguistics</b>	<b>14</b>	
<b>1.1 What is sociolinguistics?</b>	<b>4</b>	
1.1.1. Introduction		- Phân nhóm:
1.1.2. Objectives	2	+ Tìm hiểu nội dung
1.1.3. Main content		+ Trình bày ý chính
1.1.3.1. General overview		- Đánh giá phần trình bày của các nhóm và tổng kết
1.1.3.2. Sociolinguistics factors		- Kiểm tra nội dung đã học.
1.1.4. Conclusion	2	- Vài cá nhân trình bày phần 3.2 (đã xem trước ở nhà)
1.1.5. Summary		- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung
1.1.6. Tutor-Marked Assignment		- Các nhóm bàn luận phần 6
<b>1.2 Sociolinguistics and language variation</b>	<b>4</b>	
1.2.1. Introduction		- Kiểm tra nội dung bài 1
1.2.2 Objectives		- Học nhóm:
1.2.3. Main content	2	+ Bàn luận để trả lời các câu hỏi của giảng viên đề ra
1.2.3.1. General Overview		+ Các nhóm trình bày
1.2.3.2. Notion of Sociolinguistics Variation		- Đánh giá và tổng kết
1.2.3.3. Spoken and Written Varieties		- Kiểm tra nội dung đã học
1.2.4. Conclusion	2	- Mỗi cá nhân nêu 1 điểm khác biệt trong phần 3.3
1.2.5. Summary		- Đánh giá và tổng kết
1.2.6. Tutor-Marked Assignment		- Các nhóm bàn luận phần 6
<b>1.3 Sociolinguistics differences</b>	<b>6</b>	
1.3.1. Introduction		- Kiểm tra nội dung bài 2
1.3.2. Objectives		- Học nhóm:
1.3.3. Main content	2	+ Nhóm 1 đặt câu hỏi cho phần 3.1, nhóm 2 trả lời
1.3.3.1. General Overview		+ Nhóm 3 đặt câu hỏi cho phần 3.2, nhóm 4 trả lời
1.3.3.2. Differences According to Geographic		+ Nhóm 5 trình bày 3.1,

Origin		nhóm 6 trình bày 3.2 - Đánh giá và tổng kết
1.3.3.3. Differences According to Ethnicity		- Kiểm tra nội dung đã học
1.3.3.4. Differences According to Nationality	2	- Mỗi cá nhân trình bày một phần (đã chuẩn bị trước) và trả lời câu hỏi thắc mắc từ các bạn trong lớp.
1.3.3.5. Differences According to Occupation		- Đánh giá và tổng kết
1.3.3.6. Differences According to Class		- Kiểm tra nội dung đã học
1.3.3.7. Differences According to Age Groups		- Mỗi cá nhân trình bày một phần (đã chuẩn bị trước) và trả lời câu hỏi thắc mắc từ các bạn trong lớp.
1.3.3.8. Differences According to Gender	2	- Đánh giá và tổng kết
1.3.4. Conclusion		- Các nhóm bàn luận phần 6
1.3.5. Summary		- Khích lệ cá nhân nhắc lại các loại khác biệt đã học
1.3.6. Tutor-Marked Assignment		trong bài 3
<b>Chương 2. Language use in society</b>	<b>8</b>	
<b>2.1 Speech communities</b>	<b>4</b>	
2.1.1. Introduction	2	- Kiểm tra nội dung bài 3 (chương 1)
2.1.2. Objectives		- Học nhóm:
2.1.3. Main content		+ Bàn luận để trả lời các câu hỏi của giảng viên đề ra
2.1.3.1 General Overview	2	+ Các nhóm trình bày
2.1.3.2 The Concept of Speech Communities		- Đánh giá và tổng kết
2.1.4. Conclusion		- Các nhóm bàn luận phần 6
2.1.5. Summary		
2.1.6. Tutor-Marked Assignment		
<b>2.2 Speech acts and speech events</b>	<b>4</b>	
2.2.1. Introduction		- Kiểm tra nội dung bài 1 (chương 2)
2.2.2. Objectives		- Học nhóm:
2.2.3. Main content	2	+ Thảo luận
2.2.3.1. General Overview		+ Thuyết trình
2.2.3.2 Speech Acts		- Đánh giá và tổng kết
2.2.3.3 Speech Events		- Kiểm tra nội dung đã học
2.2.4. Conclusion	2	- Cá nhân trình bày phần 3.3 và trả lời thắc mắc từ các

2.2.5. Summary		bạn trong lớp
2.2.6. Tutor-Marked Assignment		- Đánh giá và tổng kết - Các nhóm bàn luận phần 6
<b>Chương 3. Language variation in society</b>	<b>8</b>	
<b>3.1 Concept of standard usage</b>	<b>4</b>	
3.1.1. Introduction		- Kiểm tra nội dung bài 2 (chương 2)
3.1.2. Objectives		- Học nhóm:
3.1.3. Main content	2	+ Thảo luận
3.1.3.1. General Overview		+ Thuyết trình
3.1.3.2. Pronunciation & Standard Language		- Đánh giá và tổng kết
3.1.3.3. National Standard English: Variants of Standard English.		- Kiểm tra nội dung đã học - Cá nhân trình bày phần 3.3 và trả lời thắc mắc từ các
3.1.4. Conclusion		bạn trong lớp
3.1.5. Summary	2	- Đánh giá và tổng kết
3.1.6. Tutor-Marked Assignment		- Các nhóm bàn luận phần 6
<b>3.2 SLANGS AND CLICHÉS IN SOCIOLINGUISTICS</b>	<b>4</b>	
3.2.1. Introduction		- Kiểm tra nội dung bài 1 (chương 3)
3.2.2. Objectives		- Học nhóm:
3.2.3. Main content	2	+ Thảo luận
3.2.3.1 General Overview		+ Thuyết trình
3.2.3.2 Slangs as Sociolinguistic Forms		- Đánh giá & tổng kết
3.2.3.3 Jargons & Clichés in Sociolinguistics.		- Kiểm tra nội dung đã học
3.2.4. Conclusion	2	- Học nhóm: 2 nhóm hỏi, 2 nhóm trả lời
3.2.5. Summary		- Đánh giá và tổng kết
3.2.6. Tutor-Marked Assignment		- Các nhóm bàn luận phần 6

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- Anthony C. Oha (2010), Bùi Diễm Hạnh (biên soạn), *Introduction to Sociolinguistics*. Nigeria: National Open University Press.

### 6.2 Tài liệu khác

- Coulmas, F. (1997), *The Handbook of Sociolinguistics*, Oxford: Blackwell.

- Trudgill, P. (2000), *Sociolinguistics: An Introduction to Language and Society*, London: Penguin Books.

- Wardhaugh, R. (2002), *An Introduction to Sociolinguistics*, London: Blackwell Publishing.

- Olaoye, A. A. (2007), Introduction to Sociolinguistics, Abuja: Ogunleye Publishing and Printing Press.

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

TS. Bùi Diễm Hạnh

**HỌC PHẦN**  
**NGÔN NGỮ HỌC SO SÁNH ĐỐI CHIẾU**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu
- Mã học phần: 813303
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (20; 5; 5; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tổ Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Ngôn ngữ học đối chiếu thuộc nhóm chuyên đề về quan hệ ngôn ngữ và tác động lẫn nhau giữa các ngôn ngữ. Lý thuyết ngôn ngữ học đối chiếu dựa vào tiền đề cho rằng các ngôn ngữ khác nhau một mặt có những quy luật chung mang tính phổ quát, mặt khác có nét đặc thù. Tính chất hai mặt này cho phép ta có thể dựa vào “các thước đo” để so sánh đối chiếu các ngôn ngữ với nhau.

Ngôn ngữ học đối chiếu được thừa nhận là lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ vừa có tác dụng bổ sung sự hiểu biết bản chất và cấu trúc ngôn ngữ nói chung, làm phong phú thêm cho ngôn ngữ học lý thuyết; vừa có tác dụng thực tiễn là góp phần có hiệu quả vào việc dạy – học ngôn ngữ thứ 2. Ngôn ngữ học đối chiếu, do đó, rất cần cho các nhà giáo học phương pháp dạy ngoại ngữ và lãnh vực giáo dục song ngữ ở các quốc gia đa dân tộc, đa ngữ.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Sinh viên có thể tiến hành nghiên cứu đối chiếu giữa hai hay nhiều ngôn ngữ.

4.2. Về kỹ năng

Sinh viên có kiến thức cơ bản về so sánh đối chiếu giữa tiếng Anh và tiếng Việt và nắm được kiến thức nghiên cứu đối chiếu giữa các ngôn ngữ và có kỹ năng đối chiếu để phục vụ việc học, dạy, dịch.



### 4.3. Về thái độ

Theo đuổi đúng mục tiêu của môn học, sinh viên có thể bổ sung sự hiểu biết bản chất và cấu trúc ngôn ngữ nói chung, làm phong phú thêm cho ngôn ngữ học lý thuyết; vừa có tác dụng thực tiễn là góp phần có hiệu quả vào việc dạy – học ngôn ngữ thứ 2.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Sự xuất hiện Chương 2: Những tiền đề lý luận 1	3	Nghe giảng và thảo luận.
Chương 3 : Những tiền đề lý luận 2 Chương 4 : Nghiên cứu đối chiếu ngữ âm âm vị	3	Nghe giảng và thảo luận.
Chương 5 : Đối chiếu phụ âm Việt – Anh Chương 6 : Đối chiếu âm tiết Việt – Anh	3	Nghe giảng và thảo luận.
Chương 7 : Đối chiếu hiện tượng ngôn điệu Việt – Anh Chương 8 : Đối chiếu hình vị về mặt cấu tạo	3	Nghe giảng và thảo luận.
Chương 9 : Đối chiếu hình vị về mặt hoạt động Chương 10 : Cơ sở, những bình diện đối chiếu câu	4	Nghe giảng và thảo luận. Kiểm tra giữa kỳ
Chương 11 : Đối chiếu khuôn hình câu và thành phần câu Việt – Anh Chương 12 : Đối chiếu câu nghi vấn và câu phủ định Việt – Anh	3	Nghe giảng và thảo luận.
Chương 13 : Thử nghiệm nghiên cứu đối chiếu từ vựng – ngữ nghĩa Chương 14 : Đồng âm giữa các ngôn ngữ	3	Nghe giảng và thảo luận.
Chương 15 : Tương đồng ngữ nghĩa ở các ngôn ngữ Chương 16 : Đặc trưng hiện tượng đa nghĩa	3	Nghe giảng và thảo luận.
Chương 17 : Phương pháp, thủ pháp nghiên cứu đối chiếu.	3	Nghe giảng và thảo luận.
<b>Ôn tập</b>	2	Nghe giảng và thảo luận.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- 1) Lê Quang Thiêm, 1989, *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, NXB ĐH&TCNN, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

- 1) Bùi Mạnh Hùng, 2008. *Ngôn ngữ học đối chiếu*. NXB Giáo dục.
- 2) Lado R., 1957. *Linguistics across Cultures. Applied Linguistics for Language Teachers*. Ann Arbor – The Univ. of Michigan Press.
- 3) Ringbom H., 1994. *Contrastive Analysis*. In “The Encyclopedia of Language and Linguistics”. Vol. 2 R.Asher (Ed. In-chief). Oxford Pergamon Press.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: viết báo cáo về nội dung so sánh một thành tố của hai ngôn ngữ (không tổ chức thi)

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Trương Văn Ánh

**HỌC PHẦN  
 NGỮ DỤNG HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Ngữ dụng học
- Mã học phần: 813304
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (20; 5; 5; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Ngữ nghĩa học (813026)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tổ Anh chuyên**

**3. Mô tả học phần**

Môn Ngữ dụng học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngữ dụng học (đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu...); cung cấp các khái niệm và vấn đề cơ bản trong nghiên cứu dụng học như: các khái niệm về quy chiếu, trực chỉ, các loại nghĩa hàm ẩn trong ngôn ngữ (tiền giả định, hàm ẩn hội thoại và hàm nghĩa), lý thuyết hành vi ngôn ngữ (lý thuyết của John L.Austin, lý thuyết của John R.Searle...) các nhân tố giao tiếp và quy tắc giao tiếp (vấn đề ngữ cảnh, diễn ngôn, các quy tắc về bảo tồn giá trị hữu ích, lịch sự, hợp tác hội thoại ...)... Đồng thời môn học cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng phương pháp phân tích, mô tả các vấn đề dụng học trong quá trình nghiên cứu ngôn ngữ và gợi mở những hướng tiếp cận mang tính dụng học trong việc nghiên cứu ngôn nói chung.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

- Hiểu được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của ngữ dụng học, ý nghĩa của việc nghiên cứu ngữ dụng học, và các hướng nghiên cứu chính trong ngữ dụng học.
- Xác định được vị trí và vai trò của ngữ dụng học trong mô hình tam phân (kết học - nghĩa học - dụng học) và mối quan hệ của ba nhân tố này trong nghiên cứu ngôn ngữ.
- Hiểu được những vấn đề cơ bản trong nghiên cứu ngữ dụng học như: vấn đề quy chiếu, hiện tượng trực chỉ, hội chỉ, hiện tượng đa thanh, hiểu thế nào là phương pháp lập luận cũng như các quy tắc giao tiếp ...

- Hiểu, phân biệt và xác định được các nghĩa hàm ẩn trong ngôn ngữ như: tiền giả định (xác định các loại tiền giả định), hàm ẩn hội thoại (hàm ý) và hàm nghĩa.

- Hiểu được lý thuyết hành vi ngôn ngữ; xác định và phân biệt được các kiểu hành vi ngôn ngữ (hành động tạo lời, hành động tại lời và hành động mượn lời).

#### 4.2. Về kỹ năng

- Biết cách nhận diện và xác định các hiện tượng quy chiếu, trực chỉ, hồi chỉ. Phân biệt được quy chiếu xác định và quy chiếu không xác định; phân biệt được hiện tượng trực chỉ và hồi chỉ.

- Biết cách nhận diện và phân biệt tiền giả định, hàm ẩn hội thoại và hàm nghĩa trong câu. Biết cách xác định và tổ chức các yếu tố tiền giả định trong câu.

- Biết cách xác định và phân biệt các kiểu hành vi ngôn ngữ: hành động tạo lời, hành động tại lời (gián tiếp và trực tiếp) và hành động mượn lời.

- Nắm vững các qui tắc được sử dụng trong giao tiếp.

#### 4.3. Về thái độ

Theo đuổi đúng mục tiêu của môn học, sinh viên có thể bổ sung sự hiểu biết bản chất và cấu trúc ngôn ngữ nói chung, làm phong phú thêm cho ngôn ngữ học lý thuyết; vừa có tác dụng thực tiễn là góp phần có hiệu quả vào việc dạy – học ngôn ngữ thứ 2.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Defining Pragmatics: - Definition and Delimitation - The use of Pragmatics	6	- Kiểm tra nội dung đã học. - Bài giảng của giảng viên trên lớp - Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu - Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung
Context, Implicature and Reference	6	- Kiểm tra nội dung đã học. - Bài giảng của giảng viên trên lớp - Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu - Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung
Pragmatic Principles: - Communicative Principle - Cooperative Principle		- Kiểm tra nội dung đã học. - Bài giảng của giảng viên trên lớp - Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu - Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Mid-term test	2	Sinh viên làm bài kiểm tra tại lớp, giảng viên đánh giá rút kinh nghiệm
Speech Acts	6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
Conversation Analysis	6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
Ôn tập	4	Giảng viên tóm tắt những nội dung chính cần ghi nhớ của môn học, sinh viên nêu thắc mắc (nếu có)

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) Mey, Jacob L. (2001). *Pragmatics- An Introduction, 2<sup>nd</sup> edition*. Australia: Blackwell Publishing.

### 6.2. Tài liệu khác

- 1) Yule, G. (1996). *Pragmatics*. Oxford: Oxford University Press
- 2) Davis, S. (1991). *Pragmatics: a reader*. New York: Oxford University Press.
- 3) Leech, G, N. (1983). *Principles of Pragmatics*. New York: Longman

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thi cuối học phần
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

TS. Trần Thế Phi

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
 NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

**HỌC PHẦN**  
**NGỮ PHÁP CHỨC NĂNG**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Ngữ pháp chức năng
- Mã học phần: 813305
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (20; 5; 5; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Ngữ pháp (813106)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tô Anh chuyên**

**3. Mô tả học phần**

Học phần lấy kết cấu vị tính (predication) làm đơn vị cơ sở để phân tích câu, lần lượt trên các bình diện: cấu trúc (Structure), nghĩa (Meaning) và công dụng (Function). Các vấn đề của cú pháp truyền thống sẽ được định vị lại trong khung ngữ pháp chức năng. Đặc biệt, học phần hướng sinh viên vào những vấn đề tranh luận mà ngữ pháp chức năng đặt ra đối với tiếng Việt, nhằm kêu gọi lòng yêu thích tranh luận và khám phá khoa học của sinh viên.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Nắm được đường hướng chức năng trong sự đối lập với đường hướng hình thức. Nắm được 3 bình diện phân tích câu của ngữ pháp chức năng. Nắm được các khái niệm và thao tác phân tích của ngữ pháp chức năng.

4.2. Về kĩ năng

Thực hành thuần thục các thao tác xác định cấu trúc, nghĩa và công dụng của câu theo tinh thần ngữ pháp chức năng. Biết phân tích câu qua các cấp độ khác nhau.

4.3. Về thái độ

Thông qua môn học, xây dựng cho sinh viên lòng yêu thích ngữ pháp học nói chung và ngữ pháp chức năng nói riêng, có kĩ năng phân tích cú pháp, từ đó thấy được nét đặc thù và cái hay cái đẹp trong cách tạo câu nói riêng và cách diễn đạt nói chung

của người Việt. Tri thức về ngữ pháp chức năng sẽ là cơ sở giúp sinh viên sau này khi ra trường có thể làm tốt những công việc được giao (giảng dạy, nghiên cứu, làm báo, làm biên tập ở các nhà xuất bản v.v.)

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Bài 1: Đại cương về ngữ pháp chức năng</b></p> <p>.1. Ngữ pháp chức năng là gì ?</p> <p>.2. So sánh mô hình ngữ pháp chức năng với mô hình ngữ pháp hình thức.</p> <p>Những mô hình ngữ pháp chức năng trong ngôn ngữ học hiện đại.</p>	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<p><b>Bài 2: Bình diện kết học của câu (I)</b></p> <p>2.1. Miêu tả kết học</p> <p>2.1.1. Ngữ pháp chức năng của Halliday</p> <p>2.1.2. Ngữ pháp chức năng của S.Dik.</p> <p>Một số thảo luận</p>	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<p><b>Bài 3: Bình diện kết học của câu (II)</b></p> <p>3.1. Áp dụng ngữ pháp chức năng vào miêu tả tiếng Việt</p> <p>3.1.1. Giải pháp của Cao Xuân Hạo</p> <p>3.1.2. Giải pháp của Diệp Quang Ban</p> <p>3.2. Một số thảo luận</p>	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<p><b>Bài 4: Bình diện nghĩa học của câu (I)</b></p> <p>4.1. Nghĩa miêu tả của câu</p> <p>4.1.1. Các tham tố ngữ nghĩa dùng để phân loại các kiểu sự tình</p> <p>4.1.2. Phân loại các kiểu sự tình</p> <p>Một số thảo luận</p>	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<p><b>Bài 5: Bình diện nghĩa học của câu (II)</b></p> <p>5.1. Nghĩa tình thái của câu</p> <p>5.1.1. Phân biệt tình thái khách quan và tình thái chủ quan</p> <p>5.1.2. Phân loại tình thái chủ quan</p> <p>Một số thảo luận</p>	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<p><b>Bài 6: Bình diện dụng học của câu (I)</b></p> <p>6.1. Cấu thông thông tin của câu</p> <p>6.2. Tiêu điểm thông báo của câu.</p> <p>Một số thảo luận</p>	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<p><b>Bài 7: Bình diện dụng học của câu (II)</b></p> <p>7.1. Những hành động ngôn từ</p> <p>7.2. Quan hệ giữa kiểu câu và lực ngôn trung.</p> <p>Một số thảo luận</p>	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<p><b>Bài 8: Bình diện dụng học của câu (III)</b></p>	3	Giảng viên trình bày và



8.1. Sở chỉ của câu và các yếu tố chỉ xuất. 8.2. Tiền ước, tiền giả định và hàm ngôn. Một số thảo luận		sinh viên làm bài tập
<b>Bài 9: Các qui tắc diễn đạt (I): vấn đề đánh dấu cách</b> 9.1. Đánh dấu cách 9.2. Các loại hệ thống cách Một số thảo luận	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<b>Bài 10: Các qui tắc diễn đạt (II): Trật tự các thành tố</b> 10.1. Các mô hình trật tự theo lí thuyết 10.2. Vị trí của chủ ngữ và vị trí của bổ ngữ. 10.3. Vị trí của vị từ. Một số thảo luận	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) Halliday, An Introduction to Functional Grammar, Oxford University Press, 2004.

### 6.2. Tài liệu khác

1) Cao Xuân Hạo, Tiếng Việt- Sơ thảo ngữ pháp chức năng, nxb Giáo dục, 2004.

2) S. Dik, Ngữ pháp chức năng, Nxb Đại học Quốc gia Tp HCM, 2005.

(Bản dịch của Nguyễn Văn Phở, Trần Thủy Vịnh, Nguyễn Hoàng Trung, Đào Mục Đích. Nguyễn Thanh Phong. Người hiệu đính: Cao Xuân Hạo)

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tổ chức thi cuối học phần

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**HỌC PHẦN**  
**THƯỜNG THỨC ÂM NHẠC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thường thức âm nhạc
- Mã học phần: 813302
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết: 30 (30,0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tổ lý luận & Nhạc cụ**

**3. Mô tả học phần**

- Môn học giới thiệu cho sinh viên biết về các trường phái âm nhạc, trường phái âm nhạc cổ điển, lãng mạn, hiện đại... chủ đề âm nhạc, hình tượng âm nhạc,
- Các phong cách âm nhạc, thể loại âm nhạc
- Giới thiệu sơ lược âm nhạc Việt Nam qua các thời kì

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Biết được một số trường phái âm nhạc, sơ lược âm nhạc Việt Nam qua các thời kì

4.2. Về kĩ năng

Giúp sinh viên biết cách chọn lọc và thưởng thức tác phẩm âm nhạc.

4.3. Về thái độ

Luôn yêu thích, tìm tòi học hỏi, có ý thức chăm chỉ, có tinh thần cầu tiến, tự tìm hiểu và rèn luyện. Phát huy vai trò của âm nhạc trong đời sống

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết môn học	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương I</b>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng dạy lý thuyết tại lớp. Thực hành hát.</li> <li>- Khuyến khích sinh viên đặt câu hỏi hoặc phát biểu ý kiến, thảo luận trong lớp về</li> </ul>
<b>PHƯƠNG PHÁP BIỂU HIỆN CỦA NGÔN NGỮ ÂM NHẠC</b>		
1.1 Giai điệu		
1.2 Tiết tấu		
1.3 Tiết luật, nhịp độ, cường độ, âm khu, âm		

sắc, nhịp độ, cường độ, sự diễn đạt âm thanh.		
<b>Chương II</b>	5	
<b>CƠ CẤU CỦA NGÔN NGỮ ÂM NHẠC</b>		
2.1 Chất liệu âm nhạc		
2.2 Giai điệu âm nhạc		
2.3 Chủ đề âm nhạc		
2.4 Hình tượng âm nhạc		
<b>Chương III</b>	3	
<b>PHONG CÁCH VÀ THỂ LOẠI ÂM NHẠC</b>		
3.1.Phong cách âm nhạc		
3.2.Thể loại âm nhạc		Hướng dẫn SV nghe nhạc
3.3.Sự phân chia thể loại âm nhạc, mối quan hệ giữa phong cách và thể loại âm nhạc		
<b>Chương IV</b>	10	
<b>LƯỢC SỬ ÂM NHẠC THẾ GIỚI</b>		Cho sv xem DVD các trường phái âm nhạc, phân tích và thảo luận
4.1.Âm nhạc trường phái cổ điển Vienn		
4.2.Âm nhạc trường phái lãng mạn		
4.3.Âm nhạc trường phái hiện đại và đương đại		
<b>Chương V</b>	10	
<b>LƯỢC SỬ ÂM NHẠC VIỆT NAM</b>		
5.1.Dân ca Việt Nam		Cho sv xem DVD các nhạc khí dân tộc Việt
5.2.Nhạc khí dân tộc Việt Nam		
5.3.Âm nhạc cung đình		Cho sv xem DVD âm nhạc cung đình, phân tích và tìm hiểu.
5.4.Ca trù-Hát ả đào , ca kịch Huế		
5.5. Hát chèo ,sân khấu chèo, nghệ thuật hát tuồng Việt Nam		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- 1) Nguyễn Thị Nhung (2005), *Hình thức thể, loại âm nhạc*. Nxb Đại học Sư phạm
- 2) Ngọc Điệp: *Lịch sử âm nhạc thế giới*, Nxb Nhạc viện Tp.HCM,
- 3) Nguyễn Hữu Ba: *Dân ca Việt Nam*. Nxb Sài Gòn
- 4) Hoàng Chương: *Nghệ thuật tuồng Bắc*. Nxb nghệ thuật sân khấu
- 5) Nguyễn Trung Kiên (2011), *Lược sử Opera*, Sách dịch, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội
- 6) Thụy Loan (1993), *Lược sử âm nhạc Việt Nam*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
- 7) Thụy Loan (2005), *Âm nhạc cổ truyền Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm.
- 8) Nguyễn Thị Mỹ Liêm (2014), *Âm nhạc truyền thống Việt Nam*. Nxb Âm nhạc.
- 9) Nguyễn Xinh (1983), *Lịch sử âm nhạc thế giới tập I*, Nhạc viện Hà Nội.

10)Thế Vinh – Nguyễn Thị Nhung (1985), *Lịch sử âm nhạc thế giới tập II*, Nhạc viện Hà Nội.

#### 6.2. Tài liệu khác

- 1) Viện âm nhạc (2003), *Hợp tuyển tài liệu Nghiên cứu – lý luận – phê bình âm nhạc Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Âm nhạc Hà Nội.
- 2) Viện nghệ thuật – Bộ Văn hóa (1976), *Tính dân tộc trong âm nhạc Việt Nam*, Nxb Văn hóa Hà Nội
- 3) V. Konen (1995), *Lịch sử âm nhạc nước ngoài*, Nxb Âm nhạc Moscow, 5 tập.
- 4) Tú Ngọc (1991), *Trích giảng âm nhạc thế giới thế kỷ XX*, Nxb Nhạc viện Hà Nội.

#### Tài liệu nghe nhìn

- Johann Sebastian Bach
- George Frederic Handel
- Jean Phillippe Rameau
- Antonio Vivaldi
- Christoph Uillibald Gluck
- Joseph Haydn
- Uolfgang Amadeus Mozart...

### 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0,1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0,3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

ThS. Nguyễn Đức Linh

ThS. Lâm Trúc Quyên

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
 NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

## HỌC PHẦN ĐẤT NƯỚC HỌC ANH

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Đất nước học Anh
- Mã học phần: 813054
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng Đọc 1 (813062)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên

### 3. Mô tả học phần

Đất nước học Anh là một môn học bao gồm những kiến thức về địa lý, đất nước và con người của dân tộc Anh. Môn học này có ý nghĩa quan trọng đối với những người quan tâm đến văn hóa Anh, đặc biệt những người sử dụng văn hóa Anh là ngôn ngữ trong học tập và công tác. Các bài học trong chương trình giúp người học phân biệt được rõ ràng biên giới lãnh thổ của Vương Quốc Anh, bao gồm 4 vùng lãnh thổ (England, Scotland, Wales, Northern Ireland) với 4 dân tộc (English, Scottish, Welsh, Irish) và 4 nền văn hóa mang đậm bản sắc riêng. Những bài học cũng giúp người học điều chỉnh những quan niệm sai lầm về thái độ và tính cách của người Anh trong cuộc sống.

### 4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Sau khi hoàn tất khóa học, sinh viên có thể

- Nắm vững những thông tin cơ bản nhất về địa lý, đất nước, con người, quan điểm và thái độ của người Anh trong cuộc sống.
- Biết được các tên gọi khác nhau được sử dụng khi mọi người nói về Vương Quốc Anh.
- Những đặc trưng của 4 quốc gia thuộc Vương Quốc Anh.
- Ý nghĩa lá cờ của Vương Quốc Anh,
- Lòng trung thành dân tộc
- Các lễ hội chung và riêng của các dân tộc thuộc Vương Quốc Anh.

4.2. Về kĩ năng: Sau khi học xong, sinh viên có thể:

- Trau dồi kỹ năng thảo luận theo nhóm.
- Rèn luyện kỹ năng thu thập, chọn lọc, phân tích, liên kết và đối chiếu thông tin.
- Rèn luyện kỹ năng tham khảo tài liệu.

#### 4.3. Về thái độ:

- Đối với giảng viên: có tinh thần nghiên cứu, cập nhật kiến thức, đảm bảo lượng nội dung kiến thức truyền tải đến sinh viên và hướng dẫn sinh viên nắm vững các kiến thức yêu cầu, đạt được mục tiêu của chương trình.

- Đối với sinh viên: tham dự lớp học nghiêm túc, đầy đủ (không vắng quá 20% tổng số tiết học của học phần). Có ý thức cập nhật thông tin liên quan đến môn học thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng. Phát huy tư duy độc lập trong quá trình tự học và nghiên cứu, xây dựng tinh thần đồng đội và hợp tác trong công việc nhóm để đạt được tiến bộ cho cá nhân và tập thể.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>I. Chương 1. Introduction – The Country in terms of Geography and Politics</b>	3	Giáo án điện tử, bài giảng và câu hỏi kiểm tra cuối chương
1. Different names to refer to the United Kingdom		
2. England versus Britain		
3. The two political systems on the British Isle		
4. The meaning of the flag of the UK		
<b>II. Chương 2. The four nations</b>	3	Giáo án điện tử: bài giảng và kiểm tra nhanh cuối chương.
1. English		
2. Welsh		
3. Scottish		
4. Irish		
<b>III. Chương 3. The dominance of England and national loyalties</b>	3	Thảo luận nhóm, sử dụng các phần mềm máy tính, từ đó giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học
1. The invasion of Roman Empire in th early time		
2. The dominance of England over the 3 other nations (in terms of language and politics)		
3. The two meanings of national loyalty		
<b>IV. Chương 4. Geography</b>	3	Thảo luận nhóm, sử dụng các phần mềm máy tính, từ đó giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học
1. Climate		
2. Land and Settlement		
3. The environment and pollution		
<b>V. Chương 5. London</b>	3	Thảo luận nhóm, sử dụng các phần mềm máy tính, từ đó giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học
1. The long history of London		
2. The center of politics, commerce and culture of the whole Kingdom		
3. A popular tourist destination		
<b>VI. Chương 6. England</b>		

1. Southern England		
2. The Midlands of England		
3. Northern England		
<b>VII. Chương 7. Scotland</b>	3	Thảo luận nhóm, sử dụng các phần mềm máy tính, từ đó giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học
1. Geography and climate		
2. Capital and large cities		
3. Main industries		
<b>VIII. Chương 8. Wales</b>		
1. Geography and climate		
2. Capital and large cities		
3. Main industries		
<b>IX. Chương 9. Northern Ireland</b>		
1. Geography and climate		
2. Capital and large cities		
3. Main industries		
<b>X. Chương 10. Attitudes of the British</b>	6	Thảo luận nhóm, sử dụng các phần mềm máy tính, từ đó giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học
1. Stereotypes and change		
2. English versus British		
3. A multicultural society		
4. Conservatism		
5. Being different		
6. Love of nature		
7. Love of animals		
8. Public-spiritedness and amateurism		
9. Formality and informality		
10. Privacy and sex		
<b>XI. Chương 11. Holidays and Special Occasions</b>	3	Thảo luận nhóm, sử dụng các phần mềm máy tính, từ đó giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học
1. Traditional seaside holidays		
2. Modern holidays		
3. Christmas		
4. New		
5. Other notable annual occasions		
<b>XII. Ôn tập</b>	3	Giáo án điện tử: bài ôn tập

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) James O'Driscoll (2009), *Britain*, Oxford.

### 6.2. Tài liệu khác

1) Orin Hargraves (2007), *Culture Shock! A survival Guide to Customs and Etiquette – London*, Marshall Cavendish.

2) Joan Collie & Alex Martin (2006), *What's It Like? Life and Culture in Britain Today*, Cambridge University Press.

3) Susan Sheerin, Jonathan Seath and Gillian White (1992), *Spotlight on Britain*, Oxford University Press.

**7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Hoàng Thị Thanh Tâm



**HỌC PHẦN  
ĐẤT NƯỚC HỌC MỸ**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Đất nước học Mỹ
- Mã học phần: 813055
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng Đọc 1 (813062)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên**

**3. Mô tả học phần**

Học phần Đất nước học Mỹ sử dụng giáo trình *The U.S.A. Customs and Institutions* của Nhà xuất bản Longman với nội dung cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về lịch sử và văn hóa của nước Mỹ, cả những giá trị và những khiếm khuyết của văn hóa Mỹ như truyền thống hôn nhân và gia đình, những thói quen xã hội, sự đa dạng về sắc tộc trong tính cách Mỹ, hệ thống giáo dục Mỹ và những lễ hội đầy màu sắc.

Ngoài ra giáo trình còn cung cấp cho người học các khái niệm học thuật trong các lĩnh vực lịch sử và văn hóa kể trên thông qua những bài văn dài và khó, kết hợp các câu hỏi và bài tập có liên quan đến nội dung và từ vựng nhằm củng cố kiến thức của người học.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Sinh viên sẽ có được một số kiến thức và từ vựng tiếng Anh trình độ nâng cao về lĩnh vực văn hóa Mỹ, các giá trị văn hóa, tính cách của người dân Mỹ, hệ thống giáo dục Mỹ.

4.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nói: sinh viên có thể thảo luận và giới thiệu khái quát về văn hóa Mỹ trong các lĩnh vực đã nêu ra ở phần trên.

- Kỹ năng đọc: sinh viên có khả năng đọc hiểu các bài văn tiếng Anh học thuật có nội dung về lĩnh vực văn hóa.

4.3. Về thái độ: Sinh viên phải có ý thức về mục tiêu học phần phải đạt được, đi học đều đặn, đúng giờ, tích cực làm bài tập, tham gia các hoạt động dạy học do giáo viên đề ra và làm bài kiểm tra đầy đủ.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Altitudes, Values, and Lifestyles</b>	16	<p><u>Phần bài đọc</u>: giáo viên trình bày các ý chính của bài 1 Chương 1, sau đó sinh viên chuẩn bị ở nhà, vào lớp thảo luận theo nhóm các chủ đề của các bài sau</p> <p>Chương 1: đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Marriage: American Style</li> <li>b) American Family Life</li> <li>c) American Etiquette</li> </ul> <p>Chương 2: đề tài: A Nation of Immigrants</p> <p>Chương 3: đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) American Education: The First 12 Years</li> <li>b) Higher Education</li> </ul> <p>Chương 4: đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Christopher Columbus</li> <li>b) Thanksgiving and Native Americans</li> </ul> <p>Yêu cầu: Sinh viên chuẩn bị tốt, trình bài lưu loát, phát âm đúng, nêu được các ý chính của bài được giao</p> <p><u>Phần bài tập</u>: sinh viên làm bài tập, giáo viên kiểm tra qua hình thức nói và viết, sửa bài cho sinh viên.</p>
<b>1. The American Characters</b>	4	
1.1. Land of Diversity		
1.2. Democracy in Action		
1.3. “Try It-You’ll Like It”		
1.4 Typical American Behavior and Values		
<b>2. Marriage: American Style</b>	4	
2.1 Before the Wedding		
2.2 The Big day		
2.3 The Contemporary American Marriage.		
2.4. Divorce and Alternative lifestyle		
2.5. Happy Anniversary		
<b>3. American Family Life</b>	4	
3.1. Who’s at Home?		
3.2. Where Is Home?		
3.3. Who Pays the Bills?		
3.4. Who’s in Charge?		
3.5. Parenthood: A Choice		
<b>4. American Etiquette</b>	4	
4.1 American Attitudes and Good Manners		
4.2. Introductions and Titles		
4.3. Congratulations, Condolences, and Apologies		
4.4. Dining Etiquette		
4.5. Manners between Men And Women		
4.6. Classroom Etiquette		
4.7. Language Etiquette		
<b>Chương 2. The Salad Bowl: Cultural Diversity in the U.S.</b>	4	
<b>1. A Nation of Immigrants</b>	4	
1.1 Immigrations before Independence		
1.2. Immigration from 1790 to 1920		
1.3 Immigration since 1920		

1.4. Today's Foreign-Born Population		
<b>Chương 3. Levels of learning</b>	4	
<b>1. American Education: The First 12 Years</b>	2	
1.1. The Goals and Purpose of Public Education		
1.2. Public and Private Schools		
1.3. Teaching Methods and Approaches		
1.4. Early Childhood Education		
1.5. Elementary Education		
1.6 High School (Second Education)		
1.7 School Problems and Possible Solutions		
<b>2. Higher Education</b>	2	
2.1. Why College?		
2.2. How to Find the Right College		
2.3. Undergraduate Education: Types of Schools		
2.4. Graduate Education		
2.5. Life on an American Campus		
2.6. Financing Higher Education		
2.7. Standardized Tests and Their Uses		
2.8. Lifelong Learning		
<b>Chương 4. American Holidays: History and Customs</b>	4	
<b>1. Christopher Columbus</b>	2	
1.1 His Accomplishments, His History		
1.2 Preparations for a Great Journey		
1.3. Four Important Voyages		
1.4. Why "America"?		
<b>2. Thanksgiving and Native Americans</b>	2	
2.1. Thanksgiving: Origin and Customs		
2.2. A Famous Pilgrim Story		
2.3. Friends and Enemies		
Ôn tập	2	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) Ethel Tiersky & Martin Tiersky (2002), *The U.S.A. Customs and Institutions*, Fourth Edition, Longman.

## 6.2. Tài liệu khác

- 1) Randee Falk (1993), Spotlight on the USA, Oxford.
- 2) Christopher Garwood (2005), Aspects of Britain and the USA, Oxford.
- 3) Milada Broukal & Peter Murphy (1999), All about the USA, Longman.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Nguyễn Hoàng Quý

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG NGHE 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ Năng Nghe 1
- Mã học phần: 813051
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Hướng dẫn phương pháp nghe hiểu để sinh viên nghe có hiệu quả hơn. Cung cấp cho sinh viên những bài nghe với nội dung đa dạng như ví dụ như các tình huống giao tiếp hàng ngày, miêu tả người, nói về các đề tài quen thuộc như thể thao, giải trí... Thông qua những bài học nghe, sinh viên không những phát triển được kỹ năng nghe hiểu mà còn tiếp thu kiến thức ở nhiều lĩnh vực. Bên cạnh đó, những bài tập nghe còn giúp sinh viên nhận ra cách nối âm, cách sử dụng ngữ điệu trong tiếng Anh.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên đạt được trình độ nghe hiểu cơ bản.

4.2. Về kỹ năng: Sau khi học xong, sinh viên được trang bị nhiều phương pháp nghe khác nhau ví dụ như nghe ý chính hay nghe thông tin cụ thể. Sinh viên có khả năng làm được những bài tập nghe theo chuẩn quốc tế.

4.3. Về thái độ: Sinh viên dần hình thành tinh thần tự học tự nghiên cứu. Thông qua những hoạt động học tập trong lớp, sinh viên có thái độ hợp tác thân thiện với bạn học và tôn trọng thầy cô.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Giới thiệu chương trình</b>	2	Giới thiệu chương trình và hướng dẫn phương pháp học tập bộ môn.
<b>Unit 1: Friends Abroad</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.
Part 1: Vocabulary: Nations and Nationalities		
Part 2: Skill Development		

Part 3: Exam Practice (Section 1)		- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
<b>Unit 2: Food and Cooking</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary - Types of food - Cooking methods - Weight and measurements - Countable and Uncountable Nouns		
Part 2: Skill Development (Section 2)		
Part 3: Exam Practice (Section 2)		
<b>Unit 3: Presentations</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary - Presentations - Vocabulary groups		
Part 2: Skill Development (Section 3)		
Part 3: Exam Practice (Section 3)		
<b>Unit 4: Work</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary - People at work - Words that go together		
Part 2: Skill Development (Section 4)		
Part 3: Exam Practice (Section 4)		
<b>Unit 5: On-campus Services</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary - Campus services - Prepositions		
Part 2: Skill Development - Sentence Completion - Short-answer questions		
Part 3: Exam Practice (Section 1)		
<b>Unit 6: Staying safe</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary - Crime - Collocations - Pronunciation		
Part 2: Skill Development (Table Completion)		
Part 3: Exam Practice (Section 2)		
<b>Unit 7: Studying, Exams and Revision</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary - Comparatives - Adjectives and Adverbs		
Part 2: Skill Development - Sentence Completion		
Part 3: Exam Practice (Section 3)		
<b>Unit 8: Shopping and Spending</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.
Part 1: Vocabulary - Shopping options		

- Collocations		- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 2: Skill Development - Note completion - Multiple-choice questions - Short-answer questions		
Part 3: Exam Practice (Section 4)		
<b>Mid-term TEST</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến trình thi và chủ đề thi. - Thực hiện thi ngay trong tiết dạy.
<b>Unit 9: Hobbies, Interests and Sports</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary - Vocabulary note		
Part 2: Skill Development - Table completion - Completing forms		
Part 3: Exam Practice (Section 3)		
<b>Unit 10: Work-life Balance</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary - Words that have similar meaning - Nouns or Verbs - Spelling		
Part 2: Skill Development - Sentence completion - The final -s		
Part 3: Exam Practice (Section 2)		
<b>Unit 11: Comparing cultures</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary - Cultures across the world - Listening for key words		
Part 2: Skill Development - Listening for comparisons and contrasts - Matching information		
Part 3: Exam Practice (Section 3)		
<b>Unit 12: Exploring the oceans</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary - Trends and statistic		
Part 2: Skill Development - Labeling diagrams		
Part 3: Exam Practice (Section 4)		
<b>Revision for the Final TEST</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến trình thi và chủ đề thi.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) Jane Short, (2011), *Get Ready for IELTS - Listening* – Nhà xuất bản Harper Collins

## 6.2. Tài liệu khác

- 1) Cusack, B. & McCarter, S. (2007), Improve your IELTS: Listening and Speaking Skills, Oxford: Macmillan.
- 2) Tanka, J & Baker, L.R. (2007), Interactions 2 – Listening and Speaking, Silver Edition, McGraw Hill.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Nghe, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Trần Quang Loan Tuyền



**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG NGHE 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ Năng Nghe 2
- Mã học phần: 813056
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng Nghe 1 (813051)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Hướng dẫn phương pháp nghe hiểu để sinh viên nghe có hiệu quả hơn. Cung cấp cho sinh viên những bài nghe với nội dung đa dạng như ví dụ như các tình huống giao tiếp hàng ngày, miêu tả người, nói về các đề tài quen thuộc như thể thao, giải trí... Thông qua những bài học nghe, sinh viên không những phát triển được kỹ năng nghe hiểu mà còn tiếp thu kiến thức ở nhiều lĩnh vực. Bên cạnh đó, những bài tập nghe còn giúp sinh viên nhận ra cách nối âm, cách sử dụng ngữ điệu trong tiếng Anh.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên đạt được trình độ nghe hiểu cơ bản.

4.2. Về kĩ năng: Sau khi học xong, sinh viên được trang bị nhiều phương pháp nghe khác nhau ví dụ như nghe ý chính hay nghe thông tin cụ thể. Sinh viên có khả năng làm được những bài tập nghe theo chuẩn quốc tế.

4.3. Về thái độ: Sinh viên dần hình thành tinh thần tự học tự nghiên cứu. Thông qua những hoạt động học tập trong lớp, sinh viên có thái độ hợp tác thân thiện với bạn học và tôn trọng thầy cô.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Giới thiệu chương trình</b>	2	Giới thiệu chương trình và hướng dẫn phương pháp học tập bộ môn.
<b>Unit 1: On the move</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một
Part 1: Vocabulary		

Part 2: Practice Exercises - Form completion - Matching - Multiple choice		cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 3: Exam Practice (Section 1)		
<b>Unit 2: Being young</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Labeling a map or plan - Flow chart completion		
Part 3: Exam Practice (Section 2)		
<b>Unit 3: Climate</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Classification - Labeling a diagram - Note completion		
Part 3: Exam Practice (Section 3)		
<b>Unit 4: Family structure</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Short-answer questions - Sentence and summary completion - Choosing answers from a list		
Part 3: Exam Practice (Section 4)		
<b>Unit 5: Starting university</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Labeling a map or plan - Form completion – addresses - Note completion		
Part 3: Exam Practice (Section 1)		
<b>Unit 6: Fame</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Matching - Multiple choice - Choosing answers from a list		
Part 3: Exam Practice (Section 2)		
<b>Unit 7: Alternative energy</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Flow chart completion - Short-answer questions - Summary completion		
Part 3: Exam Practice (Section 3)		
<b>Unit 8: Migration</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên

Part 1: Vocabulary		cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 2: Practice Exercises - Classification - Labeling a diagram - Table completion		
Part 3: Exam Practice (Section 4)		
<b>Mid-term TEST</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến trình thi và chủ đề thi. - Thực hiện thi ngay trong tiết dạy.
<b>Unit 9: At the gym</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Labeling a diagram - Form completion - Short-answer questions		
Part 3: Exam Practice (Section 1)		
<b>Unit 10: At the office</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Table completion - Summary completion - Classification		
Part 3: Exam Practice (Section 2)		
<b>Unit 11: Local languages</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Multiple choice - Labeling a map or plan - Selecting form a list		
Part 3: Exam Practice (Section 3)		
<b>Unit 12: Practice Test (4 sections)</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1:		
Part 2:		
Part 3:		
Part 4:		
<b>Revision for the Final TEST</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến trình thi và chủ đề thi.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) Fiona Aish & Jo Tomlinson, (2011), *Listening for IELTS* - Nhà xuất bản Harper Collins

## 6.2. Tài liệu khác

- 1) Cusack, B. & McCarter, S. (2007), *Improve your IELTS: Listening and Speaking Skills*, Oxford: Macmillan.
- 2) Jack C. Richards with Grant Trew - *Tactics for Listening*, Oxford University Press, Third Edition (2012)
- 3) Richards, J.C. (2011), *Listen Carefully*, Oxford: Oxford University Press.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Nghe, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Trần Quang Loan Tuyền

**HỌC PHẦN  
KỸ NĂNG NGHE 3****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ Năng Nghe 3
- Mã học phần: 813306
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết: 30
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng Nghe 2 (813056)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần**

- Trang bị cho sinh viên kiến thức về cách làm bài nghe theo chuẩn quốc tế. Sinh viên sẽ được học về cách ghi chú khi nghe và cách trả lời các câu hỏi theo dạng trắc nghiệm và các kỹ năng trả lời câu hỏi.

- Giúp sinh viên rèn luyện thêm kỹ năng nghe để tham gia các kỳ thi quốc tế như: TOEIC, TOEFL, ....

- Sinh viên sẽ có một bài kiểm tra giữa học phần.

- Những bài kiểm tra ngắn và bài kiểm tra hoàn chỉnh sẽ được tiến hành trong suốt học phần với mục đích ôn tập và củng cố kiến thức cho SV.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên thu thập thêm kiến thức về những vấn đề có tính chất học thuật như: lịch sử, văn hóa, khoa học, kỹ thuật và được trang bị một số từ vựng và thành ngữ liên quan đến các chủ đề trên. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được làm quen với các định dạng của bài thi nghe quốc tế, được hướng dẫn cách làm bài nhằm đạt được kết quả tốt.

4.2. Về kỹ năng: được rèn luyện về các kỹ năng nghe của bài thi nghe quốc tế như IELTS

4.3. Về thái độ: Sinh viên có thái độ tích cực trong học tập và tự rèn luyện thêm để có thể tham gia các kỳ thi quốc tế theo chuẩn CEFER - Common European Framework of Reference for Languages – (Khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ Châu Âu) nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu của Bộ Giáo dục về môn Tiếng Anh.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>5.1. IELTS Listening Exam Guide - Section 1 (pages 50 – 53)</b>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn phương pháp học tập bộ môn.</li> <li>- Giảng viên hướng dẫn các chiến lược để thực hiện tốt một bài Nghe IELTS phần 1.</li> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm từng mini-task để minh họa cho từng chiến lược.</li> <li>- Sinh viên làm bài tập áp dụng.</li> <li>- Giảng viên phản hồi.</li> <li>- Sinh viên rút kinh nghiệm.</li> </ul>
<b>5.2. Unit 1: Providing personal information</b> 1. Lead-in questions 2. Focus on letter recognition (Task 1) 3. Pre-listening practice (Task 2, 3) 4. Main listening (Task 4) 5. Post- listening activity	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> <li>- Giảng viên sửa bài.</li> <li>- Sinh viên rút kinh nghiệm.</li> </ul>
<b>5.3. Unit 2: Opening an account</b> 1. Lead-in questions (Task 1, 2) 2. Focus on numbers in context (Task 3) 3. Main listening (Task 4) 4. Post- listening activity	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> <li>- Giảng viên sửa bài.</li> <li>- Sinh viên rút kinh nghiệm.</li> </ul>
<b>5.4. IELTS Listening Exam Guide</b> - Section 2 (pages 54 – 57) - Section 1 & 2 (pages 58 – 61)	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn các chiến lược để thực hiện tốt một bài Nghe IELTS phần 2 và kết hợp thực hành phần 1 và 2.</li> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm từng mini-task để minh họa cho từng chiến lược.</li> <li>- Sinh viên làm bài tập áp dụng.</li> <li>- Giảng viên phản hồi.</li> <li>- Sinh viên rút kinh nghiệm.</li> </ul>
<b>5.5. Unit 3: On campus</b> 1. Lead-in questions 2. Focus on predictive skills (Task 1)	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách</li> </ul>

3. Focus on the preliminary section (Task 2)		tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.
4. Gap-fill Practice (Task 3)		- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
5. Main listening (Task 4)		- Giảng viên sửa bài.
6. Post- listening Activity		- Sinh viên rút kinh nghiệm.
<b>5.6. Unit 4: Finding your way around</b>	2	
1. Lead-in questions – Dialogue (Task 1)		- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.
2. Focus on map and plan interpretation (Task 2, 3, 4)		- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
3. Main listening (Task 5)		- Giảng viên sửa bài.
4. Post- listening activities		- Sinh viên rút kinh nghiệm.
<b>5.7. IELTS Listening Exam Guide</b> - Section 3 (pages 62 – 65) - Section 4 (pages 66 – 68)	2	- Giảng viên hướng dẫn phương pháp học tập bộ môn. - Giảng viên hướng dẫn các chiến lược để thực hiện tốt một bài Nghe IELTS phần 3 và 4. - Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm từng mini-task để minh họa cho từng chiến lược. - Sinh viên làm bài tập áp dụng. - Giảng viên phản hồi. - Sinh viên rút kinh nghiệm.
<b>5.8. Unit 5: Out and about</b>	2	
1. Lead-in activity (Task 1)		- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.
2. Focus on Gap-fill task (Task 2, 3)		- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
3. Main listening (Task 4)		- Giảng viên sửa bài.
4. Post- listening activities		- Sinh viên rút kinh nghiệm.
<b>5.9. Unit 6: University courses</b>	2	
1. Lead-in activity		- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.
2. Focus on Part 3 task (Task 1)		- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
3. Focus on distracters (Task 2, 3)		- Giảng viên sửa bài.
4. Main listening (Task 4)		- Sinh viên rút kinh nghiệm.
5. Post- listening activities		
<b>5. 10. IELTS Listening Exam Guide</b> Section 3 & 4 (pages 69 – 74)	2	- Giảng viên hướng dẫn các chiến lược để thực hiện tốt một bài Nghe IELTS phần 3 và 4. - Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm từng mini-task để minh họa cho từng chiến lược.

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên làm bài tập áp dụng.</li> <li>- Giảng viên phản hồi.</li> <li>- Sinh viên rút kinh nghiệm.</li> </ul>
<b>5.11. Unit 7: Getting down to work</b>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> <li>- Giảng viên sửa bài.</li> <li>- Sinh viên rút kinh nghiệm.</li> </ul>
1. Lead-in activity		
2. Focus on Join-up speech (Task 1, 2, 3)		
3. Focus on Pronouns in word substitution		
4. Main listening (Task 4)		
5. Post- listening activities		
<b>5.12. Unit 8: Finding your way around</b>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> <li>- Giảng viên sửa bài.</li> <li>- Sinh viên rút kinh nghiệm.</li> </ul>
1. Lead-in activity		
2. Focus on Part 4 Tasks (Task 1)		
3. Focus on Word Form (Task 2, 3)		
4. Focus on Signposting		
5. Main listening (Task 4)		
6. Post- listening activities		
<b>5.13. Mid-term Test</b>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên tổ chức cho sinh viên thực hiện thi giữa học kỳ trong tiết dạy.</li> </ul>
<b>5.14. Unit 9: The world of Science</b>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> <li>- Giảng viên sửa bài.</li> <li>- Sinh viên rút kinh nghiệm.</li> </ul>
1. Lead-in activity		
2. Focus on comprehension in Multiple Choice tasks (Task 1)		
3. Focus on complex Multiple Choice, Matching and Multiple Matching tasks (Task 2, 3)		
4. Main listening (Task 4)		
5. Post- listening activity		
<b>5.15. Unit 10: The sky's the limit</b>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> <li>- Giảng viên sửa bài.</li> <li>- Sinh viên rút kinh nghiệm</li> <li>- Giảng viên</li> </ul>
1. Lead-in activity		
2. Focus on Charts and Diagrams (Task 1)		
3. Focus on language (Task 2)		
4. Main listening (Task 3)		
5. Post- listening activity		
<b>6. Revision for the Final Test</b>		



## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1) Andrew Betsis, (2014), *Succeed in IELTS – Listening and Vocabulary*, Nhà xuất bản Tổng hợp.

### 6.2. Tài liệu khác

2) Min, H. & Gordon, J.A. (2010), *Essential Listening for IELTS*, Nhà xuất bản Tổng hợp.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Nghe, thời gian hi: 30 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Trần Quang Loan Tuyền

**HỌC PHẦN  
KỸ NĂNG NÓI 1****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ Năng Nói 1
- Mã học phần: 813059
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết: 30
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần**

Trong học phần này, sinh viên được quyền chọn chủ đề để trình bày theo yêu cầu của câu hỏi và trình bày quan điểm của bản thân về chủ đề được chọn với những lập luận của riêng mình. Dạng câu hỏi này được gọi là Personal Preference.

Học phần giúp sinh viên tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm trong quá trình sắp xếp các ý tưởng của mình theo một dàn ý hợp lý và thuyết phục, biết cách vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo khi phải phát ý kiến riêng về một chủ đề được nêu lên làm tiền đề cho các kỳ thi quốc tế sau này.

Những câu hỏi trong học phần này tập trung vào những nội dung thiết thực trong cuộc sống và sinh hoạt hằng ngày như: học tập, nghề nghiệp, sở thích, điện ảnh, thể thao, ẩm thực, lối sống, những trải nghiệm của bản thân, danh nhân, khoa học, kỹ thuật, ...

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên có thể tự mình làm được một dàn ý cụ thể trong thời gian nhanh nhất trước khi trình bày chủ đề được nêu ra. Ngoài ra sinh viên cũng được trang bị và biết cách sử dụng những thành ngữ thông dụng trong các kỳ thi nói quốc tế khi giới thiệu chủ đề, lý do và những nội dung khác khi trình bày ý kiến của mình.

4.2. Về kỹ năng: Sau khi học xong, sinh viên có thể phát triển kỹ năng nói của bản thân khi phải trình bày một nội dung nào đó một cách tự tin và thuyết phục.

4.3. Về thái độ: Sinh viên dần hình thành thói quen trình bày nội dung của mình một cách ngắn gọn, phát huy được tính tích cực, độc lập, sáng tạo khi sử dụng ngôn ngữ nói.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Giới thiệu chương trình</b>	2	Giới thiệu chương trình và hướng dẫn phương pháp học tập bộ môn.
<b>Unit 1</b>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 2</b>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 3</b>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 4</b>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 5</b>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 6</b>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 7</b>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 8</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên

Part 1: Language Development		cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Mid-term TEST</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến trình thi và chủ đề thi. - Thực hiện thi ngay trong tiết dạy.
<b>Unit 9</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 10</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 11</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 12</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Revision for the Final TEST</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến trình thi và chủ đề thi.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1) Rhona Snelling, (2011), *Get Ready for IELTS - Speaking* – Nhà xuất bản Harper Collins

### 6.2. Tài liệu khác

1) Cusack, B. & McCarter, S. (2007), *Improve your IELTS: Listening and Speaking Skills*, Oxford: Macmillan.

2) Deborah Phillips - Longman Preparation for the Toefl Tests - Next Generation, Speaking Section, NXB Longman, năm 2006.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Nói theo cá nhân + phân hỏi thêm của giám khảo

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Trần Quang Loan Tuyền

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG NÓI 2****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ năng Nói 2
- Mã học phần: 813060
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết: 30
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng Nói 1 (813059)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần**

Trong học phần này, sinh viên phải chọn một trong hai ý kiến khác nhau được nêu ra trong câu hỏi và trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề được nêu lên với những lập luận của riêng mình. Dạng câu hỏi này được gọi là Paired Choice.

Học phần giúp sinh viên tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm trong quá trình sắp xếp các ý tưởng của mình theo một dàn ý hợp lý và thuyết phục, biết cách vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo khi phải phát ý kiến riêng về một chủ đề được nêu lên làm tiền đề cho các kỳ thi quốc tế sau này.

Những câu hỏi trong học phần này tập trung vào những ý kiến, quan điểm, nhận định khác nhau về những vấn đề trong cuộc sống và sinh hoạt hằng ngày như: học tập, nghề nghiệp, sở thích, điện ảnh, thể thao, ẩm thực, lối sống, những trải nghiệm của bản thân, danh nhân, khoa học, kỹ thuật, ...

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên có thể tự mình làm được một dàn ý cụ thể trong thời gian nhanh nhất trước khi trình bày chủ đề được nêu ra. Ngoài ra sinh viên cũng được trang bị và biết cách sử dụng những thành ngữ thông dụng trong các kỳ thi nói quốc tế khi giới thiệu chủ đề, lý do và những nội dung khác khi trình bày ý kiến của mình.

4.2 Về kỹ năng: Sau khi học xong, sinh viên có thể phát triển kỹ năng nói của bản thân khi phải trình bày một nội dung nào đó một cách tự tin và thuyết phục.

4.3 Về thái độ: Sinh viên dần hình thành thói quen trình bày nội dung của mình một cách ngắn gọn, phát huy được tính tích cực, độc lập, sáng tạo khi sử dụng ngôn ngữ nói.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Giới thiệu chương trình</b>	3	Giới thiệu chương trình và hướng dẫn phương pháp học tập bộ môn.
<b>Unit 1: PEOPLE AND RELATIONSHIPS</b>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
1. Vocabulary: Character and personality, Relationships, Modifying		
2. Grammar: Tenses		
3. Pronunciation: Weak and strong forms		
4. Exam Technique: What it means to “know” a word		
5. Practice		
<b>Unit 2: A HEALTHY BODY</b>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn..</li> </ul>
1. Vocabulary: Sports and Fitness, Health and Diet, Collocations		
2. Grammar		
3. Pronunciation: Expressing enthusiasm, Expressing opinions		
4. Exam Technique: Planning your answers		
5. Practice		
<b>Unit 3: STUDIES AND WORK</b>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
1. Vocabulary: Studies and Work		
2. Grammar: Speculating		
3. Pronunciation: Words stress		
4. Exam Technique: Giving answers that are the right length		
5. Practice		
<b>Unit 4: THE WORLD AROUND US</b>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
1. Vocabulary: The environment, Climate		
2. Grammar: Cleft Sentences, Complex Sentences Subordinate Clause		
3. Pronunciation: Long and short Vowels Sound		
4. Exam Technique: Using news article to improve your answers		

5. Practice		
<b>Unit 5: COMMUNICATION</b>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
1. Vocabulary: Languages, Keeping in Touch Globalisation		
2. Grammar: Making Comparison Expressing Attitudes		
3. Pronunciation: Consonants		
4. Exam Technique: Giving yourself time to think		
5. Practice		
<b>Unit 6: TECHNOLOGY</b>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
1. Vocabulary: Technology Internet		
2. Grammar: Phrasal Verb Particles		
3. Pronunciation: Sentence Stress		
4. Exam Technique: Coherence		
5. Practice		
<b>Unit 7: HOBBIES</b>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
1. Vocabulary: Likes and Dislikes, Hobbies		
2. Grammar: Frequency Present Perfect		
3. Pronunciation: The schwa /ə /		
4. Exam Technique: Sounding polite		
5. Practice		
<b>Unit 8: YOUTH</b>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
1. Vocabulary: Remembering Childhood		
2. Grammar: Past Tense, Used to and Would		
3. Pronunciation: Past tense –ed ending Diphthongs		
4. Exam Technique: Fluency		
5. Practice		
<b>Unit 9: HOME</b>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
1. Vocabulary: Describing places Comparing now and then Suffixes		
2. Grammar: The passive, The Causative		
3. Pronunciation: Silent letters		
4. Exam Technique: Clarifying, paraphrasing and giving example		
5. Practice		



<b>MID-TERM TEST</b>	3	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến trình thi và chủ đề thi. - Thực hiện thi ngay trong tiết dạy.
<b>Unit 10: CULTURE</b>	3	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
1. Vocabulary: Festivals and historical sites Protecting our heritage		
2. Grammar: The Future		
3. Pronunciation: Linking		
4. Exam Technique: Predicting questions		
5. Practice		
<b>Unit 11: ON THE MOVE</b>	3	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
1. Vocabulary: Holidays, Tourism		
2. Grammar: Short answers, Cause and Effects		
3. Pronunciation: Extra stress		
4. Exam Technique: What kind of speaker are you?		
5. Practice		
<b>Unit 12: PRACTICE EXAM</b>	3	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1		
Part 2		
Part 3		
Part 4		
<b>REVISION FOR THE FINAL EXAM</b>	3	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến trình thi và chủ đề thi.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1) Karen Kovacs, (2011), *Speaking for IELTS - Speaking* – Nhà xuất bản Harper Collins

### 6.2. Tài liệu khác

1) Cusack, B. & McCarter, S. (2007), *Improve your IELTS: Listening and Speaking Skills*, Oxford: Macmillan.

2) Deborah Phillips - Longman Preparation for the Toefl Tests - Next Generation iBT, NXB Longman, năm 2008

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phân nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Nói theo cá nhân + phần hỏi thêm của giám khảo

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Trần Quang Loan Tuyên

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG NÓI 3**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ năng Nói 3
- Mã học phần: 813307
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng Nói 2 (813060)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên**

**3. Mô tả học phần**

Trong môn học này, sinh viên được hướng dẫn cách chọn và phát triển các đề tài cụ thể, chuẩn bị dàn ý chi tiết, thực tập trình bày tại lớp. Trong khi thuyết trình, sinh viên vận dụng những ngôn ngữ hình thể đã được hướng dẫn để làm cho bài nói của mình thêm sinh động, thu hút người nghe. Từ đó giúp sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng trình bày trước công chúng với lập luận chặt chẽ, phản biện logic trên tinh thần xây dựng không chỉ ở bộ môn này mà còn ở các bộ môn khác; đặc biệt giúp sinh viên tự tin và đủ khả năng trình bày các đề tài nghiên cứu trong học tập cũng như trong công việc sau này.

**4. Mục tiêu học phần:**

- 4.1. Về kiến thức: Sau khi hoàn tất khóa học, sinh viên có thể
- Nắm vững các phương pháp và kỹ năng trình bày một bài thuyết trình có chuẩn bị trước hoặc không chuẩn bị trước trước công chúng.
  - Phát triển khả năng tư duy và lý luận chặt chẽ.
  - Phát triển khả năng thu thập, chọn lọc, phân tích, liên kết và sắp xếp các ý tưởng một cách logic để hình thành dàn bài chi tiết cho một bài thuyết trình.
- 4.2. Về kỹ năng: Sau khi học xong, sinh viên có thể
- củng cố và phát triển kỹ năng Nghe và Nói.
  - Trau dồi kỹ năng thuyết trình cá nhân trước công chúng để phục vụ cho những môn học kế tiếp.

## 4.3. Về thái độ:

- Đối với giảng viên: có tinh thần nghiên cứu, cập nhật kiến thức, đảm bảo lượng nội dung kiến thức truyền tải đến sinh viên và hướng dẫn sinh viên nắm vững các kiến thức yêu cầu, đạt được mục tiêu của chương trình.
- Đối với sinh viên: tham dự lớp học nghiêm túc, đầy đủ. Có ý thức cập nhật thông tin liên quan đến môn học thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng. Phát huy tư duy độc lập trong quá trình tự học, nghiên cứu. Chuẩn bị tốt bài thuyết trình trên cơ sở ứng dụng các phương pháp đã học và trao đổi kinh nghiệm với các bạn cùng nhóm.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức / Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Introduction to Public Speaking</b>	5	Giáo án điện tử, bài giảng. SV thảo luận theo nhóm và trả lời các câu hỏi, sau đó giảng viên quyết định hướng trả lời. SV bốc thăm đề tài chuẩn bị cho phần kiểm tra giữa kỳ. SV được yêu cầu đọc trước nội dung chương tiếp theo để chuẩn bị tốt cho bài học.
1.1 Speaking in public		
1.2 Varieties of public speaking		
1.2.1 Speaking to inform		
1.2.2 Speaking to persuade		
<b>2. Speech Preparation: Getting Started</b>	10	GV hướng dẫn SV thảo luận nhóm về phương pháp lựa chọn chủ đề và xác định mục đích của bài thuyết trình, làm rõ vai trò của người thuyết trình và người nghe, và cách dẫn chứng những ví dụ cho bài nói thêm hiệu quả.
2.1 Selecting a topic and a purpose		
2.2 Analyzing the audience		
2.3 Supporting your ideas		
<b>3. Speech Preparation: Organizing and Outline</b>	10	Giảng viên hướng dẫn các nội dung trong quá trình chuẩn một bài thuyết trình với các ví dụ minh họa cụ thể. SV thực hành phân tích một dàn ý trong sách, tự thực hiện một dàn ý với chủ đề đã chọn và thực hành thuyết trình trên lớp ( <u>theo nhóm</u> ) với dàn ý đó. Giảng viên giúp phân tích và nhận xét bài thuyết trình của SV.
3.1 Organizing the body of the speech		
3.2 Beginning and ending the speech		
3.3. Outlining the speech		
<b>4. Presenting the Speech</b>	10	Giảng viên hướng dẫn kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ hình thể và trực
4.1 Delivery		

4.2 Using visual aids		quan sinh động (hình ảnh, video clip, powerpoint...) để minh họa trong quá trình thuyết trình nhằm tạo hiệu quả cho bài nói. SV ứng dụng các kỹ thuật đã học để thuyết trình ( <u>theo nhóm hoặc cá nhân</u> ) với các đề tài đã chọn. Giảng viên cho phản hồi và góp ý.
<b>5.Kiểm tra giữa kỳ</b>	10	SV bốc thăm để chọn đề tài do giảng viên đưa ra, chuẩn bị một <b>dàn ý chi tiết</b> (trên giấy) và <b>thuyết trình trước lớp</b> trong thời gian <b>5-7 phút</b> (cá nhân) bằng powerpoint. Giảng viên phản hồi (nếu cần) và cho điểm.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) Stephen E. Lucas, *The Art of Public Speaking*, McGraw-Hill (2008).

### 6.2. Tài liệu khác

1) Halminton Gregory, *Public Speaking for College and Career*, McGraw-Hill.

2) Paulette Dale & James C. Wolf, *Speech Communication Made Simple*, Longman.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Nói, thời gian làm bài: 10 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG ĐỌC 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ Năng Đọc 1
- Mã học phần: 813062
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Thông qua học phần này, sinh viên có được cơ hội đọc về các vấn đề rất đa dạng, được mở rộng tầm nhìn qua các đề tài của bài đọc, nâng cao được kiến thức của mình trong nhiều lĩnh vực. Học phần kỹ năng đọc 1 sử dụng giáo trình Effective Reading của nhà xuất bản Macmillan gồm những bài đọc ngắn thuộc nhiều thể loại như ngôn ngữ, thể thao, dân số, thành công giúp cho sinh viên làm quen với những nét đặc trưng của các thể loại này, chuẩn bị cho việc đọc nâng cao về sau.

Qua đó, giảng viên sẽ giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc những bài văn học thuật trong lĩnh vực thể thao, khoa học, giáo dục và cuộc sống hằng ngày. Đồng thời những bài tập trong giáo trình cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phát triển từ vựng tiếng Anh, phân tích ngôn ngữ và kỹ năng viết câu.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

Trau dồi kỹ năng đọc hiểu những bài đọc ngắn về các chủ đề quen thuộc như: ngôn ngữ, thể thao, dân số, thành công, ...

**4.2. Về kỹ năng**

Rèn luyện kỹ năng đọc và hiểu vấn đề một cách sâu rộng qua khả năng vận dụng, phân tích và tổng hợp vấn đề.

**4.3. Về thái độ**

Xây dựng thái độ tích cực về lòng đam mê đọc hiểu không chỉ để nắm bắt ngôn ngữ mà chủ yếu là để khám phá thế giới xung quanh.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Extensive reading</b>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp.</li> <li>- Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời.</li> <li>- Giảng viên nhận xét.</li> </ul>
<b>1.1. Pre - reading</b>		
1.1.1. Pre – reading 1 Discussions for the answers of the questions about the content of the reading.		
1.1.2. Pre – reading 2 Discussions for the learners’ opinions about the topic of the reading.		
<b>1.2. Comprehension</b>		
1.2.1. Comprehension 1 True – False exercise & evidence show.		
1.2.2. Comprehension 2 Questions & answers without using a dictionary.		
<b>1.3. Vocabulary focus</b>		
1.3.1. Vocabulary focus 1 Sentence completion with the words in the box.		
1.3.2. Vocabulary focus 2 Sentence completion with the appropriate form of the words in the box.		
<b>Chương 2: Money</b>	3	
<b>1.1 Pre - reading</b>		
1.1.1 Pre – reading 1 Order arrangement		
1.1.2 Pre – reading 2 Discussions for the opinions.		
<b>1.2 Comprehension</b>		
1.2.1 Comprehension 1 Error recognition.		
1.2.2 Comprehension 2 Questions & answers		
<b>1.3 Vocabulary focus</b>		
1.3.1 Vocabulary focus 1		

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Sentence completion with the expressions in the box.		
1.3.2 Vocabulary focus 2 Sentence completion with the words in the box.		
<b>Chương 3: Love</b>	3	
<b>1.1 Pre - reading</b>		
1.1.1 Pre – reading 1 Sentence completion with the words from the text.		
1.1.2 Pre – reading 2 Discussions for opinions.		
<b>1.2 Comprehension</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp.</li> <li>- Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời.</li> <li>- Giảng viên nhận xét.</li> </ul>
1.2.1 Comprehension 1 Style identification.		
1.2.2 Comprehension 2 Questions & answers		
<b>1.3 Vocabulary focus</b>		
1.3.1 Vocabulary focus 1 Word matching to their antonyms.		
1.3.2 Vocabulary focus 2 The identification of word meaning.		
<b>Chương 4: The Internet</b>	3	
<b>1.1 Pre - reading</b>		
1.1.1 Pre – reading 1 Sentence completion with the words from the text.		
1.1.2 Pre – reading 2 Discussions for opinions.		
<b>1.2 Comprehension</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp.</li> <li>- Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời.</li> <li>- Giảng viên nhận xét.</li> </ul>
1.2.1 Comprehension 1 Summary completion with the words in the box.		
1.2.2 Comprehension 2 Questions & answers.		
<b>1.3 Vocabulary focus</b>		



Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
1.3.1 Vocabulary focus 1 Sentence completion.		
1.3.2 Vocabulary focus 2 Word matching to their definitions.		
<b>Chương 5: Language</b>	3	
<b>1.1 Pre - reading</b>		
1.1.1 Pre – reading 1 Sentence completion with the words from the text.		
1.1.2 Pre – reading 2 Discussions for opinions.		
<b>1.2 Comprehension</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp.</li> <li>- Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời.</li> <li>- Giảng viên nhận xét.</li> </ul>
1.2.1 Comprehension 1 True – False exercise & evidence show.		
1.2.2 Comprehension 2 Questions & answers.		
<b>1.3 Vocabulary focus</b>		
1.3.1 Vocabulary focus 1 Sentence completion.		
1.3.2 Vocabulary focus 2 Sentence completion with the correct word form.		
<b>Chương 6: Population in peril</b>	3	
<b>1.1 Pre - reading</b>		
1.1.1 Pre – reading 1 Sentence completion with the words from the text.		
1.1.2 Pre – reading 2 Discussions for opinions.		
<b>1.2 Comprehension</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp.</li> <li>- Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời.</li> <li>- Giảng viên nhận xét.</li> </ul>
1.2.1 Comprehension 1 True – False exercise & evidence show.		
1.2.2 Comprehension 2 1.2.3 Table completion with the information from the text.		

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>1.3 Vocabulary focus</b>		
1.3.1 Vocabulary focus 1 Summary completion with the words in the box.		
1.3.2 Vocabulary focus 2 Word recognition from the group.		
<b>Review + Mid-term</b>	3	
<b>Chương 7: Sports</b>	3	
<b>1.1 Pre - reading</b>		
1.1.1 Pre – reading 1 Questions & answers.		
1.1.2 Pre – reading 2 Word matching to their definitions.		
<b>1.2 Comprehension</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp.</li> <li>- Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời.</li> <li>- Giảng viên nhận xét.</li> </ul>
1.2.1 Comprehension 1 Error recognition.		
1.2.2 Comprehension 2 Questions & answers.		
<b>1.3 Vocabulary focus</b>		
1.3.1 Vocabulary focus 1 Sentence completion with words in the box.		
1.3.2 Vocabulary focus 2 Word & picture matching.		
<b>Chương 8: Media</b>	3	
<b>1.1 Pre - reading</b>		
1.1.1 Pre – reading 1 Sentence completion with the words from the text.		
1.1.2 Pre – reading 2 Discussions for opinions.		
<b>1.2 Comprehension</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp.</li> <li>- Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời.</li> <li>- Giảng viên nhận xét.</li> </ul>
1.2.1 Comprehension 1 True – False exercise & evidence show.		
1.2.2 Comprehension 2		

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Questions & answers.		
<b>1.3 Vocabulary focus</b>		
1.3.1 Vocabulary focus 1 Sentence completion with words in the box.		
1.3.2 Vocabulary focus 2 Word recognition from the group.		
<b>Chương 9: Success</b>	3	
<b>1.1 Pre - reading</b>		
1.1.1 Pre – reading 1 Sentence completion with the words from the text.		
1.1.2 Pre – reading 2 Showing opinions.		
<b>1.2 Comprehension</b>		- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp. - Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời. - Giảng viên nhận xét.
1.2.1 Comprehension 1 True – False exercise & evidence show.		
1.2.2 Comprehension 2 Questions & answers.		
<b>1.3 Vocabulary focus</b>		
1.3.1 Vocabulary focus 1 Sentence completion with words in the box.		
1.3.2 Vocabulary focus 2 Sentence completion with the correct word form.		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) Miles S. (2014), *Effective Reading 3 Intermediate*, Macmillan.

### 6.2. Tài liệu khác

- 1) Heyderman E. & May P. (2010), *Complete PET*, Cambridge University Press.
- 2) Bernard, J. & Lee, B. (1999), *Select Readings – Intermediate*, Oxford: Oxford University Press.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

**7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng**

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

**7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT****TRƯỞNG NGÀNH****TRƯỞNG BỘ MÔN****NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

TS. Bùi Diễm Hạnh

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG ĐỌC 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ năng Đọc 2
- Mã học phần: 813063
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng Đọc 1 (813062)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Học phần kỹ năng đọc 2 vẫn tiếp tục sử dụng giáo trình Effective Reading của nhà xuất bản Macmillan, nhưng cấp độ nâng cao hơn, gồm những bài đọc ngắn thuộc nhiều thể loại như ngôn ngữ, điện ảnh, thời trang ... giúp cho sinh viên làm quen với những nét đặc trưng của các thể loại này, chuẩn bị cho việc đọc nâng cao về sau.

Qua đó, giảng viên sẽ giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc những bài văn học thuật trong lĩnh vực ẩm thực, thiên nhiên, kỹ thuật, .... Đồng thời những bài tập trong giáo trình cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phát triển từ vựng tiếng Anh, phân tích ngôn ngữ và kỹ năng viết câu.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

Trau dồi kỹ năng đọc hiểu những bài đọc ngắn về các chủ đề quen thuộc như: ngôn ngữ, phim ảnh, thời trang, ...

**4.2. Về kỹ năng**

Rèn luyện kỹ năng đọc và hiểu vấn đề một cách sâu rộng qua khả năng vận dụng, phân tích và tổng hợp vấn đề.

**4.3. Về thái độ**

Xây dựng thái độ tích cực về lòng đam mê đọc hiểu không chỉ để nắm bắt ngôn ngữ mà chủ yếu là để khám phá thế giới xung quanh.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Language</b>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp.</li> <li>- Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời.</li> <li>- Giảng viên nhận xét.</li> </ul>
<b>1.4. Pre - reading</b>		
1.4.1. Pre – reading 1 Word meaning guessing.		
1.4.2. Pre – reading 2 Finding words connected to the topic.		
<b>1.5. Comprehension</b>		
1.5.1. Comprehension 1 True (T), False (F), or Not Given (NG) exercise.		
1.5.2. Comprehension 2 Sentence transformation.		
<b>1.6. Vocabulary skill</b>		
1.6.1. Vocabulary skill 1 Table completion.		
1.6.2. Vocabulary skill 2 Sentence completion.		
<b>Chương 2: Local culture</b>	3	
<b>1.4 Pre - reading</b>		
1.4.1 Pre – reading 1 Word definition and translation.		
1.4.2 Pre – reading 2 Questions and answers.		
<b>1.5 Comprehension</b>		
1.5.1 Comprehension 1 Questions and answers.		
1.5.2 Comprehension 2 Questions and answers.		
<b>1.6 Vocabulary</b>		
1.6.1 Vocabulary skill 1 Phrasal verb and definition matching.		
1.6.2 Vocabulary skill 2 Sentence completion with phrasal verbs.		
<b>Chương 3: Food</b>	3	
<b>1.4 Pre - reading</b>		
1.4.1 Pre – reading 1		

	Word meaning exercise.		
1.4.2	Pre – reading 2 Word and paragraph matching.		
<b>1.5</b>	<b>Comprehension</b>		- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp. - Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời. - Giảng viên nhận xét.
1.5.1	Comprehension 1 True (T), False (F), or Not Given (NG) exercise.		
1.5.2	Comprehension 2 Questions and answers.		
<b>1.6</b>	<b>Vocabulary</b>		
1.6.1	Vocabulary skill 1 Sentence completion with the words in the box.		
1.6.2	Vocabulary skill 2 Word collocations.		
<b>Chương 4: Film</b>		3	
<b>1.4</b>	<b>Pre – reading</b> Word and definition matching.		
<b>1.5</b>	<b>Comprehension</b>		- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp. - Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời. - Giảng viên nhận xét.
1.5.1	Comprehension 1 Questions and answers.		
1.5.2	Comprehension 2 Questions and answers.		
<b>1.6</b>	<b>Vocabulary</b> Word meaning and sentence completion.		
<b>Chương 5: Fashion</b>		3	
<b>1.4</b>	<b>Pre - reading</b>		
1.4.1	Pre – reading 1 Sentence completion		
1.4.2	Pre – reading 2 Word and definition matching.		
<b>1.5</b>	<b>Comprehension</b>		- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp. - Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời. - Giảng viên nhận xét.
1.5.1	Comprehension 1 Questions and answers.		
1.5.2	Comprehension 2 Questions and answers.		

<b>1.6 Vocabulary</b>		
1.6.1 Vocabulary skill 1 Phrasal verb definitions and types.		
1.6.2 Vocabulary skill 2 Sentence completion.		
<b>Chương 6: Controversy</b>	3	
<b>1.4 Pre - reading</b>		
1.4.1 Pre – reading 1 Ranking exercise.		
1.4.2 Pre – reading 2 Word meaning exercise.		
<b>1.5 Comprehension</b>		- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp. -Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời. - Giảng viên nhận xét.
1.5.1 Comprehension 1 Questions and answers.		
1.5.2 Comprehension 2 Sentence matching for logical statements.		
<b>1.6 Vocabulary</b> Word and definition matching.		
<b>Review + Mid-term</b>	3	
<b>Chương 7: Skill for success</b>	3	
<b>1.4 Pre – reading</b> Multiple choices for the best answers.		
<b>1.5 Comprehension</b>		- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp. -Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời. - Giảng viên nhận xét.
1.5.1 Comprehension 1 Heading and paragraph matching.		
1.5.2 Comprehension 2 Answers for the questions in the previous exercise.		
<b>1.6 Vocabulary</b>		
1.6.1 Vocabulary skill 1 Adjective and definition matching.		
1.6.2 Vocabulary skill 2 Sentence completion.		
<b>Chương 8: The nature</b>	3	
<b>1.4 Pre - reading</b>		
1.4.1 Pre – reading 1 Questions and answers.		
1.4.2 Pre – reading 2 Word and definition matching.		
<b>1.5 Comprehension</b>		- Các nhóm thảo luận để tìm ra



		lời giải đáp. -Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời. - Giảng viên nhận xét.
1.5.1	Comprehension 1 Questions and answers.	
1.5.2	Comprehension 2 Summary completion.	
<b>1.6</b>	<b>Vocabulary</b>	
1.6.1	Vocabulary skill 1 Word and synonym matching.	
1.6.2	Vocabulary skill 2 Sentence completion.	
<b>Chương 9: Technology</b>		3
<b>1.4</b>	<b>Pre – reading</b> Questions and answers.	
<b>1.5</b>	<b>Comprehension</b>	- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp. -Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời. - Giảng viên nhận xét.
1.5.1	Comprehension 1 Paragraph and information matching.	
1.5.2	Comprehension 2 Questions and answers.	
<b>1.6</b>	<b>Vocabulary</b>	
1.6.1	Vocabulary skill 1 Word and definition matching.	
1.6.2	Vocabulary skill 2 Sentence completion.	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) Miles S. (2014), *Effective Reading 4 Upper- Intermediate*, Macmillan.

### 6.2. Tài liệu khác

1) Mann M. & Taylore-Knowles S. (2008), *Destination B2: Grammar and Vocabulary Series Upper- Intermediate*, Macmillan

2) Moutsou E. / Parker S. (2008), *Double Plus: listening, speaking, writing, Level B2*, MM Publications

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

TS. Bùi Diễm Hạnh

**HỌC PHẦN  
KỸ NĂNG ĐỌC 3****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ năng Đọc 3
- Mã học phần: 813308
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng Đọc 2 (813063)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 55

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần**

Học phần Kỹ năng Đọc 3 sử dụng giáo trình 21<sup>st</sup> Century Reading 4 của Nhà xuất bản National Geographic Learning thuộc bộ sách tiếng Anh chuyên ngành 21<sup>st</sup> Century Reading nhằm cung cấp cho người học kiến thức và các kỹ năng đã nêu ra ở phần 2 (Mục tiêu chung của học phần). Cùng với kiến thức và các kỹ năng kể trên, giáo trình còn trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các chủ đề đã nêu ra ở phần trên.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

Sinh viên sẽ có được một số kiến thức và từ vựng tiếng Anh về các chủ đề trong giáo trình

**4.2. Về kỹ năng**

Kỹ năng nói: sinh viên có thể thảo luận và trao đổi ở trình độ B2-C1 các chủ đề liên quan đến bài học.

Kỹ năng đọc: sinh viên có khả năng đọc hiểu các đoạn văn tiếng Anh trình độ B2-C1 có nội dung về các lĩnh vực chủ đề trong giáo trình.

**4.3. Về thái độ:**

Sinh viên phải có ý thức về mục tiêu học phần phải đạt được, đi học đều đặn, đúng giờ, tích cực làm bài tập, tham gia các hoạt động dạy học do giáo viên đề ra và làm bài kiểm tra đầy đủ.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Unit 1: <i>Why We Need The Explorers</i></b>	4	<p><b>Lesson A:</b> Giáo viên giới thiệu phần ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp). Sinh viên đọc và làm bài tập. Giáo viên kiểm tra qua hình thức nói và viết, sửa bài cho sinh viên. (Giáo viên có thể cho SV nghe phần ghi âm của bài đọc)</p> <p><b>Lesson B (không bắt buộc):</b> tùy thời gian giáo viên có thể cho SV xem video các bài nói và làm các bài tập có liên quan</p>
<b>1. Lesson A</b>		
1.1. Reading (pre-reading, getting the main ideas, finding supporting details, recognizing point of view, building vocabulary, getting meaning from context)		
1.2. Critical Thinking		
<b>2. Lesson B (optional)</b>		
2.1. Part 1 Generations of Learning		
2.2. Part 2 Learning From Mistakes		
<b>Chương 2. Unit 2: <i>Why We Have Too Few Women Leaders</i></b>	4	
<b>1. Lesson A</b>		
1.1. Reading (pre-reading, getting the main ideas, finding supporting details, recognizing point of view, building vocabulary, getting meaning from context)		
1.2. Critical Thinking		
<b>2. Lesson B (optional)</b>		
2.1. Part 1 Generations of Learning		
2.2. Part 2 Learning From Mistakes		
<b>Chương 3. Unit 3: <i>Power Shift</i></b>	4	
<b>1. Lesson A</b>		
1.1. Reading (pre-reading, getting the main ideas, understanding key details, interpreting statistics, recognizing reference markers, building vocabulary, getting meaning from context)		
1.2. Critical Thinking		
<b>2. Lesson B (optional)</b>		
2.1. Part 1 Problems at the Top		
2.2. Part 1 A Seat at the Table		
<b>Chương 4. Unit 4: <i>Creative Sparks</i></b>	4	
<b>1. Lesson A</b>		
1.1. Reading (pre-reading, getting the main ideas, understanding a study, analyzing literary		

excerpts, building vocabulary, getting meaning from context)		
1.2. Critical Thinking		
<b>2. Lesson B (optional)</b>		
2.1. Part 1 The Magic Box		
2.2. Part 2 Creation is Everywhere		
2.3. Part 3 Creative Problem-Solving		
Midterm test	2	
<b>Chương 5. Unit 5: Hope and Equality</b>	4	
<b>1. Lesson A</b>		
1.1. Reading (pre-reading, getting the main ideas, understanding key details, paraphrasing information, building vocabulary, getting meaning from context)		
1.2. Critical Thinking		
<b>2. Lesson B (optional)</b>		
2.1. Part 1 The Good News		
2.2. Part 2 Fighting Corruption		
<b>Chương 6. Unit 6: Backing up History</b>	4	
<b>1. Lesson A</b>		
1.1. Reading (pre-reading, getting the main ideas, summarizing key details, understanding a process, building vocabulary, getting meaning from context)		
1.2. Critical Thinking		
<b>2. Lesson B (optional)</b>		
2.1. Part 1: Getting Started		
2.2. Part 2: 3-D Benefits		
<b>Chương 7. Unit 7: Food for All</b>	4	
<b>1. Lesson A</b>		
1.1. Reading (pre-reading, getting the main ideas, identifying solutions, paraphrasing information, understanding infographics, building vocabulary, getting meaning from context)		
1.2. Critical Thinking		
<b>2. Lesson B (optional)</b>		
2.1. Part 1: An Escalating Problem		
2.2. Part 2: Reconnecting with Food		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1) Laurie Blass & Jessica Williams, *21<sup>st</sup> Century Reading 4*, National Geographic Learning

### 6.2. Tài liệu khác:

- 1) Louise Pile, *Intelligent Business*, Upper Intermediate, Pearson
- 2) Malcom Mann, *Reading for Advanced*, Macmillan

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Nguyễn Hoàng Quý

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG VIẾT 1****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ năng Viết 1
- Mã học phần: 813064
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần**

Học phần này sẽ ôn lại cho sinh viên về các loại câu trong tiếng Anh, các lỗi mà sinh viên thường mắc phải khi viết câu, các cách biến đổi câu thông dụng. Sinh viên sẽ được thực hành viết câu theo hướng dẫn và viết câu theo ý của mình. Sau đó sinh viên sẽ được học cách tìm và sắp xếp các ý tưởng cho một đoạn văn theo phong cách học thuật và đích cuối cùng là viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Lưu ý sinh viên các cách nối câu, ý tưởng sao cho đoạn văn được hay và hợp lý.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nhận biết và viết được các loại câu tiếng Anh, từ câu đơn đến câu ghép hoặc câu phức...Sinh viên biết cách biến đổi câu; từ một câu gốc sinh viên có thể biến thành nhiều loại câu khác nhau về cấu trúc nhưng ngữ nghĩa không thay đổi; sinh viên nắm được phong cách hành văn học thuật (academic style), cách khai thác và sắp xếp các ý tưởng cho một đoạn văn và viết hoàn chỉnh một đoạn văn.

**4.2. Về kỹ năng**

Học phần này luyện cho sinh viên cách suy nghĩ, tư duy bằng tiếng Anh khi viết. Viết không chỉ cần phải đúng về ngữ pháp mà còn phải đúng về phong cách hành văn.

**4.3. Về thái độ**

Sinh viên phải có ý thức tự học, tự nghiên cứu, đồng thời hình thành định hướng nghề nghiệp rõ ràng. Phát huy tinh thần làm việc theo cặp và theo nhóm.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>A- Part 3: Sentence Structure</b></p> <p><b>Chapter 10: Types of Sentences</b></p> <p><b>1. Clauses</b></p> <p>1.1. Independent clauses</p> <p>1.2. Dependent clauses</p> <p><b>2. Kinds of Sentences</b></p> <p>2.1. Simple sentence</p> <p>2.2. Compound sentences</p> <p>2.3. Complex sentences</p> <p>2.4. Compound-complex sentences</p> <p><b>3. Sentence Types and Writing Styles</b></p> <p><b>4. Review</b></p>	4	<p>Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà.</p> <p>Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng.</p> <p>Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</p> <p>Sinh viên làm bài tập.</p> <p>Giảng viên sửa bài làm của sinh viên</p>
<p><b>Chapter 11: Using Parallel Structure and Fixing Sentence Problems</b></p> <p><b>1. Parallelism</b></p> <p>1.1. Parallelism with coordinators: And, Or, But</p> <p>1.2. Parallelism with Correlative (Paired) Conjunctions</p> <p><b>2. Sentence Problems</b></p> <p>2.1. Sentence Fragments</p> <p>2.2. Choppy sentences</p> <p>2.3. Run-on sentences and comma splices</p> <p>2.4. Stringy sentences</p> <p><b>3. Review</b></p> <p><b>4. Editing Practice</b></p>	4	<p>Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà.</p> <p>Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng.</p> <p>Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</p> <p>Sinh viên làm bài tập.</p> <p>Giảng viên sửa bài làm của sinh viên</p>
<p><b>Chapter 12: Nouns Clauses</b></p> <p><b>1. That Clauses</b></p> <p>1.1. Sentences beginning with <i>It</i></p> <p>1.2. Special verb tenses in <i>That</i> clauses</p> <p><b>2. If/ Whether Clauses</b></p> <p><b>3. Question clauses</b></p> <p><b>4. Review</b></p> <p><b>5. Editing Practice</b></p> <p><b>6. Writing Practice</b></p>	3	<p>Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà.</p> <p>Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng.</p> <p>Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</p> <p>Sinh viên làm bài tập.</p>



		Giảng viên sửa bài làm của sinh viên
<b>Chapter 13: Adverb Clauses</b>	4	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập. Sinh viên làm bài tập. Giảng viên sửa bài làm của sinh viên
<b>1. Kinds of Adverb Clauses</b>		
1.1. Punctuation of adverb clauses		
1.2. Time clauses		
1.3. Place clauses		
1.4. Distance, Frequency, and Manner clauses		
1.5. Reason clauses		
1.6. Result clauses		
1.7. Contrast clauses		
1.8. Conditional clauses		
<b>2. Review</b>		
<b>3. Editing Practice</b>		
<b>4. Writing Practice</b>		
<b>Chapter 14: Adjective Clauses</b>	4	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập. Sinh viên làm bài tập. Giảng viên sửa bài làm của sinh viên
<b>1. Relative Pronouns and Adverbs</b>		
1.1. Position of adjective clauses		
1.2. Verb agreement in adjective clauses		
<b>2. Kinds of Adjective Clauses</b>		
2.1. Relative pronouns as subjects		
2.2. Relative pronouns as objects		
2.3. Possessive adjective clauses		
2.4. Relative pronouns as objects of prepositions		
2.5. Relative pronouns in phrases of quantity and quality		
2.6. Adjective clauses of time and place		
<b>3. Review</b>		
<b>4. Editing Practice</b>		
<b>5. Writing Practice</b>		
<b>Chapter 15: Participial Clauses</b>	4	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập. Sinh viên làm bài tập. Giảng viên sửa bài làm của sinh viên
<b>1. Participles</b>		
<b>2. Participle phrases</b>		
2.1. Reduced adjective clauses		
2.2. Position and punctuation of participial phrases		
2.3. General forms –ing participial phrases		
2.4. General forms –ed participial phrases		
2.5. Perfect forms participial phrases		
<b>3. Participle phrases in writing style</b>		
<b>4. Reduced Adverb Clauses</b>		

<b>5. Review</b>		
<b>6. Editing Practice</b>		
<b>7. Writing Practice</b>		
<b>B- Part 1: Writing a Paragraph</b>		
<b>Chapter 1: Paragraph Structure</b>		
<b>1. The Three Parts of a Paragraph</b>		
<b>2. The Topic Sentence</b>		
2.1. Position of topic sentence	8	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập. Sinh viên làm bài tập. Giảng viên sửa bài làm của sinh viên
2.2. The two parts of a topic sentence		
<b>3. Supporting Sentences</b>		
<b>4. The Concluding Sentences</b>		
<b>5. Review</b>		
<b>6. Writing Practice</b>		
<b>Chapter 2: Unity and coherence</b>		
<b>1. Unity</b>		
<b>2. Coherence</b>		
2.1. Repetition of key nouns	7	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập. Sinh viên làm bài tập. Giảng viên sửa bài làm của sinh viên
2.2. Key nouns substitutes		
2.3. Consistent pronouns		
2.4. Transition signals		
2.5. Logical order		
<b>3. Review</b>		
<b>4. Writing Practice</b>		
<b>Chapter 3: Supporting Details: Facts, Quotations, and statistics</b>		
<b>1. Facts versus Opinions</b>		
<b>2. Using Outside Sources</b>		
2.1. Plagiarism	5	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập. Sinh viên làm bài tập. Giảng viên sửa bài làm của sinh viên
2.2. Citing Sources		
<b>3. Quotations</b>		
3.1. Direct quotations		
3.2. Reporting verbs and phrases		
3.4. Punctuating direct quotations		
3.5. Indirect quotations		
<b>4. Review</b>		
<b>5. Writing Practice</b>		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Alice Oshima & Ann Hogue (2009), *Writing Academic English*, Fourth edition, OUP.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Regina L. Smalley & Mary K. Ruetten, Joann Rishel Kozyrev (2000), *Refining Composition Skills*, Macmillan Publishing Company, NY.

2. Dorothy E. Zemach and Lisa A. Rumisek (2009), *College Writing from Paragraph to Essay*, Dong Nai Publishing House.

3. Toby Fulwiler (2008), *College Writing: A Personal Approach to Academic Writing*, 3th edition, Boynton/Cook Publishers, Inc., Portsmouth.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

TS. Trần Thế Phi

**HỌC PHẦN  
KỸ NĂNG VIẾT 2****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ năng Viết 2
- Mã học phần: 813065
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng Viết 1 (813064)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần**

Trang bị kiến thức về cách viết một bài essay gồm nhiều đoạn văn (paragraphs), và thái độ học tập và nghiên cứu nghiêm túc qua các tài liệu ngoại văn ở thư viện trường và trên mạng.

**4. Mục tiêu học phần**

## 4.1. Về kiến thức

- Nắm vững các cấu trúc câu tiếng Anh và cách viết một dàn bài đại cương (Outline).
- Vận dụng sự hiểu biết về ngữ pháp và cấu trúc câu một cách chính xác vào các loại bài tập viết
- Liên kết các ý tưởng trong câu

## 4.2 Về kỹ năng

- Vận dụng sự hiểu biết về ngữ pháp và cấu trúc câu một cách chính xác vào các loại bài tập viết
- Liên kết các ý tưởng trong câu và sắp xếp chúng một cách hợp lý

## 4.3 Về thái độ

- Sinh viên có ý thức cập nhật thông tin liên quan đến môn học, luôn trau dồi nghiên cứu chuyên môn, phát huy tư duy độc lập.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. The Essay</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Động não</li> <li>- Suy nghĩ – từng cặp – chia sẻ</li> <li>- Sinh viên tham gia trả lời câu hỏi hoặc đặt các câu hỏi liên quan đến chủ đề</li> <li>- Tổ chức học tập theo nhóm</li> <li>- Giảng dạy thông qua thảo luận và gọi bất kỳ vài em thuộc các nhóm khác nhau lên bảng để đưa ví dụ support các câu hỏi liên quan đến chủ đề</li> <li>- Không có tuần kiểm tra riêng vì điểm kiểm tra là trung bình cộng mỗi lần lên bảng, nên rất chính xác so với kiểm tra một lần. Ngoài ra sinh được đảm bảo học đủ 45 tiết thực học. (Việc kiểm tra và đánh giá cho mỗi chương được thực hiện nhất quán trong suốt học kỳ.)</li> </ul>
<b>1. Writing an Essay</b>		
1.1. The Introductory Paragraph	2	
1.1.1. The Concluding Paragraph	2	
1.1.2. The Essay Body	2	
1.2. Transition Signals between Paragraphs	2	
<b>Chương 2. Patterns of Essay Organization</b>		
<b>1. Chronological Order</b>		
1.1.1. Organization for Chronological Order	2	
1.1.2. Dramatic Introductory Paragraphs	2	
1.1.3. Thesis Statement for Chronological Order	2	
<b>2. Logical Division of Ideas</b>		
2.1 Organization for Logical Division of Ideas	2	
<b>3. Cause and Effect Order</b>		
3.1. Organization for Cause and Effect Order	2	
3.1.1. Block Organization with Transition Paragraphs	2	
3.1.2. Chain Organization	2	
3.1.3. Cause and Effect Structure Words	2	
<b>4. Comparison and Contrast Order</b>		
4.1. Comparison Structure Words	2	
4.1.1. Contrast-Structure Words- Concession	2	
4.1.2. Organization for Comparison and Contrast Order	2	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

- 1) Alice Oshima & Ann Hogue (2003), *Writing Academic English 2*, Fourth Edition.

6.2. Tài liệu khác:

- 2) Alice Savage & Patricia Mayer (2008), *Effective Academic Writing 2*, Longman.
- 3) Alice Savage & Patricia Mayer (2008), *Effective Academic Writing 3*, Longman.
- 4) Dorothy E Zemach & Lisa A Rumisek (2000), *Academic Writing*, NXB Đồng Nai.

## **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: viết, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

TS. Trần Thế Phi

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG VIẾT 3**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ năng Viết 3
- Mã học phần: 813066
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng Viết 2 (813065)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Một bài báo cáo khoa học/nghiên cứu khoa học bằng tiếng Anh thường bao gồm các bộ phận chính sau: Abstract, Introduction (bao gồm Literature review), Methods, Results và Discussion (có thể bao gồm Recommendations/Suggestions). Người học sẽ tìm hiểu cách viết từng bộ phận, đặc biệt trong chương Methods người học sẽ có khái niệm tổng quát về các phương pháp nghiên cứu khoa học trong tiếng Anh như Action research, Case study, Experiments, Surveys, ....

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Thông qua việc tìm hiểu 1 vài bài viết mẫu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, người học sẽ: nhận biết được các thành phần cấu thành 1 bài báo cáo khoa học/nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ Anh, làm quen với các phương pháp nghiên cứu phổ biến phù hợp với ngành nghề trong lĩnh vực chuyên môn

4.2 Về kỹ năng

rèn luyện kỹ năng viết câu và viết đoạn theo văn phong của một bài báo cáo/nghiên cứu khoa học, phân tích các bước trong quá trình viết 1 đề cương báo cáo/nghiên cứu khoa học bằng tiếng Anh

4.3 Về thái độ

Người học có ý thức cập nhật thông tin liên quan đến môn học thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, luôn trau dồi học tập nghiên cứu chuyên môn, phát huy tư duy độc lập, tránh các biểu hiện tiêu cực trong khoa học như đạo văn; từ đó hình thành ý thức về định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: The Experimental Research Report</b>	4	Bài giảng của giảng viên trên lớp kết hợp thảo luận nhóm và bài tập ở nhà
1.1. Overview		
1.2. Information conventions		
1.3. Integration		
<b>Chương 2. Writing the introduction: Establishing a context</b>	4	Bài giảng của giảng viên trên lớp kết hợp thảo luận nhóm và bài tập ở nhà Chú ý: GV hướng dẫn cho SV thành lập nhóm, chọn đề tài, viết một bài báo cáo nghiên cứu (proposal hoặc research report), sẽ nộp vào tuần cuối của khóa học.
2.1. Overview		
2.2. Information conventions		
2.3. Integration		
<b>Chương 3. Writing the introduction: Reviewing previous research</b>	4	Bài giảng của giảng viên trên lớp kết hợp thảo luận nhóm và bài tập ở nhà
3.1. Overview		
3.2. Information conventions		
3.3. Integration		
<b>Chương 4. Writing the introduction: Advancing to present research</b>	4	Nhóm trình bày về phương pháp phù hợp với đề tài nghiên cứu đã chọn trong chương 1-> giảng viên phản hồi xây dựng bài
4.1. Overview		
4.2. Information conventions		
4.3. Integration		
<b>Chương 5: Method</b>	6	Bài giảng của giảng viên trên lớp kết hợp thảo luận nhóm và bài tập ở nhà
5.1. Overview		
5.2. Information conventions		
5.3. Integration		
<b>Mid-term</b>	2	
<b>Chương 6: Materials</b>	4	Bài giảng của giảng viên trên lớp kết hợp thảo luận nhóm và bài tập ở nhà Nhóm tiếp tục trình bày về nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh -> giảng viên phản hồi xây dựng bài
6.1. Overview		
6.2. Information conventions		
6.3. Integration		
<b>Chương 7: Results</b>	4	Bài giảng của giảng viên trên lớp kết hợp thảo luận nhóm và bài tập ở nhà
7.1. Overview		
7.2. Information conventions		
7.3. Integration		
<b>Chương 8: Discussions</b>	6	Bài giảng của giảng viên trên lớp kết hợp thảo luận nhóm và bài tập ở nhà Nhóm tiếp tục trình bày về nghiên cứu
8.1. Overview		
8.2. Information conventions		
8.3. Integration		



		khoa học hoàn chỉnh -> giảng viên phản hồi xây dựng bài
<b>Chương 9: Abstract</b>	4	Bài giảng của giảng viên trên lớp kết hợp thảo luận nhóm và bài tập ở nhà Chú ý: SV nộp một bài báo cáo nghiên cứu (proposal hoặc research report).
9.1. Overview		
9.2. Information conventions		
9.3. Integration		
<b>Review</b>	3	Giáo viên ôn lại nội dung chính của học phần, sinh viên có thể nêu thắc mắc (nếu có)

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) Weissberg, R. & Buker, S. (1990), *Writing Up Research*, New Jersey: Prentice Hall.

### 6.2. Tài liệu khác

1) Blaxter, L., Hughes, C. & Tight, M. (2010), *How to Research*, Berkshire: Open University Press.

2) McCormack, J. & Slaght, J. (2010), *English for Academy Study: Extended writing and Research Skills*, Garnet Education.

3) Adrian Wallwork (2011), *English for Writing Research Papers*, Springer, London, England.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi cuối học phần, SV nộp bài viết nghiên cứu, bài viết này được tính điểm theo hệ số 0,6.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm sản phẩm nộp cuối học phần: Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**HỌC PHẦN**  
**NHẬP MÔN DỊCH THUẬT**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Nhập Môn Dịch Thuật
- Mã học phần: 813309
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Học phần có 3 nội dung chính:

Phần 1: Lý thuyết dịch đại cương: definition of translation – text analysis  
 translation methods – translation procedures

Phần 2 Luyện dịch theo 9 mẫu câu động từ cơ bản của Janet Ross và Gladys Doty

Phần 3: Luyện dịch theo chủ đề: Chọn bài dịch trong giáo trình dựa vào các chủ đề chính : Văn hóa giáo dục – Du lịch – Thương mại.

**4. Mục tiêu cụ thể của HP/MH (Chuẩn đầu ra của HP/MH)**

**4.1. Về kiến thức**

Làm quen với những phương pháp dịch và nắm được một số kiến thức cơ bản về cách chuyển ngữ như là một thủ pháp dạy và học ngoại ngữ , chứ không nhằm đáp ứng mục tiêu của dịch chuyên nghiệp.

**4.2 Về kỹ năng**

Có khả năng dịch những bài ngắn, đơn giản thuộc nhiều chủ đề khác nhau : xã hội, du lịch, thương mại.

**4.3 Về thái độ**

Sinh viên tự tin và thận trọng hơn khi học dịch ở cấp độ cao hơn.

## 5 Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Phần 1. TRANSLATION THEORY</b> 1.1. The analysis of a text 1.2. Translation methods 1.3. Translation procedures	10	GV trình bày, cho ví dụ SV nghe và tìm thêm ví dụ
<b>2. Phần 2. TRANSLATING 7 BASIC SENTENCES</b>	5	GV trình bày, cho ví dụ SV nghe và tìm thêm ví dụ
<b>3. Phần 3. TRANSLATION PRACTICE</b> <b>3.1</b> Con người chinh phục thiên nhiên <b>3.2</b> Pantagonia <b>3.3</b> Nền công nghiệp Việt Nam <b>3.4</b> An English Lesson <b>3.5</b> Việt Nam – Tổ quốc thân yêu <b>3.6</b> The only way to travel is on foot <b>3.7</b> Tết <b>3.8</b> You can't teach managers <b>3.9</b> Gặp thầy cũ <b>3.10</b> Visick – An excellent holiday site	30	SV dịch từng câu theo nhóm, trình bày trên bảng, GV sửa từng câu và phản hồi cho SV.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính

1) Nguyễn Mạnh Bùi Nghĩa (2010), *Translation Theory & Translation Practice*, Saigon University, Department of Foreign Languages.

### 6.2 Tài liệu khác:

1) Newman, Peter (1988), *A Textbook of Translation*, Prentice Hall International (UK).

2) Đặng thị Hường (1995), *Vietnamese- English Translation*, HCMC University Publishing House.

3) Jeremy Munday (2009), *Nhập môn nghiên cứu dịch thuật – Lý thuyết và ứng dụng* (Trịnh Lữ biên dịch), NXB Tri thức.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Viết, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Đặng Quỳnh Liên

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
 NGÀNH: SƯ PHẠM TIẾNG ANH

## HỌC PHẦN KỸ NĂNG BIÊN DỊCH

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kỹ năng Biên dịch
- Mã học phần: 813310
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Nhập môn dịch thuật (813309)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên

### 3. Mô tả học phần

Bao gồm các kỹ thuật dịch xuôi và ngược như Transpositions, Modulation,... Các bài đọc liên quan đến chuyên ngành DL-TM như du lịch, khám phá, các lễ hội, di tích văn hóa, lịch sử, ẩm thực, môi trường, các dự án liên quan đến thương mại. Nội dung các bài nhằm giúp cho sinh viên có một cái nhìn khái quát về chuyên ngành du lịch - thương mại và các đặc thù của nó, Các hội chợ triển lãm nhằm thu hút khách trong và ngoài nước, các hội chợ thương mại 2009, những đặc điểm của Sapa, cách thú vị nhất để đi du lịch, khiếu thẩm mỹ của người Nhật, sự thành công trong nghề làm bánh của tiệm Phong Lan, dự án thương mại đầy thử thách đối với các lãnh đạo của hãng đồng hồ Rolex, việc thận trọng khi hợp tác thương mại với nước ngoài nhằm bảo vệ môi trường trong nước, v..v..

### 4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: nắm vững kiến thức cơ bản về các điểm tương đồng và dị biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

4.2. Về kỹ năng: dịch xuôi và ngược các đoạn văn ngắn (từ 100 đến 250 từ) liên quan đến chuyên ngành DL-TM.

4.3. Về thái độ: tự học và nghiên cứu các tài liệu liên quan qua các báo tiếng Anh xuất bản trong nước hoặc qua mạng.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Các kỹ thuật dịch xuôi và ngược</b>		
<b>1. Transpositions</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu ví dụ mẫu</li> <li>- Tìm các điểm dị biệt giữa 2 ngôn ngữ</li> <li>- Rút ra công thức cụ thể</li> <li>- Ứng dụng</li> </ul>
1.1. English preposition $\leftarrow \rightarrow$ Vietnamese verb	3	
1.1.1. English noun $\leftarrow \rightarrow$ Vietnamese verb	3	
1.1.2. English simple sentence, $\leftarrow \rightarrow$ Vietnamese complex sentence	3	
<b>2. Modulation</b>		
2.1 English passive, Vietnamese active	3	
<b>3. Paraphrase</b>	3	
<b>Chương 2. Traveling and Discovery</b>		<p><u>Phương pháp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích từ khó</li> <li>- Tìm từ tương đương</li> <li>- Giải mã cấu trúc phức tạp</li> <li>- Tìm cấu trúc tương đương</li> </ul> <p><u>Kiểm tra - đánh giá</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi 2 s.v. lên bảng (thuộc bất kỳ nhóm nào) cho mỗi câu Anh-Việt hoặc Việt-Anh</li> <li>- Cả lớp cùng sửa</li> <li>- Giáo viên cho ý kiến và đánh giá</li> </ul> <p>(Việc kiểm tra và đánh giá cho mỗi chương được thực hiện nhất quán trong suốt học kỳ.)</p>
1. The Only Way to Travel Is on Foot	3	
1.1 Con người chinh phục thiên nhiên		
2. The Man Who Discovered Britain	3	
2.1 Việt Nam – Tổ quốc thân yêu		
<b>Chương 3. Exhibitions</b>		
1. Trade Exhibition “ in Honor of Entrepreneurs 2009”	3	
1.1 Hội chợ - triển lãm Thêm cơ hội làm ăn hợp tác		
<b>Chương 4. Festivals</b>		
1. Gastronomic and Cultural Festival 2009	3	
1.1 Tết Nguyên đán		
<b>Chương 5. Places of Interest</b>		
1. Wisbech, the ‘Capital of the Fens’	3	
1.1 Lặng lẽ Sapa		
<b>Chương 6. Culture and Arts</b>		
1. The Japanese Sense of Beauty	3	
1.1 Một căn nhà nhỏ		
<b>Chương 7. Food and Drinks</b>		
1. Phong Lan Bakery	3	
1.1 Câu chuyện về bánh mì nướng		
<b>Chương 8. Environment</b>		
1. City of Stress	3	
1.1 Phải biết từ chối		
<b>Chương 9. Business and Commerce</b>		
1. Business Women on Business Trips	3	
1.1. Nền công nghiệp Việt Nam		

<b>Chương 10. Enterprises and Projects</b>		
1. Wanted Five Enterprising People to Undertake Challenging Project	3	
1.1.Liên kết kinh tế Bà Rịa-Vũng Tàu - HCM		

## 6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1) Phan Hữu Lễ (2012), *Thực hành biên dịch*, (tài liệu biên soạn nội bộ).

6.2. Tài liệu khác:

1) Dennis Chamberlain & Gillian White (1978), *Advanced English for Translation*.

2) Nguyễn Mạnh Bùi Nghĩa & Phan Hữu Lễ (1996), *Giáo Trình Luyện Dịch Anh-Việt và Việt Anh*, CĐSP TPHCM.

3) Trương Quang Phú (2007), *56 bài luyện dịch Anh-Việt Việt-Anh*, NXB Phương Đông.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phân nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Viết, đề đóng (thí sinh không được mang từ điển điện tử vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Đặng Quỳnh Liên

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ năng Phiên dịch
- Mã học phần: 813078
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Nhập môn dịch thuật (813309)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Các bài có chủ đề liên quan đến giáo dục, chính trị, kinh tế, khoa học, công nghệ, môi trường, y tế, thiên nhiên, du lịch, quan hệ đối ngoại. Nội dung gồm các bài liên quan đến môi trường và bảo vệ môi trường, khoa học và công nghệ liên quan đến tội phạm tin học và bộ máy tìm kiếm Google, các vấn đề giáo dục liên quan đến giáo dục quốc phòng và du học. Ngoài ra còn có các bài liên quan đến du lịch như du lịch miệt vườn, du lịch sinh thái, các vấn đề đối ngoại giữa VN và Mỹ, việc hội nhập cũng như công tác chính trị.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: nắm vững kiến thức cơ bản về các điểm tương đồng và dị biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt

4.2. Về kĩ năng: nghe và dịch xuôi và ngược bằng kỹ thuật Decoding và Paraphrasing

4.3. Về thái độ: tự học và nghiên cứu các tài liệu liên quan qua các báo tiếng Anh xuất bản trong nước hoặc qua mạng.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Bài 1. Môi trường – Thiên nhiên</b>		
1.Think Green	3	Anh-Việt
1.1 Bảo vệ môi trường		



2. Earthquakes and Huge Waves	3	Nghe toàn bài 2 lần - Nghe từng câu 3 lần
2.1 Đồng bằng sông Cửu Long		
<b>Bài 2. Y Tế</b>		- Gọi từng cá nhân lên bảng sửa (thuộc bất kỳ nhóm nào)
1. World AIDS Day	3	
1.1 Hãy nói không với thuốc lá		- Cả lớp cho ý kiến
2.The Effects of Smoking Tobacco	3	- Gv góp ý cuối cùng và sửa
2.1 Tác hại của thuốc lá		
<b>Bài 3.Khoa học – Công nghệ</b>		Việt-Anh
1. Hybrid vehicles	3	- Nghe toàn bài 2 lần
1.1 Tội phạm tin học		- Nghe từng câu 3 lần
2. The Internet Search Company Google	3	- Gọi từng cá nhân lên bảng sửa (thuộc bất kỳ nhóm nào)
2.1 Hội thảo KHSV		- Cả lớp cho ý kiến
<b>Bài 4. Giáo dục</b>		- Gv góp ý cuối cùng và sửa
1.Working while Studying in the US	3	
1.1 Mừng ngày Nhà Giáo		
2.Using National Parks as Classrooms	3	- Không có tuần kiểm tra riêng vì điểm kiểm tra là trung bình cộng mỗi lần lên bảng, nên rất chính xác so với kiểm tra một lần.
2.1 Hà Nội đẩy mạnh công tác GDQP		Ngoài ra sinh được đảm bảo học đủ 45 tiết thực học.
<b>Bài 5. Du lịch</b>		
1. Ecotourism	3	
1.1 Du lịch miệt vườn		
2.Backpacking	3	
2.1 Dã ngoại		
<b>Bài 6. Quan hệ đối ngoại</b>		
1.The World at 7 billion	3	
1.1 Quan hệ hữu nghị giữa Lào-VN		
2. G20 Leaders Talk About Economy	3	
2.1 Bình thường hóa quan hệ giữa Mỹ-VN		
<b>Bài 7. Chính trị</b>		
1. World Leaders Urged to Meet Development Goals by 2015	3	
1.1 Tăng cường công tác chính trị		
<b>Bài 8. Kinh tế</b>		
1. G-20 Leaders Promise Steps to Avoid Currency War	3	
1.1 Hội nhập		
<b>Bài 9. Lễ hội</b>		
1.Film Festivals	3	
1.1 Lễ hội bia Đức		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

- Phan Hữu Lễ, *Thực Hành Phiên Dịch*, đĩa CD.

### 6.2. Tài liệu khác :

- <http://tienganhonline.edu.vn/tag/bbc-special-english/>
- <http://www.tienganh123.com/>
- <http://www.tienganhgiaotiep.info/2011/04/listening.html>
- <http://www.manythings.org/voa>

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 8

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Nghe và dịch viết, thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

Nguyễn Mạnh Bùi Nghĩa

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
 NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

## HỌC PHẦN CHUYÊN ĐỀ CÁC BÀI THI QUỐC TẾ

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Chuyên đề các bài thi quốc tế
- Mã học phần: 813311
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 45

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên

### 3. Mô tả học phần

Các chương trình thi tiếng Anh quốc tế (TOEFL, TOEIC, IELTS, FCE, TKT,...) có các bộ cục và chuẩn đánh giá khác nhau, được sử dụng cho các mục đích khác nhau trong xã hội như đáp ứng yêu cầu du học ở Anh/Úc hoặc Mỹ, đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của các công ty/tổ chức đa quốc gia, .... Một bài thi IELTS bao gồm 4 kỹ năng khác nhau trong tiếng Anh: Reading, Writing (task 1, task 2), Listening và Speaking.

### 4. Mục tiêu học phần:

#### 4.1 Về kiến thức

Người học sẽ được biết về bộ cục và khung đánh giá chuẩn của các chương trình thi tiếng Anh quốc tế cũng như vai trò của các chương trình này trong yêu cầu đào tạo.

#### 4.2 Về kỹ năng

Người học sẽ được cung cấp kiến thức về bộ cục, nội dung, yêu cầu và các phương pháp rèn luyện các kỹ năng cần thiết để đạt chuẩn trong chương trình thi IELTS.

#### 4.3 Về thái độ

Người học sẽ đánh giá được năng lực tiếng Anh của bản thân, xác định được mục tiêu phấn đấu rèn luyện nhằm đạt được chuẩn yêu cầu trong nghề nghiệp.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1. Tìm hiểu các chương trình thi tiếng Anh chuẩn quốc tế</b></p> <p><b>1. TOEFL</b></p> <p>1.1. Bộ cục</p> <p>1.2. Chuẩn đánh giá</p> <p><b>2. TOEIC</b></p> <p>2.1. Bộ cục</p> <p>2.2. Chuẩn đánh giá</p> <p><b>3. IELTS</b></p> <p>3.1. Bộ cục</p> <p>3.2. Chuẩn đánh giá</p> <p><b>4. FCE &amp; CAE</b></p> <p>4.1. Bộ cục</p> <p>4.2. Chuẩn đánh giá</p> <p><b>5. TKT</b></p> <p>5.1. Bộ cục</p> <p>5.2. Chuẩn đánh giá</p>	4	Bài giảng trên PP
<p><b>Chương 2. Tìm hiểu bài thi IELTS</b></p>		
<p><b>1. Unit 1: Learn to succeed</b></p> <p>1.1. Reading: Skim and scan reading; matching: headings to sections, people and opinions; sentence completion.</p> <p>1.2. Listening: Section 1: Form completion; map completion; table and diagram completion</p> <p>1.3. Speaking: Overview of the 3 parts of the speaking test.</p> <p>1.4. Writing: Task 1: changes over time, introductory sentences, describing trends, paragraph plan.</p>	8	Bài giảng trên PP kết hợp hướng dẫn trên bài thi mẫu và Audio-CD
<p><b>2. Unit 2: Living together</b></p> <p>2.1. Reading: Summary completion (from a list) True, false, not given.</p> <p>2.2. Listening: Section 2: note completion; matching; Section 3: Multiple choice, table completion.</p> <p>2.3. Writing: Task 2: understanding the question; Argument/opinion questions: the balanced argument approach ; Linking general review</p>	8	Bài giảng trên PP kết hợp hướng dẫn trên bài thi mẫu và Audio-CD
<p><b>Mid-term test: Reading (40')</b> <b>Writing: task 1 (20')</b></p>	1	Sinh viên làm bài kiểm tra giữa kỳ 60 phút

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>3. Unit 3: Costing the earth</b> 3.1. Reading: Multiple choice, matching, dealing with unknown vocabulary. 3.2. Listening: Section 3: Multiple choice, summary completion. 3.3. Writing: Task 1: selecting significant information; writing introductions; fixed time diagram; making comparisons.	8	Bài giảng trên PP kết hợp hướng dẫn trên bài thi mẫu và Audio-CD
<b>4. Unit 4: Healthy body, healthy mind</b> 4.1. Reading: Using headings to identify purpose and organization; completing tables, diagrams, notes, short answer questions, following and argument in a passage, multiple choice questions: multiple answers, yes, no, not given. 4.2. Writing: Essay sections, paragraph structure: the body of the essay; task 2 planning: finding ideas argument/ opinion questions: the opinion essay, describing opinions.	6	Bài giảng trên PP kết hợp hướng dẫn trên bài thi mẫu và Audio-CD
Sample tests: Test 1 Test 2	10	Sinh viên làm bài trên lớp và sau đó xem bài làm mẫu trên PP

## 6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1) Mark Allen, Debra Powell, Dickie Dolby (2007), IELTS Graduation. MACMILLAN.

6.2. Tài liệu khác:

1) Vanessa Jakeman Clare McDowell (1997), *Cambridge Practice Tests for IELTS*, Cambridge University Press.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm & tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

**HỌC PHẦN**  
**TỔNG QUAN DU LỊCH**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tổng quan Du lịch
- Mã học phần: 838301
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng Đọc 2 (813063)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Du lịch có ảnh hưởng khá lớn đến sự phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường của một đất nước hay một vùng. Nghiên cứu về công nghiệp du lịch là tìm hiểu lịch sử phát triển cùng với cơ cấu của ngành này bao gồm các loại hình dịch vụ, việc làm có liên quan đến du lịch như hệ thống khách sạn và nhà hàng, các công ty lữ hành/du lịch, nhiệm vụ của người điều hành tour, hướng dẫn viên du lịch,... cũng như nhận thức được mối tương quan giữa các bộ phận này. Khi nghiên cứu bản chất phát triển của du lịch thế giới, sinh viên liên hệ đến thực trạng du lịch ở Việt Nam để có suy nghĩ về những việc cần làm để phát huy thế mạnh và khắc phục các mặt còn yếu.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

Sinh viên có kiến thức về lịch sử phát triển, tầm quan trọng, và ảnh hưởng của du lịch đối với sự phát triển của một đất nước hay một vùng. Các loại khách sạn với các đẳng cấp khác nhau; các dịch vụ ăn uống phục vụ cho du lịch; kiến thức về nghiệp vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn.

**4.2. Về kỹ năng**

Sinh viên có kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh về các vấn đề liên quan đến các công việc trong lĩnh vực du lịch, khách sạn, nhà hàng; kỹ năng làm việc theo nhóm; kỹ năng sử dụng Power Point trong thuyết trình (mỗi bài thuyết trình tối đa từ 7 đến 10 phút) và sinh viên được đánh giá theo nhóm (tiêu chí: nội dung đầy đủ thông tin theo yêu cầu - 5đ; Power Point Presentation đạt yêu cầu - 3đ; kỹ năng ngôn ngữ tốt truyền đạt được thông tin của bài - 2đ)

### 4.3. Về thái độ

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có ý thức tổ chức kỷ luật lao động cao, có đạo đức nghề nghiệp, tâm huyết với nghề và có tinh thần hợp tác, cầu tiến trong công việc

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Going Places</b>	3	Bài giảng trên PP slides kết hợp các hoạt động nhóm tương tác
1. An overview of the travel Industry		
2. Sectors of the travel Industry		
3. How travel is sold		
4. Why people travel		
<b>Chương 2. The Development of Tourism</b>	4	Giáo án điện tử kết hợp thuyết trình nhóm -> giảng viên phản hồi và góp ý
1. The History and Development of Tourism		
2. Key events in the development of tourism		
<b>Chương 3. The Impact of Tourism</b>	3	Giáo án điện tử + thuyết trình nhóm -> giảng viên phản hồi và góp ý
1. Tourism and economy		
2. Tourism and culture		
3. Tourism and society		
4. Tourism and environment		
<b>Chương 4. The Organization and Structure of Tourism</b>	3	Giáo án điện tử + thuyết trình nhóm -> giảng viên phản hồi và góp ý
1. The structure of tourism industry		
2. Jobs in tourism		
<b>Chương 5. The Hospitality Industry</b>	3	Giáo án điện tử + thuyết trình nhóm -> giảng viên phản hồi và góp ý
1. Kinds of accommodations		
2. Food services: kinds of meals, kinds of restaurants		
<b>Chương 6. The Travel Agency Industry</b>	3	Giáo án điện tử + thuyết trình nhóm -> giảng viên phản hồi và góp ý
1. Why consumers use travel agents		
2. Kinds of travel agencies		
<b>Ôn tập và kiểm tra giữa kỳ</b>	3	Giáo án điện tử: câu hỏi trắc nghiệm khách quan
<b>Chương 7. Tour Operation</b>	3	Giáo án điện tử + thuyết trình nhóm -> giảng viên phản hồi và góp ý
1. The role of a tour operator		
2. Negotiation		
<b>Chương 8. The tour industry today</b>	3	Giáo án điện tử + thuyết trình nhóm -> giảng viên phản hồi và góp ý
1. Kinds of tours		
2. How tours are priced and sold		
<b>Chương 9. Transportation</b>	4	Giáo án điện tử + thuyết trình nhóm -> giảng viên phản hồi
1. Air travel		
2. Travel by sea and rivers: cruises and ferries		



3. Travel by rail and road		và góp ý
<b>Chương 10. Tickets, Reservation &amp; Insurance</b>	3	Giáo án điện tử + thuyết trình nhóm -> giảng viên phản hồi và góp ý
1. Booking and reservations		
2. When things go wrong		
<b>Chương 11. Tourist Information</b>	3	Giáo án điện tử + thuyết trình nhóm -> giảng viên phản hồi và góp ý
1. Tourist attractions		
2. Theme parks		
<b>Chương 12. Promotion &amp; Marketing in Tourism</b>	3	Giáo án điện tử + thuyết trình nhóm -> giảng viên phản hồi và góp ý
1. Selling a holiday		
2. Promotion on the Internet		
<b>Ôn tập cuối học kỳ</b>	4	Giáo án điện tử: câu hỏi trắc nghiệm khách quan

## 7. Tài liệu học tập

### 7.1. Tài liệu chính:

Foster, D. L. (1994), *An Introduction to Travel and Tourism*, McCraw-Hill.

### 7.2. Tài liệu khác:

- Harding, K. (2009), *Going International – English for Tourism*, Oxford University Press.
- Jacob, M. & Csutt, P. (1997), *English for International Tourism*, London: Longman.
- Walker, R. & Harding, K. (2010), *Tourism 3*, Oxford.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**HỌC PHẦN**  
**ĐỊA LÝ DU LỊCH**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Địa lý Du lịch
- Mã học phần: 838302
- Số tín chỉ: 4
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 60
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng Nói 2 (813060)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Địa lý là một môn khoa học nghiên cứu các yếu tố tồn tại trên Trái Đất liên quan đến cấu trúc tự nhiên và đặc điểm nhân văn. Các tính chất địa lý đặc trưng của từng khu vực giúp thúc đẩy sự phát triển của ngành du lịch đồng thời cũng chịu tác động ngược lại của du lịch.

Học phần này nghiên cứu các tính chất địa lý tự nhiên và nhân văn độc đáo cũng như các hoạt động du lịch của các nước trong 5 khu vực đang dẫn đầu về du lịch của toàn thế giới (Châu Á, Nam Thái Bình Dương Tây Âu, Nam Âu và Bắc Mỹ) nhằm giúp sinh viên so sánh và liên hệ đến sự phát triển ngành du lịch của đất nước Việt Nam. Hoạt động du lịch ở các khu vực này phát triển mạnh không chỉ từ cảnh quan thiên nhiên đa dạng và bản sắc văn hóa phong phú mà còn nhờ vào mối liên kết chặt chẽ giữa các đất nước này trong lịch sử, khoa học, kinh tế và chính trị.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức:** Sau khi học xong, sinh viên có thể

- Ôn lại các kiến thức cơ bản về địa lý.
- Nhận biết được các yếu tố địa lý ảnh hưởng đến sự phát triển của du lịch.
- Nhận thức được vai trò của du lịch trong nền kinh tế nói riêng và toàn cảnh địa lý nói chung.

- Tích lũy kiến thức sơ khởi về toàn cảnh địa lý của các nước trong các khu vực Nam Á, Nam Thái Bình Dương, Tây Âu, Nam Âu và Bắc Mỹ, đặc điểm du lịch và các điểm đến thu hút khách du lịch ở các nước này.

**4.2. Về kỹ năng:** Sau khi học xong, sinh viên có thể

- Trau dồi kỹ năng thuyết trình cá nhân.

- Rèn luyện kỹ năng thu thập, chọn lọc, phân tích, liên kết, so sánh và đối chiếu thông tin.

- Rèn luyện kỹ năng đọc nhanh các tài liệu tham khảo, bản đồ và biểu mẫu.

#### 4.3. Về thái độ

- - Đối với giảng viên: có tinh thần nghiên cứu, cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng thuyết trình, đảm bảo lượng nội dung kiến thức truyền tải đến sinh viên

- - Đối với sinh viên: có ý thức cập nhật thông tin liên quan đến môn học thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, phát huy tư duy độc lập, xây dựng tinh thần đồng đội, hợp tác học tập tiến bộ trong tập thể, và chống tiêu cực trong kiểm tra; từ đó hình thành ý thức về định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

#### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>1. Chương 1. Introduction – Geography &amp; Tourism Development ( 3 tuần)</b></p> <p>1. What is geography?</p> <p>2. The elements of geography</p> <p>2.1. Time zones</p> <p>2.2. Hemispheres</p> <p>3. Physical setting</p> <p>3.1. Location</p> <p>3.2. Landforms</p> <p>3.3. Climate</p> <p>3.4. Prevailing winds</p> <p>3.5. Land-water features</p> <p>3.6. Vegetation</p> <p>4. Human characteristics</p> <p>4.1. Languages</p> <p>4.2. Political systems</p> <p>4.3. Religions</p> <p>4.4. Architecture</p> <p>4.5. Foods and drinks</p> <p>4.6. Clothing</p> <p>5. Tourism development</p> <p>5.1. Transferability</p> <p>5.2. Complementarity</p> <p>5.3. Intervening opportunity</p> <p>5.4. Mobility</p>	9	Giáo án điện tử: bài giảng và kiểm tra nhanh cuối chương
<p><b>2. Chương 2. Geography and Tourism in East Asia</b></p>	1	Giáo án điện tử: bài giảng và kiểm tra nhanh

1. Landforms		cuối chương
2. Climate		
3. Vegetation		
4. Countries and territories		
5. History		
6. Religions		
7. Language		
8. Tourism		
<b>3. Chương 3. China</b>	5	Thuyết trình nhóm sử dụng các phần mềm máy tính -> giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học (dùng phiếu đánh giá)
1. Physical setting and human characteristics		
2. Tourism characteristics		
3. Destinations: Beijing (Tiananmen Square, Forbidden City, Great Wall), Shanghai (The Bund, Shanghai Old Town), Xian (Terracotta Army), Hangzhou, Suchow, Leshan (Giant Buddha), Lhasa, Silk Road		
<b>4. Chương 4. Japan &amp; Korea</b>	5	Thuyết trình nhóm sử dụng các phần mềm máy tính -> giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học (dùng phiếu đánh giá)
1. Physical setting and human characteristics		
2. Tourism characteristics		
3. Destinations: Tokyo (Disneyland, Universal Studio), Mount Fuji, Kyoto, Nagoya, Hiroshima, Sapporo, Seoul, Pusan, Cheju		
<b>4. Chương 5: Geography &amp; Tourism in South East Asia</b>	1	Giáo án điện tử: bài ôn tập và kiểm tra nhanh cuối chương
1. Physical setting		
2. Human characteristics		
3. Tourism characteristics		
<b>6. Chương 6: Malaysia &amp; Singapore</b>	5	Thuyết trình nhóm sử dụng các phần mềm máy tính -> giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học (dùng phiếu đánh giá)
1. Physical setting and human characteristics		
2. Tourism characteristics		
3. Destinations: Kuala Lumpur (Petronas Twin Towers), Putrajaya, Malacca, Genting Highland, Merlion Square, Marina Bay Sands, Universal Studio, Jurong Bird Park, Sentosa		
<b>5. Chương 7: Thailand &amp; Vietnam</b>	5	Thuyết trình nhóm sử dụng các phần mềm máy tính -> giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học (dùng phiếu đánh giá)
1. Physical setting and human characteristics		
2. Tourism characteristics		
3. Destinations: Bangkok, Chiang Mai, Pattaya, Phuket, Ko Samui, Sapa, Ha Long Bay, Phong Nha – Sơn Doong, Da Nang, Hoi An, Nha Trang, Mekong Delta.		

<b>8. Chương 8. Geography and Tourism in South Pacific Region</b>	1	Giáo án điện tử: bài giảng và kiểm tra nhanh cuối chương
1. Landforms		
2. Climate		
3. Tourism		
<b>9. Chương 9. Australia</b>	4	Thuyết trình nhóm sử dụng các phần mềm máy tính -> giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học (dùng phiếu đánh giá)
1. Physical setting and human characteristics		
2. Tourism characteristics		
3. Destinations: Great Barrier Reef, Brisbane, Uluru National Park, Sydney (Sydney Opera House, Harbour Bridge), Melbourne, Adelaide, Perth		
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	2	
<b>10. Chương 10. Geography and Tourism in Europe</b>	1	Giáo án điện tử: bài giảng và kiểm tra nhanh cuối chương
1. Landforms		
2. Climate		
3. Tourism		
<b>11. Chương 11. France &amp; UK</b>	5	Thuyết trình nhóm sử dụng các phần mềm máy tính -> giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học (dùng phiếu đánh giá)
1. Physical setting and human characteristics		
2. Tourism characteristics		
3. Destinations: Paris (Eiffel Tower, Arch of Triumph, Champ Elyse, Louvre Museum, River Seine, Versailles Palace), Nice, Cannes, London (London Eye, Big Ben, Tower Bridge, London Tower),		
<b>12. Chương 12. Spain</b>	3	Thuyết trình nhóm sử dụng các phần mềm máy tính -> giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học (dùng phiếu đánh giá)
1. Physical setting and human characteristics		
2. Tourism characteristics		
3. Destinations: Madrid, Barcelona (Sagrada Familia), Alhambra, Pamplona, Valencia		
<b>13. Chương 13. Italy and Vatican City</b>	5	Thuyết trình nhóm sử dụng các phần mềm máy tính -> giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học (dùng phiếu đánh giá)
1. Physical setting and human characteristics		
2. Tourism characteristics		
3. Destinations: Rome, Milan, Pisa, Venice, Vatican City (St. Peter Basilica, St. Peter's Square, Sistine Chapel)		
<b>14. Chương 14. Geography and Tourism in Northern America</b>	1	Giáo án điện tử: bài giảng và kiểm tra nhanh
1. Landforms		

2. Climate		cuối chương
3. Tourism		
<b>15. Chương 15 USA</b>	5	
1. Physical setting and human characteristics		
2. Tourism characteristics		
3. Destinations: New York, Washington, D.C., Philadelphia, Florida, Nevada (Las Vegas), Arizona, California (Hollywood), Hawaii		
<b>Ôn tập</b>	2	

## 6. Tài liệu học tập:

### 6.1. Tài liệu chính

- Lloyd E. Hudman & Richard H. Jackson (2002), *Geography of Travel and Tourism*, Thompson.

### 6.2. Tài liệu khác

- Keith Harding (2010), *Tourism 3*, Oxford University Press.  
- Các địa chỉ trên mạng như Wikipedia, MSN, YouTube, ...

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Đặng Quỳnh Liên

**HỌC PHẦN**  
**TIẾNG ANH TRONG THUYẾT MINH DU LỊCH**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Anh trong Thuyết minh Du lịch
- Mã học phần: 838303
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng nói 3 (813307)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

- Tiếng Anh Trong Thuyết Minh Du Lịch là một môn học mang nhiều yếu tố thực tiễn liên quan đến ngành nghề của sinh viên sau này. Các đặc điểm và tính chất công việc của một hướng dẫn viên/quản lý du lịch giúp sinh viên có một cái nhìn đúng đắn về nghề nghiệp.
- Việc nghiên cứu và thực tập thuyết minh giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng để sau này làm việc trong ngành du lịch của đất nước Việt Nam.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức:** Sau khi học xong, sinh viên có thể

- Có các kiến thức cơ bản về thuyết minh trong du lịch và về du lịch
- Nhận biết được các yếu tố cần có trong thuyết minh du lịch
- Nhận thức được vai trò của hướng dẫn viên du lịch trong các chuyến đi tour
- Tích lũy kiến thức sơ khởi về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

**4.2. Về kỹ năng:** Sau khi học xong, sinh viên có thể

- Trau dồi kỹ năng thuyết trình cá nhân
- Rèn luyện kỹ năng thu thập, chọn lọc, phân tích, liên kết, so sánh và đối chiếu thông tin
- Rèn luyện kỹ năng đọc nhanh các tài liệu tham khảo, bản đồ và biểu mẫu

**4.3. Về thái độ**

- Đối với giảng viên: có tinh thần nghiên cứu, cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng thuyết trình, đảm bảo lượng nội dung kiến thức truyền tải đến sinh viên.
- Đối với sinh viên: có ý thức cập nhật thông tin liên quan đến môn học thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, phát huy tư duy độc lập, xây dựng tinh thần

đồng đội, hợp tác học tập tiến bộ trong tập thể, và chống tiêu cực trong kiểm tra; từ đó hình thành ý thức về định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
1.1 Chương 1: Presentation Skills	2	Giáo án điện tử: bài giảng và thảo luận trên những vấn đề cụ thể do giảng viên & sinh viên đặt ra
1.2 Chương 2. Presentation of the 4 topics given	8	Thuyết trình nhóm sử dụng các phần mềm máy tính -> giảng viên và sinh viên cho phản hồi, góp ý để xây dựng nội dung bài học
1.2.1 Kinds of tours		
1.2.2 Touring styles		
1.2.3 Kinds of resorts in Vietnam		
1.2.4 Benefits and negative impacts of Tourism		
1.3. Chương 3. Different Types of Work	5	Thuyết trình nhóm sử dụng các phần mềm máy tính -> giảng viên và sinh viên cho phản hồi, góp ý để xây dựng nội dung bài học
1.3.1. Tour managers		
1.3.2. Guides		
1.3.3. What do the jobs involve?		
1.3.4 The work situation		
1.3.5 Freelance work		
1.3.6 Getting rid of the “milk run”		
1.3.7 New markets		
1.3.8 Working conditions		
1.3.9 Strange – but true		



1.4. Chương 4. Tour Managers	5	Thuyết trình nhóm sử dụng các phần mềm máy tính -> giảng viên và sinh viên cho phản hồi, góp ý để xây dựng nội dung bài học
1.4.1. What the work entails		
1.4.2. Some jobs		
1.4.3. Tour manager		
1.4.4 Tour director		
1.4.5 Conference/incentive conference tour manager		
1.4.6 Adventure tour and sports guide		
1.4.7 Walking, cycling and riding tours		
1.4.8 Luxury rambles		
1.4.9 Setting up your own company		
1.4.10 Training		
1.4.11 Working conditions		
1.5. Chương 5. Guides	5	Thuyết trình nhóm sử dụng các phần mềm máy tính -> giảng viên và sinh viên cho phản hồi, góp ý để xây dựng nội dung bài học
1.5.1. Different jobs		
1.5.2. In-house guides		
1.5.3. Registered guide		
1.5.4 Boat and open-top bus guides		
1.5.5 Site guides		
1.5.6 Trail guide		
1.5.7 Walking-tour guide		
1.5.8 Interpreter		
1.5.9 Farm tourism		
1.5.10 Ski guide		
1.5.11 Conference work		
1.5.12 Guest lecturer		
1.5.13 Antiques courier		
1.5.14 Step-on guide		

1.5.15 Press officer		
1.5.16 Working conditions		
1.6. Chương 6. Planning Your Working Day	5	Thuyết trình nhóm sử dụng các phần mềm máy tính -> giảng viên và sinh viên cho phản hồi, góp ý để xây dựng nội dung bài học
1.6.1. Check documentation the moment it arrives		
1.6.2. Day/evening before		
1.6.3. Start		
1.6.4. When clients arrive		
1.6.5. En route		
1.6.6. Off the coach		
1.6.7. Mid-season blues		
1.7. Chương 7. The Qualities and Abilities Required of a Tour Guide	5	Thuyết trình nhóm sử dụng các phần mềm máy tính -> giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học
1.7.1. Basic knowledge 1.7.1.1 Labor characteristics 1.7.1.2 Professional knowledge and operation 1.7.1.3 Other basic knowledge		
1.7.2. Manner and Personality 1.7.2.1 Manner 1.7.2.2 Personality		
1.7.3. Other qualities and abilities 1.7.3.1 Language and communication 1.7.3.2 Costume, make-up, and gesture 1.7.3.3 Health 1.7.3.4 Conversation on the phone		
1.8. Chương 8. Problems and Problem Solving by a Tour Guide	5	Thuyết trình nhóm sử dụng các phần mềm máy tính -> giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học
1.8.1. Common requirements		

1.8.2. Answers to the questions and solutions to the guests' requirements		
1.8.3. Solving problems during the tours		
1.8.4 The relations directly affecting the operation of the tour guide		
1.9. Ôn tập	5	Giáo án điện tử: bài ôn tập

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính

- Verité Reily Collins, *Becoming a Tour Guide, Continuum*.
- Đinh Trung Kiên, *Nghệp Vụ Hướng Dẫn Du Lịch*, Nhà Xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

- Trần Văn Mậu, *Cẩm Nang Hướng Dẫn Viên Du Lịch*, Nhà Xuất bản Giáo Dục.
- Các nguồn tham khảo trên mạng như Wikipedia, MSN, Encarta, YouTube,...

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 2
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Đặng Quỳnh Liên

**HỌC PHẦN**  
**QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG**

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: Quản trị Văn phòng
- Mã học phần: 838105
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành / thí nghiệm / thực địa): 30

(15;0;0;15)

- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học: Không
- + Đòi hỏi môn học trước: Không
- + Đòi hỏi môn song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 100

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quản trị Văn phòng**

**3. Mô tả học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn phòng và các nghiệp vụ của nhà quản trị hành chính văn phòng như Quản trị thông tin, Quản trị nguồn nhân lực, Quan hệ công chúng, Tổ chức hội nghị, hội họp; tổ chức sự kiện, Kỹ thuật soạn thảo văn bản, Quản lý văn bản tài liệu, Lễ tân, giao tiếp hành chính.

Sau khi học xong học phần người học có khả năng lập và quản lý được kế hoạch công tác cụ thể như kế hoạch năm, quý, tháng, tuần của cơ quan và người lãnh đạo; biết cách sắp xếp, tổ chức công việc của một cơ quan được hợp lý, khoa học, có các nghiệp vụ cơ bản về quản trị văn phòng trong 1 tổ chức.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức:** Sau khi học xong học phần sinh viên nắm rõ được:

- Khái niệm về văn phòng, quản trị hành chính văn phòng, những chức năng, nhiệm vụ của văn phòng và nhà quản trị hành chính văn phòng trong một cơ quan, tổ chức;
- Các khái niệm, chức năng, nguyên tắc, cách thức tổ chức của công tác Quản trị thông tin, Quản trị nguồn nhân lực, Quan hệ công chúng, Tổ chức hội nghị, hội họp; tổ chức sự kiện, Kỹ thuật soạn thảo văn bản, Quản lý văn bản tài liệu, Lễ tân, giao tiếp hành chính.

**4.2. Về kỹ năng**

Trang bị 1 cách cơ bản các kỹ năng về:

- Kỹ năng quản trị thông tin.
- Kỹ năng quản trị nguồn nhân lực.

- Kỹ năng quan hệ công chúng.
- Kỹ năng tổ chức hội nghị, hội họp; tổ chức sự kiện.
- Kỹ năng soạn thảo văn bản, Quản lý văn bản tài liệu,
- Kỹ năng thực hiện các hoạt động lễ tân, giao tiếp hành chính.

#### 4.3. Về thái độ

- Sinh viên cần nhận thức được tầm quan trọng của văn phòng và vai trò của nhà quản trị hành chính văn phòng trong hoạt động của một cơ quan, tổ chức. Nắm rõ được những kiến thức, kỹ năng tổng quan của nhà quản trị hành chính văn phòng.

- Từ nhận thức đó, sinh viên phải có thái độ học tập nghiêm túc và tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động trao đổi, thực hành, thảo luận, làm bài tập nhóm và thuyết trình trên lớp.

#### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Tổng quan về văn phòng và quản trị hành chính văn phòng</b>	05	
<b>1.1. Văn phòng</b>	1	Thuyết giảng, hỏi đáp
1.1.1. Khái niệm		
1.1.2. Chức năng		
1.1.3. Nhiệm vụ		
1.1.4. Cơ cấu tổ chức		
<b>1.2. Hành chính văn phòng</b>	1	Thuyết giảng, hỏi đáp
1.2.1. Hành chính		
1.2.2. Các nghiệp vụ hành chính		
1.2.3. Hành chính văn phòng		
<b>1.3. Quản trị hành chính văn phòng</b>	3	Thuyết giảng, thảo luận, hỏi đáp, bài tập nhóm
1.3.1. Quản trị		
1.3.2. Quản trị hành chính văn phòng		
1.3.3. Chức năng của nhà quản trị hành chính văn phòng		
1.3.4. Vai trò của nhà quản trị hành chính văn phòng		
1.3.5. Những yêu cầu đối với nhà quản trị hành chính văn phòng		
<b>Chương 2. Các nghiệp vụ quản trị hành chính văn phòng</b>	21	
2.1. Quản trị thông tin	3	Thuyết giảng, thảo luận, hỏi đáp, bài tập nhóm
2.2. Quản trị nguồn nhân lực	3	
2.3. Quan hệ công chúng	3	
2.4. Tổ chức hội nghị, hội họp; tổ chức sự kiện	3	
2.5. Kỹ thuật soạn thảo văn bản	3	
2.6. Quản lý văn bản tài liệu	3	
2.7. Lễ tân, giao tiếp hành chính	3	
<b>Kiểm tra</b>	2	
<b>Ôn tập</b>	2	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

Nguyễn Hữu Thân (2007), *Quản trị hành chính văn phòng*, NXB Thống Kê, Tp.HCM.

### 6.2. Tài liệu khác

- David Fontana (Trương Vỹ Quyền dịch) (2006), *Quản lý thời gian*, NXB Tổng hợp Tp.HCM, Tp.HCM.

- GS.TS. Nguyễn Thành Độ, GVC Nguyễn Thị Thảo (2005), *Giáo trình Quản trị văn phòng*, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội.

- Phạm Hưng, Nguyễn Văn Đáng, Lê Văn In (1995), *Quản trị văn phòng doanh nghiệp*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- Mike Harvey (Cao Xuân Đỗ dịch) (2004), *Quản trị hành chính văn phòng*, NXB Thống Kê, Hà Nội.

- TS. Lưu Kiếm Thanh (2009), *Nghiệp vụ hành chính văn phòng*, NXB Thống Kê, Hà Nội.

- ThS. Vương Thị Kim Thanh (2009), *Quản trị hành chính văn phòng*, NXB Thống Kê, Tp.HCM.

- Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2008), *Bài giảng Văn hóa kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

- Trường ĐH KHXH và NV Hà Nội (2005), *Quản trị văn phòng- Lý luận và thực tiễn (Kỹ yếu hội thảo khoa học)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

ThS. Đặng Thanh Nam

ThS. Cao Thị Phương Dung

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
 NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

## HỌC PHẦN THƯ TÍN THƯƠNG MẠI

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Thư tín Thương mại
- Mã học phần: 838304
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng Viết 1 (813064)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên

### 3. Mô tả học phần

Một mẫu thư tín cơ bản bằng tiếng Anh thường bao gồm các bộ phận chính sau: (1) Sender's address, date, inside address, attention line, salutation, (2) body of the letter, (3) complimentary close, signature. Thư tín thường được viết theo lối trình bày blocked style, nội dung ngắn gọn, chính xác, trực tiếp vào yêu cầu của thư tín. Người học sẽ ứng dụng các kỹ năng viết cơ bản và nâng cao khi tìm hiểu cách viết từng bộ phận, đặc biệt trong các chương tìm hiểu sâu các thể loại thư tín cụ thể như: thư yêu cầu (enquiries), thư trả lời (replies), thư đặt hàng (order), thư xin việc (covering letter) và sơ yếu lý lịch (CV), thư nhắc việc nội bộ (memorandum), báo cáo công ty (report).

### 4. Mục tiêu cụ thể của HP/MH (Chuẩn đầu ra của HP/MH)

#### 4.1. Về kiến thức

Sau khi học xong học phần này, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về hình thức một thư tín thương mại tiêu biểu, hiểu biết về một số thuật ngữ cơ bản trong thư tín thương mại về thư giao dịch và các dịch vụ hỗ trợ khác như: ngân hàng, vận chuyển, bảo hiểm, và nắm bắt được cách viết thư xin việc và sơ yếu lý lịch bằng tiếng Anh, viết thư nhắc việc nội bộ và viết báo cáo công ty.

#### 4.2. Về kỹ năng

Trang bị cho sinh viên kỹ năng viết câu, viết đoạn và ứng dụng các kỹ năng viết cơ bản để thực hành các thể loại thư tín như: thư yêu cầu (enquiries), thư trả lời (replies), thư đặt hàng (order), thư xin việc (covering letter) và sơ yếu lý lịch (CV). Bên cạnh đó, SV cũng được giới thiệu và thực hành viết thư nhắc việc nội bộ, viết báo cáo và thư tín xã giao như chúc mừng, chia buồn, thư mời, v.v

### 4.3. Về thái độ

Sinh viên có ý thức cập nhật thông tin liên quan đến môn học thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, luôn trau dồi học tập nghiên cứu chuyên môn, phát huy tư duy độc lập, xây dựng tinh thần đồng đội, hợp tác học tập tiến bộ trong tập thể; từ đó hình thành ý thức về định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Unit 1: Letters, Faxes, and Emails</b>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Phân nhóm:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tìm hiểu nội dung</li> <li>+ Trình bày ý chính</li> </ul> </li> <li>- Đánh giá phần trình bày của các nhóm và tổng kết</li> </ul>
1.1. The Importance of Commercial Correspondence		
1.2. Introduction to 3 types of Lay-out		
1.3. Parts of a letter: Sender's address, date, inside address, attention line, salutation, body of the letter, complimentary close, signature		
1.4. Order of inside address		
1.5. How to salute in a letter		
1.6. Fax and email: advantages and drawbacks, layout, style, and conventions		
1.7. Writing Practice		
<b>2. Unit 2: Content and Style</b>	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
2.1. The right length		
2.2. Order and Sequence		
2.3. Planning		
2.4. Style and language: simplicity and courtesy		
2.5. Clarity		
2.6. Accuracy: spelling, titles, names, addresses, references, enclosures and attachments		
2.7. Writing Practice		
<b>3. Unit 3: Enquiries</b>	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
3.1. Introduction: making enquiries		
3.2. Opening		
3.3. Asking for catalogues, price lists		
3.4. Asking for details		
3.5. Asking for samples, demonstrations		
3.6. Suggesting terms, methods of payment and discounts		
3.7. Closing		
3.8. Writing Practice		
<b>4. Unit 4: Replies and quotations</b>	6	- Kiểm tra nội dung đã



4.1. Replying to enquiries		<p>học.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
4.1.1. Opening		
4.1.2. Confirming that you can help		
4.1.3. "Selling" your products		
4.1.4. Suggesting alternatives		
4.1.5. Sending catalogues, price lists, prospectuses and samples		
4.1.6. Arranging demonstrations and visits		
4.1.7. Closing		
4.2. Giving quotations		
4.2.1. Prices		
4.2.2. Transport and insurance costs		
4.2.3. Discounts		
4.2.4. Methods of payment		
4.2.5. Quoting delivery date		
4.2.6. Fixed terms and negotiable terms		
4.2.7. Giving an estimate		
4.3. Writing Practice		
<b>5. Unit 15: Personnel Appointments</b>	4	<p>- Kiểm tra nội dung đã học.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Sinh viên thực hành viết thư xin việc</li> <li>→ Giảng viên phản hồi xây dựng bài.</li> <li>- Sinh viên thực hành viết sơ yếu lý lịch → Giảng viên phản hồi góp ý.</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
5.1. Applying for a job		
5.1.1. Job advertisements		
5.1.2. Letters of application		
5.1.3. Application forms and CVs		
5.1.4. Covering letters		
5.2. Making a decision		
5.2.1. Turning down an applicant		
5.2.2. Offering a post		
5.2.3. Accepting a post		
5.3. Writing practice		
<b>Mid term Test</b>	2	Writing a covering letter and CV
<b>6. Unit 5: Orders</b>	3	<p>- Kiểm tra nội dung đã học.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> </ul>
6.1. Placing an order		
6.1.1. Parts of an order: Opening, payment, discounts, delivery, closing		
6.1.2. Methods of delivery, packing		

6.2. Acknowledging an order		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
6.3. Advice of despatch		
6.4. Delays in delivery		
6.5. Refusing an order		
6.6. Writing practice		
<b>7. Unit 6: Payment</b>	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
7.1. Invoices and statements		
7.1.1. Pro forma invoices		
7.1.2. Statements of accounts		
7.2. Settlement of accounts		
7.2.1. Methods of payment		
7.2.2. Advice of payment		
7.2.3. Acknowledgement of payment		
7.3. Delayed payment		
7.4. Requests for payment		
7.5. Writing practice		
<b>8. Unit 7: Complaints and Adjustments</b>	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
8.1. Unjustified complaints		
8.2. Making general complaints		
8.2.1. Opening		
8.2.2. The language of complaints		
8.2.3. Explaining the problem		
8.2.4. Suggesting a solution		
8.3. Replying to letters of complaint		
8.3.1. Opening		
8.3.2. Asking for time to investigate the complaint		
8.3.3. Explaining the mistake		
8.3.4. Solving the problem		
8.3.5. Rejecting a complaint		
8.4. Writing practice		
<b>9. Unit 13: Miscellaneous Correspondence</b>	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và thực hành viết theo từng thể loại thư tín → Giảng viên phản hồi xây dựng bài.</li> <li>- Giảng viên đánh giá và</li> </ul>
9.1. Reservations		
9.1.1. Air travel		
9.1.2. Train travel		
9.1.2. Hotel reservation		
9.2. Appointments		
9.3. Hospitality		
9.3.1. Request for hospitality		
9.3.2. Letter of thanks		

9.3.3. Invitation		tổng kết nội dung
9.3.4. Accepting / Declining an invitation		
9.4. Special occasions: Congratulations, leaving, illness, accidents, retiring, condolences, seasonal greetings		
9.5. Writing practice		
<b>10. Unit 14: Memos</b>	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và thực hành viết thư nội bộ (memos) và báo cáo (reports) → Giảng viên phản hồi góp ý.</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
10.1. Memos		
10.1.1. Layout		
10.1.2. Guide to contents		
10.1.3. Length		
10.1.4. Examples		
<b>11. Review</b>	3	
Lay-out and parts of a business letter		
Content and style		
Types of commercial correspondence: Enquiries, quotations, covering letters, CVs, order, payment, complaints, social correspondence		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

Ashley A. (2007), *Commercial Correspondence*, OUP.

### 6.2. Tài liệu khác:

- Wienbroer D. R. (2005), *Rules of Thumb for Business Writers*, McGraw-Hill.
- Nguyễn Trọng Đán (2008), *The Language of Business Correspondence in English*, 6<sup>th</sup> edition, NXB Lao động xã hội.
- Các nguồn tham khảo trên mạng về thư tín thương mại.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

TS. Trần Thế Phi

**HỌC PHẦN**  
**THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thực tế Chuyên môn 1
- Mã học phần: 838305
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 300

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Tạo điều kiện cho sinh viên nâng cao những hiểu biết thực tế của ngành du lịch Việt Nam về đặc trưng các vùng miền, đặc biệt là du lịch sông nước miền Tây Nam Bộ hoặc du lịch văn hóa công chiêng Tây Nguyên; bồi dưỡng, rèn luyện cho sinh viên những phẩm chất cơ bản của một hướng dẫn viên du lịch năng động

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức:

- Tạo điều kiện cho sinh viên sắp tốt nghiệp nâng cao hiểu biết thực tế của ngành du lịch ở Việt Nam, đất nước, con người và văn hóa Việt Nam, đặc trưng các vùng miền, đặc biệt là du lịch sông nước miền Tây Nam Bộ hoặc du lịch văn hóa công chiêng Tây Nguyên.

- Giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn.

4.2. Về kỹ năng:

- Bồi dưỡng, rèn luyện cho sinh viên những phẩm chất cơ bản của hướng dẫn viên du lịch, quản lý nhà hàng – khách sạn, nhân viên kinh doanh trong các lĩnh vực du lịch lữ hành

- Giúp sinh viên tự tin, năng động, sáng tạo, khéo léo trong xử lý tình huống, giao tiếp với khách hàng, ...

- củng cố, bổ sung và nâng cao những hiểu biết về chuyên môn và nghiệp vụ du lịch, nghiệp vụ kinh doanh lữ hành của sinh viên, nhằm hoàn thiện kiến thức đã được trang bị và tích lũy ở trường đại học.

#### 4.3 Về thái độ:

- Tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn, yêu cầu và sự sắp xếp của trưởng đoàn, giảng viên hướng dẫn.
- Có tinh thần tập thể trên xe, khắc phục những nhược điểm cá nhân, tránh có những hành động gây chia rẽ, mất đoàn kết trên xe cũng như toàn đoàn
- Tác phong nhanh nhẹn, gọn gàng, lịch sự.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Sinh viên đi thực tế theo đoàn du lịch khám phá văn hóa du lịch sông nước miền Tây Nam Bộ hoặc văn hóa công chiêng Tây Nguyên trong 07 ngày và hoàn thành bài thuyết minh trên xe về một địa điểm du lịch theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn. Đồng thời sinh viên có nhiệm vụ ghi chép lại thông tin hoàn tất bài báo cáo thu hoạch nộp về cho giảng viên bộ môn khoa Ngoại ngữ 1 tuần sau khi kết thúc chuyến đi thực tế.

### 6. Tài liệu học tập

#### 6.1. Tài liệu chính

Các kiến thức tổng hợp từ sách báo, mạng kết hợp kiến thức thực tế do giảng viên hướng dẫn cung cấp.

#### 6.2. Tài liệu khác

Không có

### 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 2

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi học kỳ.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra, báo cáo: Hệ số 1,0

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Đặng Quỳnh Liên

**HỌC PHẦN**  
**THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thực tế Chuyên môn 2
- Mã học phần: 838111
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: 838305
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 300

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

- Tạo điều kiện cho sinh viên nâng cao những hiểu biết thực tế của ngành du lịch Việt Nam đặc biệt tại các thành phố lớn; bồi dưỡng, rèn luyện cho sinh viên những phẩm chất cơ bản của một hướng dẫn viên du lịch năng động, sau khi đã hoàn thành học phần Thực tế Chuyên môn 1.

- Về văn hóa, sinh viên có thể tiếp cận và hệ thống các kiến thức văn hóa Việt Nam: các loại hình văn hóa; các đặc điểm của văn hóa vùng và vùng văn hóa; các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể; các kiến thức về văn hóa nghệ thuật, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội... Về du lịch, sinh viên hệ thống các kiến thức và kỹ năng về khách sạn – nhà hàng như dịch vụ lễ tân, dịch vụ nhà hàng, kiến thức ẩm thực, kỹ năng thiết kế tour, kỹ năng hướng dẫn, kỹ năng điều hành thực hiện tour, kỹ năng đàm phán, thuyết phục khách hàng thực hiện các chuyến du lịch.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

- Tạo điều kiện cho sinh viên sắp tốt nghiệp nâng cao hiểu biết thực tế của ngành du lịch ở Việt Nam, đất nước, con người và văn hóa Việt Nam tại các thành phố lớn
- Giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn.

**4.2. Về kỹ năng**

- Bồi dưỡng, rèn luyện cho sinh viên những phẩm chất cơ bản của hướng dẫn viên du lịch, quản lý nhà hàng – khách sạn, nhân viên kinh doanh trong các lĩnh vực du lịch lữ hành

- Giúp sinh viên tự tin, năng động, sáng tạo, khéo léo trong xử lý tình huống, giao tiếp với khách hàng, ...

- Củng cố, bổ sung và nâng cao những hiểu biết về chuyên môn và nghiệp vụ du lịch, nghiệp vụ kinh doanh lữ hành của sinh viên, nhằm hoàn thiện kiến thức đã được trang bị và tích lũy ở trường đại học.

### 4.3. Về thái độ

- Tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn, yêu cầu và sự sắp xếp của trưởng đoàn, giảng viên hướng dẫn.

- Có tinh thần tập thể trên xe, khắc phục những nhược điểm cá nhân, tránh có những hành động gây chia rẽ, mất đoàn kết trên xe cũng như toàn đoàn

- Tác phong nhanh nhẹn, gọn gàng, lịch sự.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Sinh viên đi thực tế theo đoàn du lịch khám phá di sản miền Trung và miền Bắc qua các thành phố lớn trong thời gian từ 14 ngày đến 21 ngày và hoàn thành bài thuyết minh trên xe về một địa điểm du lịch theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn. Đồng thời sinh viên có nhiệm vụ ghi chép lại thông tin mỗi ngày về thời gian, địa điểm tham quan, trạm dừng chân, các loại dịch vụ và viết cảm nghĩ bản thân... bằng tiếng Anh theo yêu cầu nộp về cho giảng viên bộ môn khoa Ngoại ngữ 1 tuần sau khi kết thúc chuyến đi thực tế.

### 6. Tài liệu học tập

#### 6.1. Tài liệu chính

Các kiến thức tổng hợp từ sách báo, mạng kết hợp kiến thức thực tế do giảng viên hướng dẫn cung cấp.

#### 6.2. Tài liệu khác

Không.

### 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 2

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi học kỳ.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra, báo cáo: Hệ số 1,0

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Đặng Quỳnh Liên



**HỌC PHẦN**  
**VĂN HỌC ANH**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Văn học Anh
- Mã học phần: 813050
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Đất nước học Anh (813054)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên**

**3. Mô tả học phần**

Học phần bao gồm những giai đoạn văn học chính sau đây:

- Văn học Anh thế kỷ 17
- Văn học lãng mạn Anh (nửa đầu thế kỷ 19)
- Văn học Anh nửa sau thế kỷ 19
- Văn học Anh thế kỷ 20

Các nhà văn: William Shakespeare, William Wordsworth, Jane Austen, William S. Maugham, Virginia Woolf.

Với thời lượng là 30 tiết, học phần sẽ khái quát đặc điểm của văn học Anh gắn với những giai đoạn cụ thể. Ngoài ra, sinh viên sẽ áp dụng những lý thuyết văn học được học vào việc phân tích những tác phẩm cụ thể.

**4. Mục tiêu học phần**

Văn học Anh là một môn khoa học nghiên cứu các tác phẩm văn học trong nền Văn học Anh, liên quan đến nhân vật và nhân sinh quan của con người. Các tính cách và đặc điểm nhân văn trong các tác phẩm giúp thúc đẩy sự phát triển và định hướng về nhân cách của sinh viên, đồng thời giúp sinh viên cảm nhận được cái hay, cái đẹp trong các tác phẩm văn học.

Việc nghiên cứu các tác phẩm văn học trong nền Văn học Anh giúp sinh viên so sánh và liên hệ đến các tác phẩm văn học trong nền Văn học Việt Nam nhằm đạt được một cái nhìn tương đối bao quát về văn học nói chung.

**4.1. Về kiến thức:** Sau khi học xong, sinh viên có thể

- Có kiến thức cơ bản về văn học Anh

- Nhận biết được các yếu tố trong các tác phẩm văn học Anh
- Nhận thức được vai trò của văn học Anh trong sự thành công về nghệ thuật của dân tộc Anh
- Tích lũy kiến thức sơ khởi về văn học Anh nói riêng và văn học nói chung.

#### 4.2. Về kĩ năng: Sau khi học xong, sinh viên có thể

- Trau dồi kĩ năng nói và thảo luận nhóm
- Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và phân tích

#### 4.3. Về thái độ

- Đối với giảng viên: có tinh thần nghiên cứu, cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng thuyết trình, đảm bảo lượng nội dung kiến thức truyền tải đến sinh viên
- Đối với sinh viên: có ý thức trau dồi kiến thức liên quan đến môn học thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, phát huy tư duy độc lập, xây dựng tinh thần đồng đội, hợp tác học tập tiến bộ trong tập thể qua các bài thảo luận nhóm, và chống tiêu cực trong kiểm tra; từ đó hình thành ý thức về định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>5.1. Chương 1. Outline History of English Literature (2 tuần)</b>	4	Bài giảng – kỹ năng đọc hiểu (sau khi đọc tài liệu, sinh viên sẽ làm dàn bài cho phần mình vừa đọc) và làm kiểm tra nhanh cuối chương
1. Introduction to English Literature		
2. The different periods in English Literature		
2.1. The Old English, or Anglo-Saxon, Period (450-1066 A.D.) + Time + Features + Typical writer(s) and work(s)		
2.2. The Middle English Period (1066-1485) + Time + Features + Typical writer(s) and work(s)		
2.3. The Renaissance Period and the 17 <sup>th</sup> Century (1485-1660) + Time + Features + Typical writer(s) and work(s)		
2.4 + The Restoration Period or the Enlightenment (1660-1798) + Time + Features + Typical writer(s) and work(s)		
2.5 The 19 <sup>th</sup> Century		

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
+ Time + Features + Typical writer(s) and work(s)		
2.6 The 20 <sup>th</sup> Century + Time + Features + Typical writer(s) and work(s)		
<b>5.2. Chương 2. Figures of Speech (2 tuần)</b>	4	Bài giảng – Thảo luận nhóm và làm bài tập ứng dụng
1. Simile		
2. Metaphor		
3. Personification		
4. Metonymy		
5. Irony		
6. Understatement or Litotes		
7. Overstatement or Hyperbole		
8. Farce, Slapstick, and Buffoonery		
9. Parody and Burlesque		
10. Paradox		
11. Mimicry		
12. Oxymoron		
13. Alliteration and Onomatopoeia		
14. Assonance		
15. Parallelism		
16. Antithesis		
17. Euphemism		
18. Pun		
19. Climax		
<b>5.3. Chương 3. Some Elements of Fiction (2 tuần)</b>	4	Bài giảng – Thảo luận nhóm và làm bài tập ứng dụng
1. Characters		
2. Plot		
3. Theme		
4. Style		
<b>5.4. Chương 4. Sonnet 71 by William Shakespeare (1 tuần)</b>	2	Bài giảng – Thảo luận nhóm và làm bài tập ứng dụng
<b>5.5. Chương 5. Daffodils by William Wordsworth (1 tuần)</b>	2	Bài giảng – Thảo luận nhóm và làm bài tập ứng dụng
<b>5.6. Chương 6. Chapter 1 from <i>Pride and Prejudice</i> by Jane Austen (2 tuần)</b>	4	Bài giảng – Thảo luận nhóm và làm bài tập ứng dụng
<b>5.7. Chương 7. <i>Mr. Know-All</i> by W. Somerset Maugham (3 tuần)</b>	6	Bài giảng – Thảo luận nhóm và làm bài tập ứng dụng
<b>5.8. Chương 8. <i>The Duchess and the Jeweler</i> by Virginia Woolf (2 tuần)</b>	4	Bài giảng – Thảo luận nhóm và làm bài tập ứng dụng

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) *English Literature* (Do giảng viên biên soạn)

### 6.2. Tài liệu khác

Các tài liệu tham khảo trên mạng như Wikipedia, Google, ...

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Hoàng Thị Thanh Tâm

**HỌC PHẦN  
 VĂN HỌC MỸ**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Văn học Mỹ
- Mã học phần: 813053
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Đất nước học Mỹ (813055)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên**

**3. Mô tả học phần**

Học phần bao gồm những thời kỳ văn học chính sau đây:

- Văn học thời kỳ thuộc địa (1608- 1764)
- Văn học thời kỳ lập quốc (1764 -1830)
- Văn học thời kỳ phát triển (1831 – 1870)
- Văn học hiện thực (1871 – 1913)
- Văn học đầu thế kỷ XX (1914 – 1945)
- Các nhà văn : - Benjamin Franklin – Washington Irving – Henry David Thoreau – Theodore Dreiser – John Steinbeck.

Với thời lượng là 30 tiết, học phần sẽ khái quát đặc điểm của từng thời kỳ văn học gắn với những giai đoạn phát triển của nước Mỹ. Những đặc điểm này sẽ được phân tích thông qua trích đoạn tác phẩm của các nhà văn.

**4. Mục tiêu học phần**

Văn học Mỹ là một môn khoa học nghiên cứu các tác phẩm văn học trong nền Văn học Mỹ, liên quan đến nhân vật và nhân sinh quan của con người. Các tính cách và đặc điểm các nhân vật trong các tác phẩm giúp sinh viên giúp sinh viên cảm nhận được cái hay, cái đẹp trong các tác phẩm văn học.và một nền văn hóa mới.

4.1. Về kiến thức: biết được các thời kỳ văn học Mỹ: từ thời thuộc địa (The colonial times ) cho đến đầu thế kỷ 20

4.2. Về kỹ năng: trau dồi kỹ năng trình bày, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu cao cấp và bước đầu tập phân tích những bài viết của các nhà văn Mỹ qua các thời kỳ

#### 4.4 Về thái độ:

- Đối với giảng viên: có tinh thần nghiên cứu, cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng thuyết trình, đảm bảo lượng nội dung kiến thức truyền tải đến sinh viên.

- Đối với sinh viên: có ý thức trau dồi kiến thức liên quan đến môn học thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, phát huy tư duy độc lập, xây dựng tinh thần đồng đội, hợp tác học tập tiến bộ trong tập thể qua các bài thảo luận nhóm, và chống tiêu cực trong kiểm tra; từ đó hình thành ý thức về định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

#### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Week 1:</b> <b>1.1 Chương 1.</b> Văn học thời kỳ thuộc địa	2	GV trình bày – SV đọc tài liệu
<b>2. Week 2:</b> <b>2.1 Chương 2.</b> Văn học thời kỳ lập quốc (1764 -1830)	2	GV trình bày– SV đọc tài liệu
<b>3. Week 3:</b> <b>3.1</b> Benjamin Franklin (selection 1)	2	Nhóm thuyết trình- GV góp ý
<b>4. Week 4:</b> <b>4.1</b> Benjamin Franklin (selection 2)	2	Nhóm thuyết trình – GV góp ý
<b>5. Week 5:</b> <b>5.1</b> Benjamin Franklin (selection 2) <b>5.2</b> Washington Irving (selection 1)	2	Nhóm thuyết trình – GV góp ý
<b>6. Week 6:</b> <b>5.1</b> Washington Irving (selection 1)	2	Nhóm thuyết trình – GV góp ý
<b>7. Week 7:</b> <b>7.1</b> Washington Irving (selection 2)	2	Nhóm thuyết trình – GV góp ý
<b>8. Week 8: Mid-term test</b>	2	
<b>9. Week 9:</b> <b>9.1 Chương 3.</b> Văn học thời kỳ phát triển (1831 –1870) <b>9.2</b> Henry David Thoreau (selection 1)	2	GV trình bày – SV đọc tài liệu
<b>10. Week 10:</b> <b>10.1</b> Henry David Thoreau (selection 1)	2	Nhóm thuyết trình – GV góp ý
<b>11. Week 11:</b> <b>11.1 Chương 4.</b> Văn học hiện thực (1871 – 1913) <b>11.2</b> Theodore Dreiser (selection 1)	2	GV trình bày – SV đọc tài liệu Nhóm thuyết trình – GV góp ý
<b>12. Week 12:</b> <b>12.1</b> Theodore Dreiser (selection 1)	2	Nhóm thuyết trình – GV góp ý
<b>13. Week 13:</b> <b>13.1 Chương 5.</b> Văn học đầu thế kỷ XX ( 1914 – 1945)	2	GV trình bày– SV đọc tài liệu
<b>14. Week 14:</b>	2	Nhóm thuyết trình – GV góp ý

14.1 John Steinbeck (selection 1)		
<b>15. Week 15:</b> 15.1 John Steinbeck (selection 2)	2	Nhóm thuyết trình – GV góp ý

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

American Major Authors (tài liệu do giáo viên biên soạn)

\* Nguồn tham khảo

- 1) Highlights of American Literature by Carl Bode, Professor of American Literature, University of Maryland
- 2) American Literature ( tài liệu tham khảo của khoa)
- 3) Internet

### 6.2. Tài liệu khác:

- 1) Dĩa CD: *World Book 2005 Deluxe Edition* (Tự điển bách khoa toàn thư)
- 2) Gehlmann, J and Bowman, M.R *Adventures in American Literature*

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Nguyễn Hoàng Quý

**HỌC PHẦN  
MARKETING CĂN BẢN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Marketing Căn bản
- Mã học phần: 838306
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0;

0)

- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không có
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 70

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Marketing****3. Mô tả học phần**

Học phần này giúp sinh viên hiểu được khái niệm marketing, nắm bắt quy trình nghiên cứu thị trường và cách thức tìm hiểu nhu cầu của thị trường. Từ đó đề ra chiến lược 4P (sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến) phù hợp giúp doanh nghiệp tiếp cận thị trường mục tiêu thành công. Ngoài ra do môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh do đó học viên cũng sẽ được trau dồi thêm về ngoại ngữ và các thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

- Trình bày các khái niệm cơ bản trong Marketing và các phương châm cơ bản trong quản trị Marketing.
- Phân tích các yếu tố thuộc môi trường marketing và từ đó giúp doanh nghiệp rút ra được những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức.



- Phân tích các yếu tố tác động đến hành vi người tiêu dùng và trình bày quá trình người mua ra quyết định mua một sản phẩm.
- Trình bày những vấn đề liên quan đến việc phân khúc và định vị thị trường.
- Nêu các nội dung cơ bản trong việc lên kế hoạch Marketing.
- Trình bày các vấn đề liên quan đến chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến.

#### 4.2. Về kĩ năng

Học phần này giúp học viên nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phản biện, kỹ năng viết báo cáo, và trau dồi kỹ năng ngoại ngữ (tiếng Anh).

#### 4.3. Về thái độ

- Nhận thức và hiểu được tầm quan trọng của marketing đối doanh nghiệp và các tổ chức.
- Nhận thức được vai trò của marketing là việc kết hợp của toàn bộ tổ chức để đạt được các mục tiêu.
- Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của khách hàng.
- Quan tâm đến đạo đức trong kinh doanh và lợi ích xã hội.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chapter 1: Introduction To Marketing</b>	3	Thuyết giảng và thảo luận
<b>1.1. Marketing Concepts</b>		
1.1.1. Needs, Wants and Demands		
1.1.2. Marketing Offers (Products, Services And Experiences)		
1.1.3. Value, Satisfaction and Quality.		
1.1.4. Exchange, Transactions and Relationships		
1.1.5. Markets		
<b>1.2. Marketing Management Philosophies</b>		
1.2.1. The production concept.		
1.2.2. The product concept.		
1.2.3. The selling concept.		
1.2.4. The marketing concept.		
1.2.5. The societal marketing concept.		

<b>Chapter 2: Marketing Environment</b>	3	Thuyết giảng và thảo luận
<b>2.1. Micro-environment</b>		
2.1.1. The company		
2.1.2. Suppliers		
2.1.3. Marketing Intermediaries		
2.1.4. Customers		
2.1.5. Competitors		
2.1.6. Publics		
<b>2.2. Macro-environment</b>		
2.2.1. Demographic environment		
2.2.2. Economic environment		
2.2.3. Natural environment		
2.2.4. Technological environment		
2.2.5. Political environment		
2.2.6. Cultural environment		
<b>Chapter 3: Consumer Behavior</b>	5	Thuyết giảng và thảo luận
<b>3.1. Models Of Consumer Behavior</b>		
<b>3.2. Characteristics Affecting Consumer Behavior</b>		
3.2.1. Cultural factors		
3.2.2. Social factors		
3.2.3. Personal factors		
3.2.4. Psychological factors		
<b>3.3. Types Of Buying Decision Behavior</b>		
3.3.1. Complex buying behavior		
3.3.2. Dissonance-reducing buying behavior		
3.3.3. Habitual buying behavior		
3.3.4. Variety-seeking buying behavior		
<b>3.4. The Buyer Decision Process</b>		
3.4.1. Need recognition		
3.4.2. Information search		
3.4.3. Evaluation of alternatives		
3.4.4. Purchase decision		
3.4.5. Post-purchase behavior		
<b>3.5. The Buyer Decision Process For New Products</b>		
3.5.1. Stages in the adoption process		
3.5.2. Individual differences in innovativeness		
3.5.3. Role of personal influence		
3.5.4. Influence of product characteristics on rate of adoption		

<b>3.6. Business markets and business buyer behavior</b>		
<b>Chapter 4: Segmentation And Positioning</b>	5	Thuyết giảng và thảo luận
<b>4.1. Definition of Market Segmentation And Positioning</b>		
<b>4.2. Segmenting Consumer Market</b>		
4.2.1. Requirements for effective segmentation		
4.2..2. Major variables used in segmenting consumer markets		
4.2.3. Market targeting		
4.2.4. Marketing segmentation		
<b>4.3. Differentiation</b>		
<b>4.4. Product Positioning</b>		
<b>4.5. Positioning Strategies</b>		
4.5.1. Selecting the right competitive advantages.		
4.5.2. Communicating and delivering the chosen position		
<b>Chapter 5: Strategic Marketing And Marketing Planning</b>	3	
<b>5.1. Strategic Planning</b>		
5.1.1. Overview of planning		
5.1.2. The planning process		
5.1.3. The strategic plan		
<b>5.2. Marketing Within Strategic Planning</b>		
5.2.1. Planning functional strategies		
5.2.2. Marketing's role in strategic planning		
5.2.3. Marketing and the other business functions		
<b>5.3. The Marketing Plan</b>		
<b>5.4. Marketing Organization</b>		
<b>5.5. Marketing Control</b>		
<b>Chapter 6: Products</b>	6	Thuyết giảng và thảo luận
<b>6.1. Definition</b>		
<b>6.2. Classification</b>		
6.2.1. Consumer products.		
6.2.2. Industrial products.		
<b>6.3. Product Decisions</b>		
6.3.1. Individual product decisions		
6.3.2. Product line decisions		
6.3.3. Product mix/portfolio decisions		
<b>6.4. Branding Strategy</b>		
6.4.1. Building Brands		

6.4.2. Managing Brands		
<b>6.5. Services marketing</b>		
<b>Chapter 7: Pricing</b>	6	Thuyết giảng và thảo luận
<b>7.1. Definition</b>		
<b>7.2. Factors To Consider When Setting Prices</b>		
7.2.1. Internal factors		
7.2.2. External factors		
<b>7.3. General Pricing Approaches</b>		
7.3.1. Cost-based pricing		
7.3.2. Value-based pricing		
7.3.3. Competition-based pricing		
<b>7.4. New Product Pricing Strategies</b>		
7.4.1. Market-skimming pricing		
7.4.2. Market-penetration pricing		
<b>7.5. Price-Adjustment Strategies</b>		
7.5.1. Discount and allowance pricing		
7.5.2. Segmented pricing		
7.5.3. Psychological pricing		
7.5.4. Promotional pricing		
7.5.5. Geographical pricing		
7.5.6. International pricing		
<b>Chapter 8: Place</b>	6	Thuyết giảng và thảo luận
<b>8.1. The Nature And Importance Of Marketing Channels</b>		
<b>8.2. Channel Behavior And Organization</b>		
8.2.1. Channel behavior		
8.2.2. Channel organization		
<b>8.3. Channel Design Decisions</b>		
8.3.1. Analyzing customer service needs		
8.3.2. Channel objectives setting		
8.3.3. Identifying major alternatives		
8.3.4. Evaluating the main alternatives		
<b>8.4. Channel Management Decisions</b>		
8.4.1. Selecting channel members		
8.4.2. Managing and motivating channel members		
8.4.3. Evaluating channel members.		
<b>Chapter 9: Promotion</b>	3	Thuyết giảng và thảo luận
<b>9.1. Overview</b>		
<b>9.2. Communication</b>		
9.2.1. The changing communications environment		
9.2.2. The need for integrated marketing		

communications		
9.2.3. A view of the communication process		
9.2.4. Steps in developing effective communication		
<b>9.3. Promotional Mix</b>		
9.3.1. Promotion strategy		
9.3.2. Promotion budget setting		
<b>Chapter 10: Communication Tools</b>	5	
<b>10.1. Advertising</b>		
10.1.1. Definition		
10.1.2. Advertising Objectives		
10.1.3. Advertising Budgets		
10.1.4. Developing advertising strategy		
10.1.4.1. Creating advertising message		
10.1.4.2. Select advertising media		
<b>10.2. Public Relations</b>		
10.2.1. Definition		
10.2.2. Major public relations tools		
10.2.3. Main public relations decisions		
<b>10.3. Personal Selling</b>		
10.3.1. Overview		
10.3.1.1. Definition of personal selling		
10.3.1.2. The nature of personal selling		
10.3.1.3. The role of the sales force		
10.3.2. Managing the sales force		
10.3.2.1. Setting sales force objectives		
10.3.2.2. Designing sales force strategy and structure		
10.3.2.3. Recruiting and selecting salespeople		
10.3.2.4. Training salespeople		
10.3.2.5. Supervising salespeople		
10.3.2.6. Evaluating salespeople		
10.3.3. The personal selling process		
<b>10.4. Sales Promotion</b>		
10.4.1. Overview of sales promotion		
10.4.2. Sales Promotion planning		
<b>10.5. Direct and Online Marketing</b>		
10.5.1. The changing in the environment		
10.5.2. Database and Direct marketing		
10.5.3. Form of Direct Marketing		
10.5.4. Online Marketing		

Thuyết giảng và  
thảo luận

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Philip Kotler & Gary Armstrong (2012), *Principles of Marketing*, NXB Person, New Jersey.

### 6.2. Tài liệu khác

2. Kurtz (2008), *Principles of Contemporary Marketing*, Thomson Higher Education.
3. Trần Việt Nhân & Lương Thị Phương (2009), *Principles of Marketing Edited*, Đại học Sài Gòn.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phân nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 1 lần kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

ThS. Nguyễn Thị Túy Lan

ThS. Lê Nguyễn Bình Minh

**HỌC PHẦN**  
**TIẾNG ANH TRONG NHÀ HÀNG KHÁCH SẠN**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Anh trong Nhà hàng Khách sạn
- Mã học phần: 838307
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Môn học giúp sinh viên làm quen với môi trường giao tiếp tại nhà hàng -khách sạn từ những đề tài đơn giản như nắm được các loại nhà hàng khác nhau, đón tiếp khách và giúp khách chọn thực đơn, giải thích những thành phần trong món ăn một cách khái quát. Khóa học này sẽ có những tình huống giải quyết các khiếu nại thắc mắc của khách khi khách không hài lòng về chất lượng phục vụ hay món ăn. Những tình huống này sẽ giúp cho sinh viên tự tin hơn khi bước vào môi trường làm việc chuyên nghiệp của nhà hàng –khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao.Sinh viên thực hành những đoạn đối thoại dựa trên những gợi ý tình huống cụ thể trong từng bài.

**4. Mục tiêu cụ thể của HP/MH (Chuẩn đầu ra của HP/MH)**

**4.1. Về kiến thức**

Sau khi học xong, sinh viên có thể hiểu được công việc sẽ làm trong nhà hàng, khách sạn đạt tiêu chuẩn cao. Sinh viên biết được các loại phòng và trang thiết bị trong khách sạn, chức năng cũng như nhiệm vụ của giám đốc khách sạn, sẽ được gặp nhiều tình huống cụ thể như giải thích những thành phần trong món ăn, giúp khách lựa chọn thực đơn, giải quyết những khiếu nại của khách, cách bố trí bàn ăn vv....

**4.2. Về kỹ năng**

Sau khi học xong, sinh viên có thể phát triển kỹ năng nói theo cặp hoặc nhóm nhỏ, có khả năng thực hiện các bài đàm thoại trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn. Việc này rất có ích cho công việc tương lai khi làm trong lĩnh vực này.

**4.3. Về thái độ**

- Về giảng viên: Phải thường xuyên cập nhật kiến thức, hướng dẫn sinh viên dần làm quen với tiếng Anh giao tiếp tại nhà hàng, thiết kế bài giảng thú vị, hấp dẫn và tạo môi trường thực tập gắn với thực tế cho sinh viên.

- Về sinh viên: Dần hình thành tinh thần tự học, tự nghiên cứu, tự giác trong học tập đồng thời hình thành định hướng nghề nghiệp rõ ràng. Phát huy tinh thần làm việc theo cặp hoặc nhóm nhỏ.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>1. UNIT 1: WHERE TO EAT</b></p> <p><b>1.1 Warm up</b></p> <p><b>1.2 Listening:</b> Deciding where to eat</p> <p><b>1.3 Pronunciation:</b> Contracted forms/contractions (I)</p> <p><b>1.4 Vocabulary:</b> Types of restaurants</p> <p><b>1.5 Grammar:</b> Conditional sentences</p> <p><b>1.6 Speaking:</b>            Convincing people            Stating conditions            Giving reasons</p> <p><b>1.7 Reading:</b> New experiences</p> <p><b>1.8 Writing:</b>            Describing places: typical restaurants in different countries</p>	7	Giáo án điện tử: bài giảng và thảo luận theo nhóm; hội thoại theo cặp
<p><b>2. UNIT 2: WOULD YOU LIKE TO ORDER?</b></p> <p><b>2.1 Warm up</b></p> <p><b>2.2 Listening:</b> Ordering in a restaurant</p> <p><b>2.3 Pronunciation:</b> Contractions (II)</p> <p><b>2.4 Vocabulary:</b> Restaurant menu; Parts of a menu; Types of food</p> <p><b>2.5 Grammar:</b>            Modal verbs (1): can, could, may, might, must, will, would, shall            Use of modals: offers, requests, preference</p> <p><b>2.6 Speaking:</b>            A dialogue between a waiter and a customer            Describing dishes</p> <p><b>2.7 Reading:</b> Fish and chips</p> <p><b>2.8 Writing:</b>            Finger food: describing ingredients and giving opinion</p>	7	Giáo án điện tử: bài giảng và thảo luận theo nhóm; hội thoại theo cặp



<p><b>3. UNIT 3: TABLE ETIQUETTE</b></p> <p><b>3.1 Warm up</b></p> <p><b>3.2 Listening:</b> setting a formal table</p> <p><b>3.3 Pronunciation:</b> Linking sounds</p> <p><b>3.4 Vocabulary:</b> Table etiquette</p> <p><b>3.5 Grammar:</b> Reported speech: statements, questions and requests</p> <p><b>3.6 Speaking:</b> Setting the table at home Everything ready for a wedding</p> <p><b>3.7 Reading:</b> Dinner table etiquette-the 10 do's!</p> <p><b>3.8 Writing:</b> Describing table manners around the world: quiz</p>	7	Giáo án điện tử: bài giảng và thảo luận theo nhóm; hội thoại theo cặp
<p><b>Midterm test: kiểm tra kỹ năng Nghe và Đọc</b></p>	3	
<p><b>4. UNIT 4: ACCOMMODATION</b></p> <p><b>4.1 Grammar:</b> Modal verbs</p> <p><b>4.2 Vocabulary</b> Types of accommodation Facilities and services</p> <p><b>4.3 Professional skills:</b> Dealing with complaints</p> <p><b>4.4 Case study:</b> Investigate customer complaints</p>	7	Giáo án điện tử: bài giảng và thảo luận theo nhóm; hội thoại theo cặp
<p><b>5. UNIT 5: RUNNING A HOTEL</b></p> <p><b>5.1 Grammar:</b> have/get something done</p> <p><b>5.2 Vocabulary:</b> -ed/-ing adjectives - Hotel statistics</p> <p><b>5.3 Professional skills:</b> Making presentation</p> <p><b>5.4 Case study:</b> Transform the team</p>	7	Giáo án điện tử: bài giảng và thảo luận theo nhóm; hội thoại theo cặp
<p><b>6. UNIT 6: CUSTOMER SERVICE</b></p> <p><b>6.1 Grammar:</b> Questions forms</p> <p><b>6.2 Vocabulary:</b> Customer service terms Personal qualities Telephone numbers Multi-word verbs</p>	7	Giáo án điện tử: bài giảng và thảo luận theo nhóm; hội thoại theo cặp

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính

- Yanes L. et al, *Table for Two*, Nhà xuất bản tổng hợp TP.HCM
- Strutt P., *English for International Tourism- Intermediate-New Edition*, Pearson

### 6.2. Tài liệu khác

- Stott T. & Pohl A., *Highly Recommended 2- Intermediate*, OUP
- Walker R. & Harding K., *Tourism 3*, OUP
- O'Hara F., *Be My Guest*, CUP

- Các nguồn tham khảo trên mạng như Wikipedia, MSN, Encarta, YouTube,...

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Nói theo cặp, thời gian thi: 10 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Nguyễn Hoàng Mỹ Thanh

**HỌC PHẦN  
 LUẬT KINH DOANH**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Luật Kinh doanh
- Mã học phần: 838004
- Số tín chỉ: 3(3,0)
- Số tiết: 45 (45,0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Pháp luật Đại cương (865006)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 100

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Luật**

**3. Tóm tắt nội dung của học phần.**

Học phần Luật Kinh doanh là môn học pháp lý thuộc kiến thức chung của ngành chính, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các loại hình doanh nghiệp, các quy định về hoạt động thương mại, cạnh tranh phá sản và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh thương mại theo pháp luật kinh doanh của Việt Nam.

**4. Mục tiêu cụ thể của học phần**

**4.1. Về kiến thức**

- Nắm được Khái niệm, đặc điểm của các chủ thể pháp luật kinh doanh, hoạt động thương mại;
- Trình bày được những quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty, hợp tác xã.
- Nắm được các quy định của pháp luật thuộc mô hình tổ chức quản lý các công ty, hợp tác xã.
- Trình bày được các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp, hợp tác xã.

**4.2. Về kĩ năng**

- Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể liên quan đến việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty, hợp tác xã.
- Phát triển Kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm và kỹ năng bình luận, diễn đạt, thuyết trình trước công chúng.
- Phát triển kỹ năng tư duy, sáng tạo, khám phá tìm tòi, trau dồi và phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá.

### 4.3. Về thái độ

- Hình thành sự chủ động trong bổ sung, củng cố và nâng cao trình độ nhận thức của người học về các vấn đề thành lập và quản lý công ty, hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường.

- Chủ động vận dụng kiến thức đã học để phân tích và giải quyết các vấn đề thành lập, tổ chức lại, giải thể của các công ty, hợp tác xã trong thực tiễn.

- Hình thành tính tự tin, bản lĩnh cho sinh viên.

## 4. Kế hoạch dạy học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Phương pháp dạy- học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương I : NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LUẬT KINH DOANH</b>	3.0	GV: Trình bày, hướng dẫn, kiểm tra kiến thức tự học ở nhà của dinh viên
1. Quan niệm về Luật Kinh tế, Luật Thương mại, Luật Kinh doanh	1.0	
2. Đối tượng, phương pháp điều chỉnh	0.5	
3. Nguồn của Luật Thương mại	0.5	
4. Chủ thể kinh doanh, thương mại	1.0	
<b>Chương II : PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY</b>	12	GV: Trình bày, hướng dẫn,
I. Một số vấn đề chung về công ty		
1. Khái niệm công ty và đặc điểm	1.0	
2. Các loại hình công ty trên phổ biến thế giới	1.0	
II. Các loại hình công ty theo pháp luật Việt Nam		kiểm tra kiến thức tự học ở nhà của dinh viên
1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	2.0	
1.1 Khái niệm và đặc điểm	0.5	
1.2. Quyền và Nghĩa vụ của chủ sở hữu	0.5	
1.3. Cơ chế tổ chức và quản lý của công ty TNHH 1 thành viên	0.5	
1.4. Tăng, giảm vốn điều lệ của công ty TNHH 1 thành viên	0.5	
2. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	2.0	
2.1. Khái niệm và đặc điểm	0.5	
2.2. Tổ chức, quản lý của công ty TNHH 2 thành viên trở lên	1.0	
2.3. Tăng, giảm vốn điều lệ, điều kiện chia lợi nhuận	0.5	
3. Công ty Cổ phần	4.0	

I. Khái niệm và đặc điểm	0.5	
II. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông	1.0	
III. Cơ chế tổ chức quản lý trong công ty Cổ phần	1.5	
IV. Chế độ vốn và tài sản	1.0	
4. Công ty hợp danh	2.1	
4.1. Khái niệm và đặc điểm	0.5	
4.2. Tổ chức quản lý của công ty Hợp danh	1.5	
4.5. Chế độ vốn và tài chính trong công ty hợp danh	1.0	
<b>Chương III: DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC</b>	4.0	kiểm tra kiến thức tự học ở nhà của dinh viên
1. Khái niệm, đặc điểm Doanh nghiệp nhà nước	0.5	
2. Cơ cấu tổ chức trong doanh nghiệp nhà nước	1.0	
3. Các quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp nhà nước.	0.5	
4. Tổng công ty và Tổ chức quản lý của tổng công ty do nhà nước quyết định đầu tư và thành lập	1.5	
5. Quan hệ giữa tổng công ty do nhà nước quyết định đầu tư và thành lập với các đơn vị thành viên	0.5	
<b>Chương IV : DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VÀ HỘ KINH DOANH</b>	4.0	kiểm tra kiến thức tự học ở nhà của dinh viên
<b>I. DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN</b>		
1. Khái niệm, đặc điểm	0.5	
2. Quyền nghĩa vụ cơ bản và các quyền đặt biệt của chủ doanh nghiệp tư nhân	1.0	
3. Vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp	1.0	
<b>II. HỘ KINH DOANH</b>		
1. Khái niệm, đặc điểm	0.5	
2. Trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh	1.0	
<b>Chương V: HỢP TÁC XÃ</b>	4.0	GV: Trình bày, hướng dẫn,
1. Khái niệm, đặc điểm của hợp tác xã	1.0	
2. Nguyên tắc, tổ chức, hoạt động của hợp tác xã	0.5	
3. Thành lập, tổ chức lại, giải thể của hợp tác xã	1.0	

Quyền, nghĩa vụ cơ bản của hợp tác xã	0.5	
Quy chế pháp lý về tổ chức, quản lý, chế độ tài chính, vốn trong hợp tác xã và xã viên trong hợp tác xã	1.0	
<b>Chương VI. Pháp luật về mua bán hàng hóa</b>	4.0	kiểm tra kiến thức tự học ở nhà của đình viên
I. Khái quát chung về mua bán hàng hóa	1.0	
II. Hợp đồng mua bán hàng hóa	2.0	
III. Mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa	1.0	
<b>Chương VII. Pháp luật về Đầu tư</b>	4.0	
I. Những vấn đề chung về pháp luật đầu tư	1.0	
II. Nội dung cơ bản về pháp luật đầu tư hiện hành	2.0	
III. Quyền và Nghĩa vụ của nhà đầu tư	1.0	
<b>Chương VIII. Pháp luật về Cạnh tranh</b>	5.0	
I. Khái luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh 1. Khái quát về cạnh tranh 2. Những vấn đề lý thuyết chung về pháp luật cạnh tranh	2.0	GV: Trình bày, hướng dẫn,
II. Pháp luật cạnh tranh ở Việt Nam hiện nay 1. Bối cảnh ra đời 2. Những quy định chung 3. Kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh 4. Hành vi cạnh tranh không lành mạnh 5. Tố tụng cạnh tranh	3.0	
<b>Chương IX. Giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh thương mại</b>	5.0	GV: Trình bày, hướng dẫn,
I. Khái quát tranh chấp trong kinh doanh	1.0	
II. Các loại hình giải quyết tranh chấp	1.0	
II. Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại theo pháp luật Việt Nam	1.5	
III. Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài Tòa án	1.5	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.11 Tài liệu chính

- + Giáo trình *Luật thương mại*, (Phần I&II) Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 20012;
- + Giáo trình *Luật kinh tế*, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Nxb. Đại học Quốc gia TP.HCM- 2014;
- + Luật *doanh nghiệp 2015*, Bộ Luật *dân sự 2015*, Luật *Thương mại 2005*, Bộ luật *Tổ tụng dân sự 2016*, Luật *trọng tài thương mại năm 2010*; Luật *Hợp tác xã số 23/2012*, Luật *Cạnh tranh năm 2004*; Luật *Phá sản năm 2014*...

### 6.2. Tài liệu khác

- +TS. Phạm Duy Nghĩa, *Chuyên khảo về Luật kinh tế*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2004;
- +Đào Trí Úc, *Những vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật*, Nxb Chính trị quốc gia, 1995.
- + Hồ Xuân Thắng, *Tuyển chọn các bản án giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh và thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp quận huyện trên địa bàn TP HCM*, Nxb, Công an nhân dân, năm 2016

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở (thí sinh được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút hoặc 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG KHOA LUẬT**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Hồ Xuân Thắng

TS. Hồ Xuân Thắng

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
 NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

## HỌC PHẦN QUẢN TRỊ DU LỊCH

### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Quản trị Du lịch
- Mã học phần: 835108
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên

### 3. Mô tả học phần

Học phần trang bị kiến thức về ngành quản trị du lịch và các kỹ năng liên quan trong công việc kinh doanh du lịch. Học phần được thiết kế gồm 5 chương với cái bài học lý thuyết đi kèm với phần bài tập, bài tập thảo luận nhóm thông qua một số câu hỏi ở từng chương. Bài kiểm tra giữa kỳ được bố trí vào tuần 7.

### 4. Mục tiêu học phần

#### 4.1. Về kiến thức

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị kinh doanh ngành dịch vụ du lịch.
- Giới thiệu các phương pháp quản trị doanh nghiệp du lịch. Hiểu được những đặc điểm của sản phẩm du lịch để vận dụng vào các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

#### 4.2. Về kỹ năng

Sau khi học xong sinh viên sẽ hiểu được tầm quan trọng của việc quản trị trong tổng thể ngành du lịch và tầm quan trọng của ngành du lịch đối với nền kinh tế. Hơn nữa, học phần chuẩn bị cho sinh viên những kiến thức thực tế bổ ích nhằm định hướng cho công việc tương lai.

#### 4.3. Về thái độ

Sinh viên dần hình thành tinh thần tự học, tự nghiên cứu, tự giác trong học tập và nâng cao tinh thần hoạt động nhóm đồng thời có định hướng nghề nghiệp rõ ràng.



## 5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chapter 1: UNDERSTANDING TOURISM</b>	2	- Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên đọc và trả lời câu hỏi.
1.1. What is tourism?		
1.2. Tourism: A global activity		
1.3. Discussion		
<b>Chapter 2: UNDERSTANDING THE TOURISM INDUSTRY</b>	7	
<b>2.1. Understanding and managing tourism supply: an introductory frame work</b>	3	- Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên đọc và trả lời câu hỏi. - Sinh viên mô tả lại các mục vừa được nghe giảng.
2.1.1. <i>What is supply?</i>		
2.1.2. <i>The determinants of tourism supply</i>		
2.1.3. <i>The tourism supply chain</i>		
2.1.4. <i>The management of tourism supply</i>		
2.1.5. <i>Tourism business strategies and supply issues</i>		
<b>2.2. Travel Intermediaries: Tour Operators and Agents</b>	2	- Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên đọc, thảo luận và trả lời câu hỏi. - Sinh viên mô tả lại các mục vừa được nghe giảng.
2.2.1. <i>The tour operator</i>		
2.2.2. <i>The business of tour operation</i>		
2.2.3. <i>Travel agents and retailing</i>		
<b>2.3. Transporting the tourist</b>	1	- Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên đọc và trả lời câu hỏi. - Sinh viên đọc thêm tài liệu ở nhà.
<b>2.4. Visitor Attractions</b>		
<b>2.5. Tourism accommodation and hospitality services</b>		
<b>2.6. Discussion</b>	1	- Sinh viên thảo luận theo nhóm, trả lời các câu hỏi chương II và thuyết trình. - Giáo viên hướng dẫn, cho ý kiến, đánh giá thuyết trình.
<b>Chapter III. MANAGING TOURIST OPERATIONS AND COMMUNICATING WITH THE VISITOR</b>	5	
<b>3.1. Human resource management in tourism</b>	1	- Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên đọc và trả lời câu hỏi.
<b>3.2. So what do we mean by the term ‘human resource management’?</b>		
<b>3.3. Agencies and HRM issues in tourism: international perspectives</b>	1	- Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên đọc và trả lời câu hỏi. - Sinh viên đọc thêm tài liệu ở nhà.

<b>3.4. Human resource management issues in small tourism businesses</b>	1	- Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên đọc và trả lời câu hỏi.
<b>3. 5. Managing HRM issues in the tourism sector</b>	1	- Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên đọc và trả lời câu hỏi.
<b>3.6. Discussion</b>	1	- Sinh viên thảo luận theo nhóm, trả lời các câu hỏi chương III và thuyết trình. - Giáo viên cho ý kiến, đánh giá thuyết trình.
<b>Midterm Test</b>	<b>1</b>	- Sinh viên làm kiểm tra giữa kỳ
<b>Chapter IV. MANAGING TOURISM ACTIVITIES</b>	<b>7</b>	
<b>4.1. Planning and managing the tourist experience</b>	3	- Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên đọc và trả lời câu hỏi.
<i>4.1.1. The management and planning of the tourist experience</i>		
<i>4.1.2. The tourism planning process</i>		
<i>4.1.3. Human resource issues and the tourist experience</i>		
<b>4.2. Marketing tourism</b>	3	- Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên đọc và trả lời câu hỏi.
<i>4.2.1 Tourism marketing- The marketing mix</i>		
<i>4.2.2. Knowing the customer- competition</i>		
<i>4.2.3. Planning for the future: Marketing planning and analysis</i>		
<b>4.3. Discussion</b>	1	- Sinh viên thảo luận và thuyết trình theo nhóm - Giáo viên hướng dẫn, gợi ý và đánh giá.
<b>Chapter V. FINANCE AND ACCOUNTING FOR TOURISM</b>	<b>8</b>	
<b>5.1. Understanding Financial Statement</b>	3	- Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên đọc và trả lời câu hỏi.
<i>5.1.1. Profit and loss account</i>		
<i>5.1.2. Expenses</i>		
<i>5.1.3. Presentation of profit and loss account</i>		
<i>5.1.4. Depreciation and other deductions</i>		
<i>5.1.5. The balance sheet</i>		
<i>5.1.6. Assets</i>		
<i>5.1.7. Liabilities</i>		
<b>5.2. Understanding and application of cost concepts</b>	1	- Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên đọc và trả lời câu hỏi.
<i>5.2.1. Classifying costs</i>		
<i>5.2.2. Basic elements of costs</i>		
<b>5.3. Application of cost concepts – cost structure</b>	1	- Giáo án điện tử, bài giảng

5.3.1. <i>Cost volume profit analysis</i>		của giáo viên, sinh viên đọc và trả lời câu hỏi.
5.3.2. <i>Breakeven analysis</i>		
<b>5.4. Pricing</b>	2	- Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên đọc và trả lời câu hỏi.
5.4.1. <i>Elasticity of demand</i>		
5.4.2. <i>Approaches to pricing</i>		
5.4.3. <i>Cost-based or cost-plus pricing approaches</i>		
5.4.4. <i>Summary of key pricing concepts</i>		
<b>5.5. Discussion</b>	1	- Sinh viên thảo luận và thuyết trình theo nhóm - Giáo viên hướng dẫn, gợi ý và đánh giá.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

Giáo trình Quản trị du lịch do Khoa biên soạn.

### 6.2. Tài liệu khác

- Cook, R. A., Jale L. J. and Marqua, J. J. (2010) *Tourism- The Business of Travel. Fourth Edition*. Pearson.

- Stephen, J., Page and Connell, J. (2011) *Tourism- A Modern Synthesis. Third Edition*. South Western Cengage Learning.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Nguyễn Văn Thành

**HỌC PHẦN  
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thực tập Tốt nghiệp
- Mã học phần: 838098
- Số tín chỉ: 6
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 90
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Thực tế Chuyên môn 2 (838111)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 300

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần**

Sinh viên biết vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề có liên quan đến tình hình hoạt động thuộc công ty mà sinh viên đang tham gia thực tập và nhiệm vụ được phân công.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

- Thu thập dữ liệu và phân tích tổng quan tình hình hoạt động của cơ quan doanh nghiệp nơi sinh viên thực tập (tên đầy đủ và loại hình công ty, quá trình hình thành và phát triển công ty, lĩnh vực kinh doanh, đối tượng khách hàng, cơ cấu tổ chức của đơn vị).

- Mô tả tình hình hoạt động của phòng ban thuộc doanh nghiệp / công ty và mô tả nhiệm vụ mà sinh viên đảm nhận tại phòng ban thuộc tổ chức đó.

**4.2. Về kỹ năng**

- Đưa ra những nhận định chung về thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh.

- Đánh giá về một hoạt động cụ thể tại nơi thực tập và đồng thời vận dụng các kiến thức đã học, sinh viên đề xuất các giải pháp để khắc phục/cải thiện/hoàn thiện hoạt động đó của doanh nghiệp.

- Đề xuất các biện pháp và thực hiện nhằm khắc phục/cải thiện/hoàn thiện công việc được phân công.

**4.3. Về thái độ**

Nâng cao khả năng hợp tác, linh hoạt trong việc phối hợp với các cá nhân và tổ chức nơi sinh viên thực tập.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

- Sinh viên đi thực tập theo hình thức làm việc tại các công ty ở tất cả các lĩnh vực mà nhu cầu nhân sự có yêu cầu trình độ tiếng Anh cấp độ đại học / cao đẳng.
- Khi sinh viên đi nhận công việc sẽ chấp hành sự phân công của Ban Giám đốc công ty hoặc phòng nhân sự.
- Thời gian thực tập tại công ty là 6 tuần (42 ngày).
- Sau khi kết thúc đợt thực tập, sinh viên nộp bài cáo báo về khoa theo các yêu cầu: mô hình hoạt động sản xuất, lĩnh vực chuyên, hoạt động kinh doanh, thị trường, ...
- Đánh giá kết quả thực tập sẽ do cả công ty, đại diện là cán bộ hướng dẫn thực tập và giảng viên hướng dẫn của khoa phụ trách.

## 6. Phương pháp đánh giá học phần

- 6.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 6.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 2
- 6.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi học kỳ.
- 6.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra, báo cáo: Hệ số 1,0
- 6.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 6.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Đặng Quỳnh Liên

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

## HỌC PHẦN GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giao tiếp liên văn hóa
- Mã học phần: 813077
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng Đọc 2 (813063)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên

### 3. Mô tả học phần

Học phần bao gồm một số kiến thức cơ bản về mâu thuẫn và hội nhập văn hóa, chú ý đến sự đa dạng văn hóa trong phạm vi nước Mỹ; đồng thời mô tả khuôn mẫu giao tiếp và văn hóa đối lập với khuôn mẫu của người Mỹ.

### 4. Mục tiêu cụ thể của HP/MH (Chuẩn đầu ra của HP/MH)

4.1. Về kiến thức: Cung cấp kiến thức về những giá trị ,khuôn mẫu trong giao tiếp của văn hóa Mỹ, những điểm tương đồng và dị biệt trong khi so sánh các nền văn hóa khác nhau,cách thức điều chỉnh để hội nhập vào một nền văn hóa mới .

4.2. Về kỹ năng: Sinh viên có thể phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng tra cứu tìm hiểu và phân tích các vấn đề liên quan đến so sánh văn hóa..

4.3. Về thái độ: Nâng cao ý thức về sự khác biệt văn hóa để có thái độ tôn trọng và cư xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp với những người thuộc nền văn hóa khác.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
1. Introduction: Cross-cultural terms and principles	3	Giảng viên giảng bài sử dụng giáo án điện tử Phân chia nhóm thuyết trình
2. Verbal Communication : The Way People	6	

<b>Speak</b>		
2.1. Students' presentation - Conversational involvement - Incorrect judgments of character - Directness and indirectness - American male-female differences in directness - Cross-cultural implications - Conversation structures - Ethnocentric judgment	2	Thuyết trình nhóm, thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
2.2. Comprehension questions, discussion questions	2	Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
2.3. Vocabulary exercises, cultural notes (extra reading)	2	Sinh viên làm bài tập trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
<b>3. Non-verbal Communication : Speaking Without Words</b>	<b>6</b>	
3.1. Students' presentation - Cultural differences in nonverbal communication - Gestures and body positioning - Facial expressiveness - Eye contact - Conversational distance	2	Thuyết trình nhóm, thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
3.2. Comprehension questions, discussion questions	2	Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
3.3. Vocabulary exercises, cultural notes (extra reading)	2	Sinh viên làm bài tập trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
<b>Midterm test</b>	<b>3</b>	
<b>4. Cross-cultural contact with Americans</b>	<b>8</b>	
4.1. Students' presentation - The term "American" - A description of Americans: Is it possible? - "Melting pot" and "mosaic" - Stereotypes and generalizations - Mainstream American Values - A foreign anthropologist's observation of Americans - Mainstream American values - Individualism and privacy - Equality and egalitarianism - Future orientation	3	Thuyết trình nhóm, thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
4.2. Comprehension questions, discussion questions	3	Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi trên lớp dưới sự hướng dẫn của

		giáo viên bộ môn.
4.3. Vocabulary exercises, cultural notes (extra reading)	2	Sinh viên làm bài tập trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
<b>5. Education: Values and Expectations</b>	<b>8</b>	
5.1. Students' presentation - Diversity in higher education - Active participation - The teacher-student relationship - Trust, honesty, and the honor system - Competition and grading - Student stress and coping - International and immigrant students in the United States	3	Thuyết trình nhóm, thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
5.2. Comprehension questions, discussion questions	3	Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
5.3. Vocabulary exercises, cultural notes (extra reading)	2	Sinh viên làm bài tập trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
<b>6. Work: Practice and Attitude</b>	<b>8</b>	
6.1. Students' presentation - Cross-cultural implications of the job search - Steps to finding a job - Employer – employee relationships - On-the-job communication skills - Time considerations in the work's world - Workaholic - The “work ethnic” and materialism - Reactions to work	3	Thuyết trình nhóm, thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn
6.2. Comprehension questions, discussion questions	3	Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
6.3. Vocabulary exercises, cultural notes (extra reading)	2	Sinh viên làm bài tập trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
Review	<b>3</b>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính:

1) Deena R. Levine & Mara B. Adelman (1992), *Beyond Language: Cross-Cultural Communication*, Prentice Hall Regents.

### 6.2 Tài liệu khác:

1) Philip R. Harris and Robert T. Moran (1996), *Managing Cultural Differences*, Gulf Publishing Company Houston, Texas.



2) Bernice Hurst (1991), *The Handbook of Communication Skills*, London : Kogan Page.

3) Các nguồn tham khảo trên mạng như :Wikipedia, MSN, Encarta...

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Đặng Quỳnh Liên

**HỌC PHẦN**  
**TIẾNG ANH VĂN PHÒNG**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Anh văn phòng
- Mã học phần: 838308
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Tiếng Anh Văn Phòng giúp sinh viên làm quen với môi trường giao tiếp tại các doanh nghiệp từ những đề tài đơn giản như làm thế nào để trở thành người giao tiếp tốt, xây dựng mối quan hệ trong doanh nghiệp, làm thế nào để kinh doanh thành công, những yếu tố thúc đẩy nhân viên làm việc tốt, xây dựng tinh thần tập thể trong công ty thông qua các tình huống cụ thể như điện thoại để xác nhận những chi tiết về chuyên viên thăm tổng công ty của các đồng nghiệp trong, thảo luận về kế hoạch quảng cáo chủng loại sản phẩm mới của công ty, điện thoại cho nhà cung cấp để thương lượng về chính sách mua hàng, giám đốc kinh doanh thương lượng hợp đồng với nhà sản xuất vv.... Những tình huống này sẽ giúp cho sinh viên tự tin hơn khi bước vào môi trường làm việc chuyên nghiệp ở các doanh nghiệp đặc biệt các công ty nước ngoài. Sinh viên thực hành những đoạn đối thoại dựa trên những gợi ý tình huống cụ thể trong từng bài.

**4. Mục tiêu cụ thể của HP/MH (Chuẩn đầu ra của HP/MH)**

**4.1. Về kiến thức**

Sau khi học xong, sinh viên có thể hiểu được công việc sẽ làm trong môi trường doanh nghiệp đặc biệt ở các công ty nước ngoài. Sinh viên sẽ được gặp nhiều tình huống cụ thể như điện thoại để xác nhận những chi tiết về chuyên viên thăm tổng công ty của các đồng nghiệp trong, thảo luận về kế hoạch quảng cáo chủng loại sản phẩm mới của công ty, điện thoại cho nhà cung cấp để thương lượng về chính sách mua hàng, giám đốc kinh doanh thương lượng hợp đồng với nhà sản xuất vv....

**4.2. Về kỹ năng**

Sau khi học xong, sinh viên có thể phát triển kỹ năng nói theo cặp hoặc nhóm nhỏ, có khả năng thực hiện các bài đàm thoại trong lĩnh vực kinh doanh. Việc này rất có ích cho công việc tương lai khi làm trong lĩnh vực này.

### 4.3. Về thái độ

- Về giảng viên: Phải thường xuyên cập nhật kiến thức, hướng dẫn sinh viên dần làm quen với tiếng Anh giao tiếp trong môi trường doanh nghiệp, thiết kế bài giảng thú vị, hấp dẫn và tạo môi trường thực tập gắn với thực tế cho sinh viên.

- Về sinh viên: Dẫn hình thành tinh thần tự học, tự nghiên cứu, tự giác trong học tập đồng thời hình thành định hướng nghề nghiệp rõ ràng. Phát huy tinh thần làm việc theo cặp hoặc nhóm nhỏ.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. UNIT 1: COMMUNICATION</b> <b>1.1 Starting up</b> <b>1.2 Vocabulary:</b> Good communicators <b>1.3 Listening:</b> Improving communications <b>1.4 Reading:</b> Email: for and against <b>1.5 Language review:</b> Idioms <b>1.6 Skills:</b> Dealing with communication breakdown <b>1.7 Useful language</b> <b>1.8 Case study:</b> The price of success	7	Giáo án điện tử: bài giảng và thảo luận theo nhóm; hội thoại theo cặp
<b>2. UNIT 2: BUILDING RELATIONSHIP</b> <b>2.1 Starting up</b> <b>2.2 Vocabulary:</b> Describing relations <b>2.3 Listening:</b> Business partnerships <b>2.4 Reading:</b> Business networks in China <b>2.5 Language review:</b> Multi-word verbs <b>2.6 Skills:</b> Networking <b>2.7 Useful language</b> <b>2.8 Case study:</b> Al-Munir Hotel and Spa Group	7	Giáo án điện tử: bài giảng và thảo luận theo nhóm; hội thoại theo cặp
<b>3. UNIT 3: SUCCESS</b> <b>3.1 Starting up</b> <b>3.2 Vocabulary:</b> Prefixes <b>3.3 Listening:</b> Successful businesses <b>3.4 Reading:</b> Carlos Slim <b>3.5 Language review:</b> Present and past tenses <b>3.6 Skills:</b> Negotiating <b>3.7 Useful language</b> <b>3.8 Case study:</b> Kensington United	6	Giáo án điện tử: bài giảng và thảo luận theo nhóm; hội thoại theo cặp
<b>Midterm test</b>	2	Kiểm tra kỹ năng nghe hiểu và

		đọc hiểu
<b>4. UNIT 4: JOB SATISFACTION</b> <b>4.1 Starting up</b> <b>4.2 Vocabulary:</b> Synonyms and word-building <b>4.3 Listening:</b> Staff motivation <b>4.4 Reading:</b> Working for the best companies <b>4.5 Language review:</b> Passives <b>4.6 Skills:</b> Cold-calling <b>4.7 Useful language</b> <b>4.8 Case study:</b> Just good friends	6	Giáo án điện tử: bài giảng và thảo luận theo nhóm; hội thoại theo cặp
<b>Revision</b>	2	Giáo án điện tử: bài ôn tập

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính:

- Cotton D. et al, *Market Leader-Upper Intermediate-3<sup>rd</sup> edition*, Pearson

### 6.2. Tài liệu khác:

- Duckworth M. & Turner R., *Business Result-Upper Intermediate*, OUP.
- Allison J et al, *The Business 2.0-Upper Intermediate*, Macmillan
- Dummett P. & Benn C., *Total Business 3*, Heinle Cengage Learning
- Lisboa M. & Handford M., *Business Advantage-Upper-Intermediate*, CUP
- Các nguồn tham khảo trên mạng như Wikipedia, MSN, Encarta, YouTube,...

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Nói theo cặp, thời gian thi: 10 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**HỌC PHẦN  
 NGHIỆP VỤ THƯ KÍ**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Nghiệp vụ thư ký
- Mã học phần: 838112
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thực hành): 30 (10; 10; 10)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 100

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quản trị văn phòng**

**3. Mô tả học phần:**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ thư ký; rèn luyện những kỹ năng của một người thư ký như thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho lãnh đạo; kỹ năng tổ chức các cuộc họp, hội nghị, sự kiện; kỹ năng tổ chức chuyến công tác cho lãnh đạo; kỹ năng giao tiếp của người thư ký trong hành chính. Sau khi kết thúc học phần người học có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ thư ký vào việc tổ chức thực hiện, quản lý công việc thực tiễn trong văn phòng các cơ quan/doanh nghiệp.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

Người học nắm được các kiến thức nghiệp vụ được áp dụng tại các cơ quan/doanh nghiệp như nghiệp vụ thu thập, xử lý và cung cấp thông tin; soạn thảo văn bản; lập kế hoạch cho lãnh đạo; nghiệp vụ giao tiếp, nghiệp vụ tiếp đãi khách. Từ đó, giúp người học vận dụng linh hoạt và hiệu quả các nghiệp vụ vào thực tế công việc.

**4.2. Về kỹ năng**

Người học thành thạo các kỹ năng:

- Kỹ năng thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho lãnh đạo.
- Kỹ năng lập kế hoạch và quản lý kế hoạch của lãnh đạo.
- Kỹ năng soạn thảo văn bản cho lãnh đạo.
- Kỹ năng giao tiếp trong hành chính (nghe, thuyết trình, đọc, viết, đàm phán và các kỹ năng mềm khác) của người thư ký chuyên nghiệp.
- Kỹ năng tiếp khách
- Kỹ năng tổ chức các loại tiệc tại cơ quan/doanh nghiệp.

### 4.3. Về thái độ

- Rèn luyện tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp. Tôn trọng và thực hiện nghiêm túc các qui định về nghiệp vụ, giúp đỡ đồng nghiệp trong thực hiện nghiệp vụ.

- Rèn luyện ý thức tự giác, chủ động, tự nghiên cứu về lí luận và thực tiễn liên quan tới nội dung của nghiệp vụ. Linh hoạt trong thực hiện công việc, biết vận dụng sáng tạo các kiến thức, kĩ năng, qui định vào thực tiễn công việc để đạt hiệu quả cao.

- Hình thành tư cách, tác phong, thái độ, ứng xử của người lao động trong văn phòng một cách chuyên nghiệp.

- Rèn luyện khả năng làm việc đội nhóm từ đó xây dựng tinh thần tập thể, khả năng phản biện và tôn trọng ý kiến người khác.

- Phát huy thái độ tích cực, tư duy sáng tạo trong học tập và nghiên cứu.

### 5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1</b> <b>Tổng quan về nghiệp vụ thư kí</b>	5	Thuyết giảng, thảo luận
1.1. Khái niệm, vị trí của người thư kí		
1.1.1. Khái niệm		
1.1.2. Vị trí		
1.2. Nhiệm vụ của người thư kí		
1.3. Phẩm chất, kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp của người thư kí.		
1.3.1. Phẩm chất, đạo đức		
1.3.2. Kiến thức chuyên môn		
1.3.3. Kĩ năng nghề nghiệp		
1.3.4. Kiến thức xã hội		
<b>Chương 2</b> <b>Thu thập, xử lí và cung cấp thông tin cho lãnh đạo</b>	10	Thuyết giảng, bài tập nhóm, thực hành
2.1. Khái quát chung về thông tin phục vụ lãnh đạo		
2.1.1. Khái niệm về thông tin phục vụ lãnh đạo		
2.1.2. Vai trò của thông tin phục vụ lãnh đạo		
2.1.3. Nhu cầu thông tin của lãnh đạo		
2.1.3.1. Thông tin quy phạm pháp luật		
2.1.3.2. Thông tin hoạt động cụ thể của cơ quan, doanh nghiệp		
2.1.3.3. Thông tin khác liên quan tới hoạt động quản lí của lãnh đạo		
2.1.4. Yêu cầu của thông tin khi cung cấp cho lãnh đạo		
2.1.4.1. Thông tin phải chính xác		
2.1.4.2. Thông tin phải cập nhật		
2.1.4.3. Thông tin phải bảo mật		
2.1.4.4. Thông tin phải hệ thống		
2.2. Nghiệp vụ thu thập, xử lí và cung cấp thông tin cho lãnh đạo		
2.2.1. Xác định nhu cầu thông tin của lãnh đạo		

2.2.1.1. Xác định các nguồn tin để khai thác, tìm kiếm		
2.2.1.2. Các phương pháp thu thập thông tin		
2.2.2. Xử lý thông tin		
2.2.2.1. Các phương pháp phân tích, kiểm tra tính chính xác của thông tin.		
2.2.2.2. Các phương pháp tổng hợp thông tin theo nội dung, chủ đề xác định		
2.2.2.3. Các phương pháp nghiên cứu, đề xuất biện pháp xử lý (nếu được yêu cầu)		
2.2.3. Cung cấp thông tin		
2.2.3.1. Các hình thức cung cấp thông tin		
2.2.3.2. Phương pháp lưu trữ các thông tin		
<b>Chương 3</b> <b>Tổ chức cuộc họp, hội nghị</b>	5	Thuyết giảng, bài tập nhóm, thực hành
3.1. Phân loại các cuộc họp, hội nghị		
3.1.1. Cuộc họp nội bộ		
3.1.2. Cuộc họp có khách mời bên ngoài		
3.1.3. Hội nghị		
3.1.4. Hội thảo		
3.2. Giai đoạn chuẩn bị cuộc họp, hội nghị		
3.2.1. Xây dựng kế hoạch tổ chức		
3.2.2. Lập chương trình cuộc họp, hội nghị		
3.2.3. Chuẩn bị văn bản, tài liệu, thư mời, diễn văn...		
3.2.4. Chuẩn bị cơ sở vật chất.		
3.2.5. Lập dự trù kinh phí		
3.3. Giai đoạn tiến hành họp, hội nghị		
3.3.1. Kiểm tra các công việc chuẩn bị		
3.3.2. Đón tiếp khách mời		
3.3.3. Cách ghi biên bản		
3.3.4. Đảm bảo hậu cần		
3.4. Sau cuộc họp, hội nghị		
3.4.1. Hoàn thiện các văn bản		
3.4.2. Lập hồ sơ cuộc họp, hội nghị		
3.4.3. Thực hiện việc quyết toán		
3.4.4. Kiểm tra cơ sở vật chất.		
3.5. Một số kỹ năng cần thiết đối với thư ký khi tổ chức cuộc họp, hội nghị		
3.5.1. Kỹ năng dẫn chương trình		
3.5.2. Kỹ năng đọc báo cáo, bài phát biểu		
3.5.3. Kỹ năng quản lý và giải quyết các vấn đề phát sinh		
3.5.4. Kỹ năng điều hành thảo luận/lấy ý kiến trong hội nghị		
3.5.5. Kỹ năng viết bài diễn văn, bài phát biểu, báo cáo, ghi biên bản		
3.5.6. Một số phương pháp sắp xếp, bố trí, trang trí phòng họp, phòng hội nghị, hội trường		
<b>Chương 4</b> <b>Tổ chức chuyên công tác cho lãnh đạo</b>	5	Thuyết giảng, bài tập nhóm, thực hành

4.1. Yêu cầu khi tổ chức chuyến công tác		
4.1.1. Nắm vững các thông tin chuyên đi		
4.1.2. Nắm vững các thủ tục, qui định cần thực hiện		
4.2. Chuẩn bị cho chuyến công tác		
4.2.1. Lập kế hoạch chuẩn bị chuyến công tác		
4.2.2. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết		
4.2.2.1. Chuẩn bị các thủ tục hành chính		
4.2.2.2. Chuẩn bị phương tiện		
4.2.2.3. Liên hệ với nơi tới công tác		
4.2.2.4. Chuẩn bị văn bản, tài liệu		
4.2.2.5. Chuẩn bị kinh phí và các vấn đề khác		
4.3. Công việc của thư kí trong thời gian lãnh đạo đi công tác		
4.3.1. Trường hợp thư kí không đi công tác cùng lãnh đạo		
4.3.1.1. Báo cáo các thông tin cần thiết cho lãnh đạo		
4.3.1.2. Tập hợp, sắp xếp các văn bản		
4.3.1.3. Ghi chép các lời nhắn, cuộc hẹn		
4.3.2. Trường hợp thư kí đi công tác cùng lãnh đạo		
4.3.2.1. Liên hệ/chuẩn bị các buổi làm việc		
4.3.2.2. Tham dự các buổi làm việc theo yêu cầu của lãnh đạo		
4.3.2.3. Thực hiện các công việc hậu cần		
4.3.2.4. Quản lí/chi tiêu tài chính cho đoàn		
4.4. Sau khi lãnh đạo đi công tác về		
4.4.1. Trường hợp thư kí không đi công tác cùng lãnh đạo		
4.4.1.1. Báo cáo công việc theo yêu cầu		
4.4.1.2. Trình các văn bản, tài liệu, lời nhắn, lịch làm việc		
4.4.1.3. Lập hồ sơ chuyến công tác		
4.4.2. Trường hợp thư kí đi công tác cùng lãnh đạo		
4.4.2.1. Lập hồ sơ chuyến công tác		
4.4.2.2. Soạn thảo các tài liệu theo yêu cầu của lãnh đạo		
4.4.2.3. Thực hiện quyết toán chuyên đi		
<b>Chương 5</b>	5	Thuyết giảng, bài tập nhóm, thực hành
<b>Kĩ năng giao tiếp trong hành chính</b>		
5.1. Giao tiếp trong hành chính		
5.1.1. Các vấn đề chung về giao tiếp trong hành chính		
5.1.2. Nguyên tắc trong giao tiếp trong hành chính		
5.1.2.1. Đảm bảo hài hòa lợi ích các bên giao tiếp		
5.1.2.2. Có nhiều giải pháp trong giao tiếp		
5.1.2.3. Coi trọng và vận dụng các qui phạm khách quan		
5.1.2.4. Coi trọng các mối quan hệ.		
5.2. Các kĩ năng giao tiếp hành chính cơ bản		
5.2.1. Giao tiếp điện thoại		
5.2.2. Một số kĩ năng khi tiếp khách (chào hỏi, tự giới thiệu, bắt tay, trao/nhận danh thiếp, đi thang máy, ngồi xe...)		
5.3. Kĩ năng tiếp khách nước ngoài		
5.3.1. Các nguyên tắc cơ bản khi tiếp khách nước ngoài		
5.3.2. Một số kĩ năng và văn hóa khi tiếp khách một số quốc gia (Anh, Mỹ, Pháp, Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan).		



5.4. Phương pháp tổ chức tiệc chiêu đãi		
5.4.1. Tổ chức tiệc Âu		
5.4.2. Tổ chức tiệc Á		
5.4.3. Tổ chức tiệc buffet		
5.4.4. Một số điểm lưu ý khi tham dự tiệc		

## 6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính: Vũ Thị Phụng (2001), *Nghệp vụ thư kí văn phòng*, NXB DHQG Hà Nội, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác:

1. Đồng Thị Thanh Phương (2005), *Nghệp vụ thư kí giám đốc trong thời đại mới*, NXB Thống kê. TP.HCM

2. Lương Minh Việt (2005), *Giáo trình nghệp vụ thư kí*, NXB Hà Nội, Hà Nội.

3. Học viện Hành chính Quốc gia (2002), *Nghệp vụ thư kí văn phòng và tổ chức*, NXB Thống kê, Hà Nội.

## 7. Cách đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì):

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

ThS. Đặng Thanh Nam

ThS. Đặng Thanh Nam